

Sông Lam

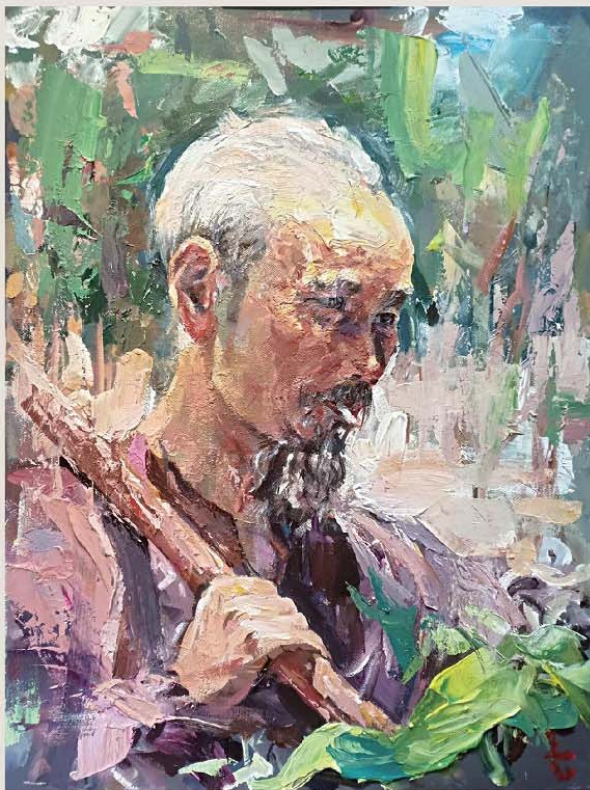
SỐ 5 (THÁNG 5 / 2020)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

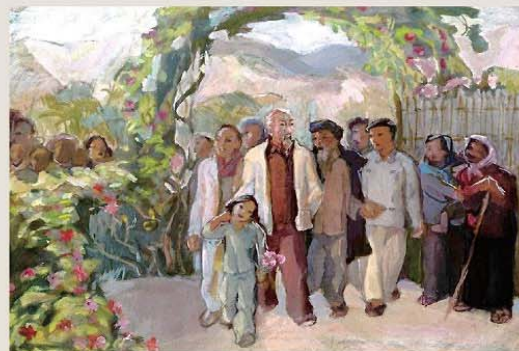
TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 5 (THÁNG 5 / 2020)



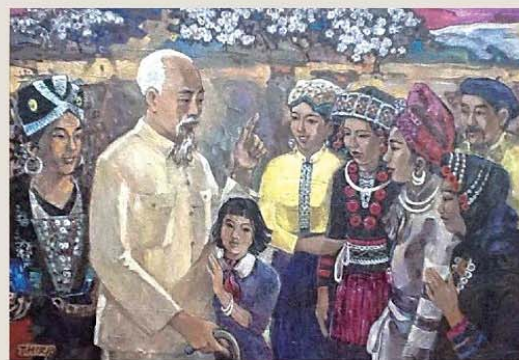
130 NĂM NGÀY SINH
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
[1890 - 2020]



Người vẽ cùng mùa Xuân (acrylic) - HỒ HUY HÙNG



Bác về thăm nhà (bột màu) - TRẦN MINH CHÂU



Đoàn kết là sức mạnh (tổng hợp) - TRỌNG HIỆP



Trung thu có Bác (khắc gỗ màu) - LÊ THỊ THU HÀ



Bác Hồ với nông dân (acrylic) - HỒ THIẾT TRINH

Sông Lam

Số 5 (Tháng 5 / 2020)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC
- Tòa soạn:

Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Giá: 25.000 đ

MỤC LỤC

■ THỜI LUẬN	
NGUYỄN KHẮC AN	Quyền lực cá nhân và uy tín xã hội.....1
■ KÝ	
GIAO HƯỞNG	Chuyện Thầu Chín trên xứ chùa vàng4
VĂN HIỂN	Đất ngọt15
■ TRUYỆN NGẮN	
TRẦN CẢNH YÊN	Mùa sim chín20
HÀ MẠNH PHONG	Sấm diên.....29
HOÀNG CHÍNH	Ông trạng xóm Trần.....35
■ THƠ - NHẠC	
TÙNG BÁCH: Hồ Chí Minh (tr. 41) • ĐÀO NAM SƠN: Thăm Pác Bó (tr. 41) • NGUYỄN HOA: Người đã đi như vậy đến nước Nga (tr. 42) • NGÔ S. ĐỒNG TOÀN: Viễn thăm (tr. 42) • DƯƠNG KỶ ANH: Một chiều (tr. 43) • ĐẶNG XUÂN MỘC: Quà của trái tim (tr. 43) • CHUNG TIẾN LỰC: Về nhà mạ (tr. 43) • ĐINH VĂN NHẬT MINH: Vô đề (tr. 43) • ĐÀO MINH SƠN: Kéo biển lên bờ (tr. 44) • GERARDO NAM VIỆT: Sinh nhật (tr. 44) • HOÀNG ANH TUẤN: Mất sen (tr. 45) • LAM HÀ: Vô đề (tr. 45) • MINH LÝ: Có một lối về (tr. 45) • LÊ THÀNH NGHỊ: Nhớ một lần về quê (tr. 46) • THANH TIẾN: Khoảng trống (tr. 46) • PHẠM THÁI LÊ: Ngày rỗng (tr. 47) • NGÔ XUÂN KHÔI: Gửi lại yêu thương (tr. 47) • CƯỜNG HOÀNG: Ở hay thương nhớ quê người... (tr. 48) • PHẠM HÙNG: Vô giá (tr. 48) • VƯƠNG TÂM: Giai điệu tình ca (tr. 48) • NGUYỄN HỒNG CƯỜNG: Ký ức mẹ quê (tr. 49) • TCSSL (giới thiệu): Trong nỗi nhớ người xa quê (tr. 50) • NGUYỄN THÁNH NGÃ: Ngày và đêm (tr. 52) • TRẦN NHƯÔNG: Bài thơ viết ở Vinh (tr. 52) • PHẠM TRUNG DŨNG: Giá như... (tr. 53) • THẠCH QUỲ: Cô gái áo đỏ (tr. 53) • PHAN THỨC ĐỊNH: Học nói... (tr. 53) • VÂN ANH: Xứ Nghệ (tr. 54) • CHUỖNG THANH PHONG: Viết nhân sinh nhật (tr. 55) • TRẦN THU HÀ: Giấc mơ con gái (tr. 56) • NGUYỄN VĂN SONG: Gọng vó đầu làng (tr. 57) • VI QUỐC HIẾP: Nụ táo cuối cùng (tr. 57) • VĂN THẾ: Từ Sài Gòn Bắc ra đi (tr. 73) • XUÂN HOÀI - QUỐC VIỆT: Núi Hồng sông Lam (tr. 74)	
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ	
NGUYỄN MINH NGỌC	Lê Nam Phong, vị tướng người Nghệ giàu lòng nhân ái.....58
BÙI TÙNG ẢNH	Sống ở Vinh.....65
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM	
DƯƠNG HUY	Thế giới tròn75
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT	
THÁI BÁ LỢI	Anh Châu người làng76
■ CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ	
THANH LƯU	Hát dân ca cho Bác Hồ nghe80
■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH	
LÊ HỒ QUANG	Tư duy thơ Việt Nam sau 1975 qua sáng tác của một số tác giả thế hệ đổi mới.....82

■ **VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

IVAN BUNIN (THIÊN VIỆT dịch)

Cáp-ca-dơ91

■ **NHÂN VẬT & ĐỐI THOẠI**

PHÙNG NGUYỄN

Ông Lê Doãn Hợp - nguyên Bí thư Tỉnh ủy

Nghệ An: “Nghệ An cần cởi bỏ những nút thắt để trở thành tỉnh khá như lời dặn của

Bác Hồ”96

■ **MỸ THUẬT:** BÀ SIẾU • HỒ HUY HÙNG • PHAN HUY • ĐÌNH TRUYỀN • TẠ TÂM •
HỒ THIẾT TRINH • TRẦN MINH CHÂU • TRẦN VINH • HỮU TUẤN • TRỌNG HIỆP

■ **ẢNH:** XUÂN THỦY • Tư liệu

■ **BÌA:** Bìa 1: TRẦN MINH CHÂU: Nguyễn Sinh Cung nghe các nhân sĩ đàm đạo
Bìa 2: HỒ THIẾT TRINH • TRẦN MINH CHÂU • TRỌNG HIỆP • HỒ HUY HÙNG
• LÊ THỊ THU HÀ

Bìa 3: CHU TRỌNG TUẤN • HỒ CHIẾN • THANH HẢI • NGUYỄN TRUNG KIÊN

Bìa 4: HẢI VƯƠNG • LÊ THẮNG • TRUNG HÀ



Sông Lam

Tháng Năm, ấy là khi mùa Hạ đã hiển hiện với tất cả những nồng nàn mãnh liệt, “không thể giấu che” như trong câu thơ của nữ sỹ Xuân Quỳnh. Là khi “Trời xanh biếc, nắng tràn trên khắp ngả/ Đất thành cây, mật trào lên vị quả/ Bước chân người bỗng mở những đường đi...”

Cũng là khi trên những cánh đồng, mùa màng thức dậy với bao hương vị. Là mùi rơm mới vương bùn thơm ngát trên đôi quang trấu nặng vai bà, vai mẹ. Là vị mặn đắng trên tấm lưng diêm dân cong thành dấu hỏi những ô ruộng muối ngập nắng chói...

Tháng Năm chừng như nông nổi, mà sâu lắng biết bao. Cho ta lòng biết ơn từng bóng cây mát; biết ơn từng bông lúa cúi đầu đã sinh sôi từ bao toan lo, vất vả; biết ơn vị muối mặn khi nâng bát cơm ngày thường...

Tháng Năm, cũng là tháng người dân Việt tìm về một ngã đường, ngã đường dẫn tới Quê Chung. Nơi ấy Làng Sen một tháng Năm đã bùng nổ đóa sen đẹp nhất. Hàng triệu bước chân cùng nổi rưng rưng bên mái tranh nghèo của người mẹ năm nào đau nỗi sinh thành, để từ một ngày tháng Năm ấy, Tổ quốc có tên Người - Hồ Chí Minh.

Cả cuộc đời Người đã dành trọn cho tình yêu con người và tình yêu Tổ quốc. Khi đất nước chìm trong nô lệ, lầm than, Người cất lên tiếng nói kêu hân về dân tộc, cất lên tiếng nói đòi quyền tự do, độc lập cho dân tộc ấy. Người đánh thức giấc mơ lớn lao và mãnh liệt ấy cho mỗi người dân đang đứng trong bóng tối với gông cùm.

Đến Quê Chung vào tháng Năm này, để hiểu, trong đường dài dằng dặc của đời người, có người chọn con đường ngắn nhất để nhanh tới đích, có người lại thích tha thẩn rong chơi. Có người bằng lòng với con đường đã bày sẵn ra trước mắt, lại có kẻ nhất quyết phải khám phá ra con đường riêng mình...

Giữa phong ba bão táp của cuộc sống nhân gian, Hồ Chí Minh đã chọn cho mình một con đường. Đó là con đường đầy chông gai mà để đi được trên đó, con người phải đánh đổi tất cả, thậm chí phải đánh cuộc với số phận mình. Nhưng đó cũng là con đường nở đầy hoa, con đường sẽ dẫn người đến với người...

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

Quyền lực cá nhân và uy tín xã hội

NGUYỄN KHẮC AN

“N hững người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân” (Hồ Chí Minh). Quá thẳng thắn và thâm thúy. Ai đó từng nói, giá trị của mỗi con người được đo bằng khoảng trống mà họ để lại sau khi từ biệt cõi trần. Hơn nửa thế kỷ Bác đi xa nhưng những giá trị lớn lao mà Người để lại vẫn là kho báu tinh thần vô giá cho lớp lớp thế hệ. Tháng 5 là dịp để chúng ta thêm một lần tự nhắc nhở và hồi thúc mình rằng đã làm được gì có ích cho xã hội. Một mùa đại hội nữa lại về, câu chuyện quyền lực và uy tín lại cất lên...

Xin được dẫn dắt bài viết này bằng một câu chuyện cách đây gần 2 thập kỷ. Đây là một buổi chiều mùa hè năm 2001, xã H tiến hành san ủi vùng đất ven làng Đông để mở rộng khuôn viên trường tiểu học. Do có những bất đồng nên một số hộ dân nhất quyết không bàn giao mặt bằng. Cả bộ máy cơ sở rầm rập vào cuộc. Chính quyền, ban ngành đoàn thể căng mình thuyết phục. Như một cuộc trình diễn năng lực, mọi thứ đều được điều khiển bài bản, nhịp nhàng, có lý có tình, chỉ duy nhất mỗi cái không có là... tác dụng. Tiếng loa phóng thanh lạnh lạnh giọng cô phát thanh viên đọc những quy định của nhà nước, thỉnh thoảng xen vài bài hát ca ngợi công cuộc đổi mới quê hương. Khi người ta biết dùng đến cả văn nghệ làm công cụ thì không thể nói là họ qua quýt được. Những bước chân hồi hả loáng qua loáng lại. Những văn bản hành chính chất đầy các quy định mới mẻ được thoăn thoắt công khai. Hiệu suất hoạt động của tổ công tác được đẩy lên mức tận cùng. Chỉ có điều, mọi “phương án tác chiến” trên mặt trận dân vận đều sóng soài trước sự cứng rắn không ngờ của bà con. Các hộ dân kiên định với khối lý lẽ giữ lại đất để trồng khoai trồng lúa. Trong lúc mọi nỗ lực dân vận rơi

vào ngõ cụt thì cụ Thiện (một lão thành cách mạng của xã) xuất hiện, cất giọng ôn tồn. “Chào bà con. Chính quyền thì cũng là anh em người trong làng trong xã ta cả, căng thẳng quá là không nên. Học sinh cũng con cháu chúng ta cả, khát khe quá coi sao được. Bà con thiệt thòi một chút vì con vì cháu và cả vì quê ta nữa. Lúa khoai rất quan trọng, nhưng cái chữ cũng quan trọng. Nghe tôi, bàn giao đất cho xã đi bà con”. Chỉ ngần ấy ngôn từ không hơn không kém vậy mà tất cả rầm rập kéo nhau ra về trong tiếng nói cười rôm rả. Nghe đồn sau này xã còn “mượn” cụ Thiện đi thương thuyết chỗ này chỗ kia nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên cụ không thể nhận lời, cụ bảo “Cái tôi có thì các anh các chị cũng nên có”.

Vậy cái cụ Thiện có là gì? Hơn 80 tuổi, không chức sắc, không một tấc quyền hành, cũng chả hưởng đồng nào từ ngân sách, vậy mà đã lay chuyển được cả cộng đồng cổ thủ. Đơn giản vì người dân làng Đông tin cụ tuyệt đối, trân trọng hết lòng. Cụ sống thanh bạch, giản dị, mẫn tiệp. Với làng Đông, cụ Thiện là hiện thân của lẽ phải. Năm 2008 cụ Thiện mất, dân làng Đông khóc ròng tiễn đưa cụ. Khoảng trống mà cụ Thiện để lại hình như đến tận bây giờ vẫn chưa khóa lấp đầy. Người làng Đông vẫn nhắc về cụ như một hiện thân lẽ phải đã quy tiên.

Tại sao một cụ già thành công trong lúc cả hệ thống chính quyền cơ sở bài bản, hừng hực khí thế lại thất bại? Đó chỉ là sức mạnh của uy tín cá nhân trước cộng đồng. Quyền lực và uy tín là 2 thứ khác nhau nhưng xứng đáng cận kề nhau. Uy tín xã hội tối thiểu cũng phải tương thích với phạm vi quyền lực bởi nó là sự cộng hưởng tốt nhất. Uy tín xã hội càng cao thì thực thi quyền lực càng hiệu quả. Người có uy tín xã hội không nhất thiết phải có quyền lực, nhưng người có quyền lực thì nhất thiết phải có uy tín xã hội. Rất tiếc nguyên tắc đẹp đẽ và hiển nhiên ấy lâu nay vẫn chỉ tồn tại dưới dạng khát vọng. Xưa nay quyền lực vẫn là thứ dễ làm cho con người trở nên ham hố và tha hóa nhất. Có những người tạo nên uy tín xã hội để thu tóm quyền lực nhưng khi đã sở hữu quyền lực thì họ lại đánh mất uy tín xã hội. Có những vị mất nửa cuộc đời chạy cho được một cái ghế hồng đề nết thiên hạ để rồi trở thành nô lệ cho chính nó. Hiếm có thảm họa nội tâm nào đáng rùng mình bằng chứng kiến sự mâu thuẫn giữa quyền lực và uy tín. Ai đã từng đưa tay vén bức màn hậu trường quan chức chắc không quá khó để quan sát cận cảnh những nhân vật một thời “nói vạ người nghe, đe ngàn kẻ sợ” thậm chí “nợ có kẻ trả” nhưng lại khiếm khuyết uy tín xã hội. Xung quanh chúng ta, hình như lớn vồn đâu đó những người hăm hố lúc đương quyền nườm nượp kẻ đón người đưa. Rồi lại rơi vào thảm cảnh “đi sớm về trưa một mình”. Uy tín xã hội không tự nhiên mà có, nó là kết tinh tài đức, là sự tích lũy lòng tin vững bền thông qua lăng kính khát khe và tinh tường của quần chúng. Trên đời này có bao nhiêu trái tim đang thổn thức thì có bấy nhiêu cách sống đang tồn tại. Mỗi thân phận dù khác nhau đến mấy thì rồi cũng gặp nhau ở một mẫu số chung cuối cùng, đó là sự ghi nhận của xã hội đối với họ. Sống không đơn giản là nhét sinh mệnh của mình vào cái ngồn ngang của cuộc đời rồi bỏ mặc nó. Nếu mỗi con người xứng đáng là một tấm gương thì người nắm giữ quyền lực nhất thiết phải là những tấm gương lớn hơn, trong sáng hơn.

Xin một lần nữa nhắc lại lời Hồ Chủ Tịch “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Mùa đại hội đang vào “chính vụ”. Như thường lệ người ta lại đổ dồn sự quan tâm vào 2 chữ “nhân - sự”. Từ cái sự để tìm cho ra cái nhân, hay vì cái nhân mà sắp xếp cho xong cái sự? Quyền lực vẫn là thứ có thể làm lú lẫn những kẻ loay hoay tìm kiếm nó! Tại hội nghị TW lần thứ 12 vừa rồi, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng kết luận đại ý, “kiên quyết không để lọt vào bộ máy công quyền những người tham vọng quyền lực”. Quyền lực là một chuyện, quyền uy là một chuyện còn quyền năng lại là một chuyện khác nữa. Đúng rồi, tham vọng quyền lực chính là lối tắt để thao túng quyền lực. Cá nhân tôi rất khoái cách dùng chữ của “cụ Tổng”. Thiết nghĩ khó có chữ nào chính xác và đắt hơn chữ “lọt”. Theo cách hiểu thông dụng thì “lọt” là chui qua kẽ hở. “Lọt” không thuộc bộ hành vi của đảng quân tử. Quyền lực tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau nên sự săn đuổi bởi thế cũng muôn hình vạn trạng. Làm sao có thể an lòng khi dưới cái gầm trời này tồn tại vô vàn kẽ hở mà “đám” tham vọng quyền lực thì rất cơ động trong việc hiệu chỉnh kích cỡ nhân phẩm để “lọt” qua. Làm sao nhận diện kẻ xấu khi mà sự tử tế cũng có thể trá hình?

Bình tĩnh, đừng quên chúng ta còn một công cụ “nội soi” vô cùng chuẩn xác là tai mắt của nhân dân. Ai giàu chính đáng, ai nghèo thanh bạch, ai tốt ai xấu, ai ác hai hiền, ai giả ai thật... làm sao qua được nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Dân chúng rất khôn khéo”. Thiết nghĩ uy tín xã hội xứng đáng là một trong những chỉ số tin cậy nhất cho những ai thiết tha và thực lòng với nó. Tuy nhiên uy tín xã hội không chỉ là bộ lọc đặc chủng dành riêng cho chốn quan trường. Nó chính là thước đo khoảng trống mà chúng ta để lại khi từ giả thế giới yêu thương và xinh đẹp này. Một vị công bộc, một bậc tu hành, một cô lao công hay cầu thủ bóng đá, tôi và cả bạn, tất cả chúng ta sẽ hoàn vô nghĩa nếu giá trị uy tín bị quần chúng chấm cho điểm không. Hãy nhìn lại dấu chân đã đi để biết cách bước tiếp. Sống phải là chuỗi liên kết của những nỗ lực. Học tập tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là hành trình tìm kiếm những điều vời vợi cao xa. Chỉ cần một ngày chúng ta đang sống là một ngày chúng ta đang có bốn phận tạo nên uy tín xã hội, thể thôi.



Chuyện Thầu Chín trên xứ chùa vàng

GIAO HƯỞNG

Hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có 30 năm xa Tổ quốc (1911-1941), anh Nguyễn đến nhiều nước Á, Âu, Mỹ, Phi. Trong hàng chục năm ấy, khoảng 16 tháng (đầu tháng 7/1928 đến tháng 11/1929) anh Nguyễn hoạt động trên đất Xiêm.

Có lẽ nên bắt đầu từ chuyện từ ngày 12/4/1928 tại Béclin (Đức), anh Nguyễn viết thư gửi Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản trình bày cảnh ngộ: "...Đã 1 năm tôi lang thang từ nước này sang nước khác trong khi có nhiều việc phải làm ở Đông Dương. Nhưng cho tới nay tôi chưa nhận được chỉ thị của các đồng chí, cả câu trả lời của đồng chí Đôriô...Hiện nay, tôi ở trong hoàn cảnh khó khăn không chịu nổi (tôi chờ chỉ thị đã 4 tháng)...Vậy tôi xin các đồng chí cho tôi *càng sớm càng tốt những chỉ thị chính xác...bao giờ thì tôi có thể lên đường*". Ngày 25/4/1928 Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản quyết định để anh Nguyễn trở về phương Đông. Ngày ấy vùng Đông Bắc Xiêm có từ 2 vạn đến 2,5 vạn Việt kiều cư trú, hầu hết quê Nghệ - Tĩnh - Bình - Trị - Thiên. Bà con Việt kiều sống xa quê luôn rộng lòng giúp đỡ những người Việt cùng cảnh ngộ, trong suy nghĩ của bà con, anh Nguyễn nằm trong số người ấy.

Dưới những tên gọi khác nhau, anh Nguyễn thoát ẩn thoát hiện giữa "rừng" mật thám Pháp như phim thần thoại, bà con Việt kiều rỉ tai nhau "Thầu Chín có phép tàng hình". Anh Nguyễn mưu trí và luôn cảnh giác, song vẫn không giữ được bí mật tuyệt đối, nhiều lần để thoát hiểm anh phải lách vào chùa, phải cắt tóc làm sư với pháp danh Hạnh Đa. Thời gian trên đất Xiêm, Thầu Chín thoả vào phong trào Việt kiều yêu nước, thoả vào đời sống tinh thần của bà con Việt kiều và người Thái bản địa một luồng sinh khí mới, một môi trường xã hội thấm đẫm



SƯ HẠNH ĐA - NGUYỄN ÁI QUỐC - Ảnh: Tác giả cung cấp

đạo lý tình người. Sau ngày Thủ Chín bí mật rời Xiêm, bà con Việt kiều chứng kiến liên quân cảnh sát Anh - Xiêm đến từng nhà truy vấn khám xét, bấy giờ bà con mới biết ông già Chín - sư Hạnh Đa là Nguyễn Ái Quốc - lãnh tụ của cách mạng Việt Nam.

Tháng 10/1989 Ngoại thương tỉnh Nghệ Tĩnh cử tôi sang gặp bộ phận nghiệp vụ của Công ty xuất nhập khẩu Xavanakhet (Lào) bàn về trao đổi hàng hóa 2 chiều. Xong việc công, từ Xavanakhet tôi nhờ anh doanh nhân Việt kiều giúp làm giấy tờ “một công dân Lào mang tên Bu Thong (tiếng Lào nghĩa là “vàng”) sang tỉnh Mucdahan, Thái Lan chữa bệnh cam điếc”.

Đã hơn 60 năm kể từ khi anh Nguyễn đến Xiêm, lần đầu tôi mới có mặt trên xứ chùa vàng, càng buồn hơn vì ngày ấy 2 nước Việt - Thái chưa nối lại quan hệ bang giao, chính phủ Thái vẫn chủ trương con em Việt kiều chỉ được học hết cấp 1 rồi dừng, Việt kiều trú ở tỉnh này muốn sang thăm người thân ở tỉnh khác đều phải trình báo, phải cầm được giấy thông hành mới hợp pháp. Nhắc lại chuyện “cơm không lành, canh không ngọt” đã qua cốt để hiểu hơn cảnh ngộ “cá chậu chim lồng” của Nguyễn Ái Quốc.

Tại Muecdahan tôi được anh Manva người Thái, lấy vợ người Việt gốc Nghệ. (Manva là phóng viên của một tờ báo lớn tại Bangkok, thường trú vùng Đông Bắc Thái, gia đình vợ con nhà cửa của anh ở Muecdahan), suốt 1 tuần nhiệt tình lái ô tô riêng đưa tôi đến thăm những ngôi làng từng in dấu chân Thần Chín.

Thoát cảnh “cá chậu” bên trời Tây, anh Nguyễn sang đất Xiêm “chôn chim lồng” để được về gần dải đất hình chữ S, gần với 25 triệu đồng bào nước Việt đang rèn xiết dưới ách cai trị hà khắc của thực dân Pháp và tay sai Nam triều.

Với tấm hộ chiếu một Hoa kiều mang tên Nguyễn Lai, đầu tháng 6/1928 anh Nguyễn rời nước Đức, qua Thụy Sĩ, sang Italia, khởi đầu hành trình về đất Xiêm. Khoảng đầu tháng 7 anh đến hải cảng Khoong Toi tại Bangkok.

Những ngày ở Bangkok anh ở trong các chùa Hội Khánh (tiếng Thái là Mongkhon Sunrankhol), chùa ông Năm (Somsanam Boriharn), chùa Sư Ba (Lacumkho), chùa Từ Tế (Wat Lokanuckor, địa phận xã Rachavong, huyện Xăm Phanthavong, nay là phố Rachavong, Bangkok), sau đó anh xuất hiện ở Bản Đông, huyện Phichit, tỉnh Phitsanulok.

Ngày ấy Bản Đông có chừng 2 chục gia đình Việt kiều, từ năm 1926 các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hội hợp tác, Hội Việt kiều thân ái đã cắm rễ trên bản này. Trong buổi họp mặt đầu tiên với kiều bào Bản Đông, anh Nguyễn tự giới thiệu là Thọ, biệt hiệu Nam Sơn. Những ngày sau anh đi chân đất đến thăm các gia đình Việt kiều, xắn tay làm mọi việc như dân bản, hỏi han tìm hiểu công việc làm ăn. Hoà mình với mọi người, tối đến anh tổ chức nói chuyện tình hình thế giới, tình hình trong nước, thính thoảng đọc báo và giải thích cặn kẽ để mọi người hiểu.

Giữa tháng 7/1928, anh rời Bản Đông đi Udon Thani. Để đảm bảo bí mật, anh cùng tốp người đi bộ 15 ngày xuyên rừng, anh đeo bên hông con dao, ống bương đựng thức ăn mặn, gánh đôi thùng đựng áo quần, gạo, muối, tài liệu và đồ dùng cần thiết như mọi người, những ngày đầu 2 bàn chân phỏng rộp anh vẫn theo kịp mọi người.

Khoảng đầu tháng 8, tốp người cùng anh Nguyễn đến bản Noong Bua là nơi đông Việt kiều nhất của tỉnh Udon Thani, tại đây anh lấy tên Chín, bà con gọi “Thần Chín” (ông già Chín). Trong cuộc họp đầu tiên tại Udon Thani, Thần Chín báo cáo trước Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên về tình hình và triển vọng của cách mạng Việt Nam, nhấn mạnh đến phẩm chất người cách mạng là rèn luyện ý chí, chịu đựng vượt lên mọi khó khăn gian khổ, kiên trì đấu tranh, tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng. Thần Chín đào giếng, cuốc đất làm vườn như mọi dân bản. Thần Chín sống kham khổ, nhiều bữa cơm chỉ rau sam hoặc rau lang luộc chấm muối, biết anh hay hút thuốc lá, bà con đi chợ chủ động mua vài bao mang đến biếu thầy.

Trước khi anh Nguyễn xuất hiện ở Xiêm, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chỉ thu hút những thanh niên ở bên Việt sang, anh Nguyễn chủ trương từ nay về

sau mở rộng tổ chức thu hút quần chúng, củng cố cơ sở, chủ trương kết nạp vào Hội những Việt kiều hăng hái tham gia cách mạng. Buổi tối, Thầu Chín tổ chức nói chuyện, từ chuyện làm ăn dẫn dắt đến chuyện chính trị, chuyện của Thầu Chín hấp dẫn thiết thực cuốn hút bà con Việt kiều và người Thái bản địa. Với dân bản địa, Thầu Chín chủ trương Thái - Việt đoàn kết tối lửa tắt đèn có nhau, từ đó người Thái thiện cảm hơn với Việt kiều và với cách mạng Việt Nam.

Thầu Chín mở lớp dạy chữ quốc ngữ cho bà con Việt kiều, khuyên bà con “nhập gia tùy tục” nên học chữ Xiêm, tiếng Xiêm để mở rộng khả năng giao lưu hòa nhập, tôn trọng phong tục tập quán của cư dân bản địa. Thầu Chín yêu cầu các cán bộ phụ trách Việt kiều cố gắng tạo khả năng hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp. Thời gian ở Udon, Thầu Chín thoảng đến Noongkhai đối diện với Viêng Chăn-Lào, tại đây một số chiến sỹ cách mạng Việt Nam hoạt động bí mật ở Lào vượt sông sang báo cáo để Thầu Chín nắm tình hình trong nước.

Khoảng đầu năm 1929 Thầu Chín đến Sacon nơi đông Việt kiều hơn ở Udonthani và các tổ chức cách mạng sớm được thành lập. Anh Nguyễn bắt tay vào việc củng cố các cơ sở đã có, đồng thời xây dựng cơ sở mới. Hằng ngày anh Nguyễn dịch sách, tổ chức huấn luyện cho cán bộ và thanh niên phương pháp vận động quần chúng, nắm bắt tình hình trong nước, tình hình thế giới, anh còn tranh thủ cùng một số cán bộ đi buôn gây quỹ cho tổ chức.

Một số Việt kiều ở Sacon theo đạo Phật, một số theo đạo Thiên Chúa, một số thờ Đức thánh Trần. Để giáo dục lòng yêu nước cho cộng đồng Việt kiều, anh Nguyễn viết bài ca *Trần Hưng Đạo* theo thể song thất lục bát, bài ca có đoạn:

*Diên Hồng thẻ trước thánh minh
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành
Nếu ai muốn đến giành đất Việt
Đưa dân ta ra giết sạch trơn
Một người dân Việt đương còn
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà.*

Anh viết mấy vở kịch ngắn về đề tài lịch sử và bày cho bà con diễn, đôi khi tác giả cũng tham gia sắm vai. Tháng 6/1929, nhân kỷ niệm 5 năm Phạm Hồng Thái hy sinh (19/6/1924), anh Nguyễn viết vở kịch về Hoàng Hoa Thám để bà con diễn. Giúp Việt kiều ở Sacon gỡ bỏ hủ tục chữa bệnh bằng cúng bái, anh Nguyễn vận động bà con góp quỹ lập tủ thuốc công cộng, cử người mời thầy thuốc đến khám chữa bệnh.

Cuối tháng 7 /1929, anh Nguyễn rời Sacon đến tỉnh Nakhon Phanom bờ Nam sông Mekong, cách Bangkok hơn 700 cây số đường bộ. Thời gian ở Nakhon Phanom anh đến các huyện Thà U Then, huyện Thạt Phanom. Bản Nachok (bản Mạ) là nơi anh Nguyễn dừng chân lâu nhất, được anh trực tiếp xây dựng bản Mạ trở thành một trong những địa điểm quan trọng của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng. Biết chưa thể đặt chân về đất Việt, anh Nguyễn đem giống dừa

KÝ

quý về trồng trên đất bản Mạ để bà con Việt kiều chăm nom lưu giữ nhân giống dừa quý.

Tháng 10/1929 anh Nguyễn rời Nakhon Phanom đến huyện Amnạt Charon (còn có tên gọi là huyện Bùng) tỉnh Ubon Ratchathani (từ 1993 huyện Amnạt Charon thành tỉnh Amnạt Charon). Rời Amnạt Charon anh Nguyễn đến bản Thà (cùng tỉnh Ubon Ratchathani) - cách Thủ đô Bangkok 575 km đường tàu hỏa. Thời gian sau anh đến huyện Mụcdahan tỉnh Nakhon Phanom (từ 1982 huyện Mụcdahan thành tỉnh Mụcdahan). Tỉnh Noọng Khai là địa điểm cuối cùng anh Nguyễn xuất hiện trên đất Thái - đối diện Viêng Chăn, Lào bên kia sông Mekong.

Tại Noọng Khai anh Nguyễn tá túc trong chùa Xi Xum Xưn để các đồng chí Cách mạng Việt Nam hoạt động tại Viêng Chăn sang gặp lãnh tụ của mình, tại đây các đồng chí báo anh Nguyễn biết, Tòa án Vinh (Nghệ An) ngày 10/10/1929 xử vắng mặt khép Nguyễn Ái Quốc tội tử hình. Tháng 11/1929, anh Nguyễn bí mật rời đất Xiêm đến Trung Quốc chuẩn bị sự kiện: Ngày 3/2/1930 tại Cửu Long, thuộc Hồng Kong, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng.

* * *

Sáng 15/11/1989 trên đất Thái, tại một quầy giải khát trước cổng chợ thị xã Mụcdahan, tôi gặp ông Mai Văn Dong (1921-1996) quê xã Cảnh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình, trú Thành phố Vinh, Nghệ An, ông sang lại xứ chùa vàng tìm và gặp lại mẹ cùng 2 cô em gái sau 29 năm hồi hương, ông bọc bạch chuyện xưa:

Bé Dong 3 tuổi đã ngồi trong quang gánh để bố mẹ thay nhau gánh sang Lào rồi sang Thái, lên 7 tuổi bé Dong là một trong những con em Việt kiều đầu tiên của bản Noóng Ổn được thầy Thầu Chín dạy chữ quốc ngữ. Tuổi thanh niên anh Dong tham gia phong trào Việt kiều yêu nước tại Đông Bắc Xiêm. Năm 1960 ông cùng vợ và 4 đứa con hồi hương, trước khi xuống chuyến tàu đầu tiên về cảng Hải Phòng, ông được tổ chức Việt kiều tại Thái giao cất giữ bảo quản món quà quý của bà con Việt kiều mua tặng thầy Thầu Chín - sư Hạnh Đa - Chủ tịch Hồ Chí Minh.



SƯ BÌNH LƯƠNG - PHẠM NGỌC ĐẠT - Ảnh: Tác giả cung cấp

Ông nhớ như in, vào lúc 9h ngày 10/01/1960 chuyển tàu đầu tiên đưa 922 kiều bào, trong đó có gia đình ông cập cảng Hải Phòng, mở đầu cuộc đón 5 vạn Việt kiều từ Thái Lan theo Bác Hồ trở về miền Bắc. Sáng ấy Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng khoảng 4 vạn người dân thành phố Hải Phòng ra đón chuyển tàu đầu tiên. Sau đó Ban Việt kiều Trung ương bố trí cho các gia đình nghỉ lại Thủ đô một tuần, đưa bà con tham quan các di tích danh thắng ở Thủ đô. Ngay khi về tới Hà Nội ông Dong giao chiếc radio màu ngà voi cho vị đại diện Ban Việt kiều Trung ương để chuyển tới Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ông Dong tiếp tục chuỗi ký ức xa xăm:

Thầy Thầu Chín đến bản Noóng Ổn hôm trước, hôm sau thầy vận động bà con Việt kiều dựng trường mở lớp dạy chữ quốc ngữ cho con em. Lớp học do thầy lập và trực tiếp dạy tại bản có chừng 3 chục trò tuổi xoi đổ từ 7 đến 13. Thứ năm hàng tuần, thầy trò nghỉ học quốc ngữ để chăm sóc vườn cây ăn quả quanh trường. Từ khi vườn chuối của trường cho quả, từ mờ sớm bà con trong bản đã gặp thầy đến lớp, thầy ra vườn hái chuối hoặc ổi, bày lên chiếc bàn kê sát lối ra vào. Mấy phút sau trò đầu tiên vào lớp được thầy cho phép nhận quả chuối hoặc quả ổi đầu tiên, cứ vậy tuần tự cho đến lúc tất cả trò vào lớp thì số chuối hoặc số ổi trên bàn không còn quả nào. Có hôm chữa lại vài quả, bữa ấy thầy biết vài trò nghỉ học không lý do. Cách điểm danh bằng chuối hoặc ổi của thầy sớm tạo cho trò ý thức tự giác, chỉ lấy phần của mình không tham phần của bạn. Tan học cả lớp theo thầy ra vườn hái quả mang đến nhà thăm bạn, mới biết trò bị ốm và người nhà chưa kịp báo xin nghỉ.

Vườn quả ngăn ngày của thầy trò cuốn hút bà con Việt kiều và cả người Xiêm bản địa, họ đến gặp thầy hỏi kỹ thuật ương trồng. Thay vì đến từng nhà để cầm tay chỉ việc, thầy mời bà con sáng thứ năm tập trung tại vườn trường, đích thân thầy cùng trò cầm cuốc xẻng làm mẫu, từ đó bà con Việt kiều và dân bản địa chủ động cải tạo vườn tạp nhà mình thành vườn chuối, ổi, đu đủ...tươi tốt sum suê.

Từ ngày đó, Thầu Chín đã gắn học với hành, lứa trò trên dưới 10 tuổi đã “chín bóí”, biết chăm sóc vườn cây của trường. Con trai biết trát vách, lợp mái, dựng lán; con gái chẻ lạt, đánh tranh, đan phen thương lớp. Mấy chục năm sau, ông Dong mới biết thầy Thầu Chín ngày đó mở lớp dạy chữ quốc ngữ cho con em Việt kiều là một công đôi việc, vừa tạo vỏ bọc che mắt mật thám Pháp và cảnh sát Anh (đô hộ nước Xiêm), vừa gây dựng đào tạo nguồn nhân lực cho cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945. 17 năm sau nước Việt giành độc lập, chương trình giáo dục 3 cấp phổ thông, không phải ngẫu nhiên vẫn dành thứ năm hàng tuần để thầy và trò thực hành môn lao động sản xuất thuộc chương trình chính khóa.

Một chiều cuối Thu, Thầu Chín bí mật rời xứ chùa vàng, bà con Việt kiều ngẩn ngơ hỏi nhau không biết thầy đi đâu. Hàng trăm phật tử người Việt và người Thái tại những nơi thầy Thầu Chín từng đến, ngày đêm tụng kinh niệm Phật cầu cho người gieo chữ trồng cây trên đất này trở lại để bà con làm lễ tạ ơn. Ngôi trường thầy Thầu Chín dựng tại bản Noóng Ổn năm 1928 được bà con trân trọng

gìn giữ, phát huy, sau 1945 bà con đặt tên Trường tiểu học Nguyễn Ái Quốc, đây là ngôi trường đầu tiên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam mang tên Nguyễn Ái Quốc. Trong khi các phật tử ngày đêm tụng kinh niệm Phật cầu cho thầy Thần Chín thì tại ngôi chùa thuộc huyện Mueanghan, tỉnh Nakhon Phanom (năm 1982 huyện Mueanghan thành tỉnh Mueanghan), cách bản Mạ hơn 100 km, một chiều vị sư trụ trì chùa đang tụng kinh bỗng nghe tiếng người từ phía sau:

- Nam mô A di đà Phật! Con là người Việt yêu nước sang đây lánh nạn, hiện đang bị cảnh sát Xiêm và cảnh sát Anh truy đuổi, vào nương nhờ nhà chùa xin cứu độ.

Sư trụ trì ngoảnh lại, người đàn ông trạc tuổi 40 cung kính đứng chắp tay liên hoa thủ. Nhà sư lặng nhìn rồi dắt khách lạ vào hậu cung, lát sau sư quay ra niệm Phật như không có chuyện gì.

Chừng nửa giờ sau một tốp liên quân cảnh sát Xiêm - Anh kéo vào:

- Chúng tôi tìm một người trốn trong chùa?

Sư trụ trì thủng thẳng:

- Chỗn thiền môn ban ngày chỉ có Phật, ban đêm có sư trụ trì và mấy tiểu trông coi, thiền môn không có chỗ cho cái xấu, cái ác, mời các ông đi tìm chỗ khác.

Mười mấy cảnh sát chắp tay bái chào xin lỗi nhà sư rồi vội quay ra. Đêm ấy sư trụ trì mang đồ ăn nước uống vào hậu cung cho khách và nói:

- Nhà chùa giúp anh qua đêm nay. Sớm mai trước khi mặt trời mọc anh phải rời khỏi đây, anh muốn đi đâu tôi sẽ đưa anh tới đó.

Mờ sáng hôm sau, 2 người trong màu áo cà sa lặng lẽ rời chùa, trực chỉ núi Phú Thợp - cách ngôi chùa khoảng 55 cây số đi bộ. Dọc đường 2 sư gặp mấy tốp cảnh sát Xiêm - Anh đang truy lùng "một người mang tên Thần Chín chính là Nguyễn Ái Quốc". Nhưng khi thấy 2 nhà sư mang nải khát thực, các tốp cảnh sát đều nép bên đường chắp tay bái lạy rất cung kính. Khuya ấy, tại điểm hẹn quanh khu vực núi Phú Thợp, các ông Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu đón đưa "sư" Hạnh Đa đi đâu không ai rõ.

*

* *

Như đã nói, đến Bangkok anh Nguyễn chọn chùa Từ Tế làm một trong những nơi dừng chân, bởi anh biết sư trụ trì chùa là người Việt, bà con Việt kiều gọi là sư Ba, pháp danh Bình Lương. 60 năm sau tôi hỏi 2 cụ Việt kiều 70, 80 thâm niên sống ở xứ Chùa Vàng, 2 cụ biết sư Ba với pháp danh Bình Lương, song cả 2 chẳng biết cuộc đời - sự nghiệp của nhà tu hành yêu nước nổi tiếng lịch sử Phật giáo Việt Nam và lịch sử giải phóng dân tộc Việt Nam nửa đầu thế kỷ 20.

Hòa thượng Bình Lương thế danh là Phạm Ngọc Đạt, người thôn An Nghĩa, xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, viên tịch ngày 20.4.1966. Thân phụ là cụ Phạm Dục, thân mẫu là cụ Đào Thị Thận, vợ chồng cụ Dục sinh hạ 3 người

con trai là Phạm Quán, Phạm Đăng, Phạm Ngọc Đạt. Cha và 2 anh là chiến binh của khởi nghĩa Phan Đình Phùng. Lên 2 tuổi, bé Đạt mồ côi mẹ, thời gian sau cụ Phạm Dục tục huyền, chặng ấu thơ của bé Đạt bầm dập trong cảnh mẹ ghẻ con chồng, đến bữa ăn nào bé Đạt cũng nước mắt chan cơm. Lần ấy Đạt gồng mình cũng không đứng vững với trận đòn vô cảm và chuỗi ngày bị mẹ ghẻ bỏ đói, cậu bỏ nhà lên đại ngàn Vũ Quang - căn cứ của khởi nghĩa Phan Đình Phùng tìm cha và anh. Tại đây Phạm Ngọc Đạt tham gia làm giao liên cho nghĩa quân. Chủ tướng Phan Đình Phùng và 2 anh hi sinh, năm 1896 cuộc khởi nghĩa Vũ Quang thất bại. Nhằm thoát khỏi cuộc tắm máu của liên quân Pháp - Nam triều, Phạm Ngọc Đạt cùng một số nghĩa binh rút vào đại ngàn giáp với nước Triệu Voi.

3 thập niên đầu thế kỷ 20, không chịu nổi sự hà khắc của chế độ thực dân phong kiến trút xuống Trung kỳ, đêm đêm từ miệt rừng Nghệ - Tĩnh - Bình - Trị, từng dòng người đói rách dắt nhau vượt sang phía Tây dãy Trường Sơn. Họ bỏ quê ra đi mà không xác định được nơi đến, không biết sống chết ra sao, không hy vọng ngày về, Phạm Ngọc Đạt cùng tốp tàn binh do cụ Hồ Thiện dẫn đầu, trà trộn vào đám đông người Việt ấy sang Lào rồi sang Xiêm. Tại Xiêm, Phạm Ngọc Đạt quy y chùa Khánh Thọ do Hòa thượng Hạnh Nhơn trụ trì, được Hòa thượng ban pháp danh Thượng Trương Thiệt Hạ Bình, tên chữ là Bình Lương. Tại chùa Khánh Thọ, sư Bình Lương tiếp tục hoạt động trong phong trào Đông du của Phan Bội Châu, liên hệ phong trào "trại Cày" của Đặng Thúc Hứa. Sau khi các phong trào này thất bại, năm 1926 sư Bình Lương liên lạc được với Thanh niên Cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc (đang hoạt động ở nước ngoài) lãnh đạo.

Tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí hội gợi ý sư Bình Lương dựng một ngôi chùa theo kiến trúc Việt Nam để bà con Việt kiều nhìn chùa là nhớ về Tổ quốc. Lúc đầu sư Bình Lương vận động Việt kiều quyên góp được ít tiền đủ làm ngôi chùa nhỏ bằng gỗ với bờ rào bao khuôn viên chùa. Thời gian sau đô thị Bangkok phát triển, đất đai khan hiếm, sư Bình Lương lấy ngắn nuôi dài chia mặt bằng khuôn viên chùa thành từng lô nhỏ cho người Hoa thuê xây quầy ốt buôn bán. Nhiều con nợ đến hạn không đủ tiền trả thuê mặt bằng đành phải gán quầy ốt cho nhà chùa, những quầy ốt này sư Bình Lương tiếp tục cho người khác thuê. Từ nguồn thu bất động sản này sư Bình Lương tái dựng chùa Từ Tế khang trang.

Tháng 7/1928 anh Nguyễn đặt chân đến Bangkok liền vào chùa Từ Tế do sư Bình Lương trụ trì. Tại chùa Từ Tế, các hội viên Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Phichit được gặp lại lãnh tụ của mình. Nhằm tập hợp đông đảo người Việt yêu nước sống ở ngoài lãnh thổ, Nguyễn Ái Quốc phân công sư Bình Lương tập hợp các tổ chức Việt kiều riêng lẻ kết thành một tổ chức mang tên Việt kiều yêu nước. Được sư Bình Lương đỡ đầu, tổ chức Việt kiều yêu nước tại Xiêm ra tờ báo Thân Ái. Rồi chùa Từ Tế, Thầu Chín cùng các hội viên cốt cán của Hội Thanh niên Cách mạng vượt trên 700 cây số đường đất về tới "căn cứ" Phichit, sau đó xuất hiện tại những bản làng có đông Việt kiều sinh sống. Chùa Từ Tế trở thành nơi bí mật nuôi dưỡng, che chở cho các cán bộ cách mạng Việt Nam thời trứng nước gồm Thầu Chín, Hoàng Quốc Việt, Ung Văn Khiêm, Hoàng Văn Hoan...



VÒNG HOA CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH KÍNH VIẾNG SƯ BÌNH LƯƠNG - Ảnh: Tác giả cung cấp

Sau năm 1945, sư Bình Lương tiếp tục vận động bà con Việt kiều quyên góp tiền vàng gửi về nước ủng hộ cuộc trường kỳ kháng Pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Việc làm vì đạo pháp gắn với dân tộc của sư Bình Lương được đông đảo Phật tử người Việt và người Xiêm ủng hộ nhiệt thành. Đóng góp lớn của nhà tu hành người Việt với Phật pháp tại xứ chùa vàng, được vua Thái Lan đời thứ 7 và thứ 9 phong sắc vào các năm 1937, 1948.

*

* *

Năm 1989 những Việt kiều cao niên tại Mueadahan vẫn chưa biết thầy Thầu Chín từng lấy giống dừa quý từ đâu mang về trồng tại bản Mạ, họ chỉ biết sau ngày thầy rời đất Xiêm, Việt kiều bản Mạ cất cử nhau chăm sóc bảo quản giống dừa quý phát triển rất tốt.

Mãi khi có mặt tại xứ chùa vàng tôi mới được nghe bà con Việt kiều kể: Cuối kháng chiến chống Pháp, Việt kiều tỉnh Nakhonphônrm cử một đoàn đi bộ về thăm quê Nghệ An, đoàn mang theo cặp dừa giống nhân từ cây dừa của Thầu Chín trồng tại bản Mạ làm quà tặng chính quyền nhân dân tỉnh Nghệ An. Bữa đó chị doanh nhân Việt kiều ngoài 40 tuổi hỏi tôi:

- Ở bên Việt cậu có biết cặp dừa giống được đoàn người trong đó có bố chị, mang về làm quà, trồng trên đất Nghệ, hiện phát triển ra sao?

Lần đầu sang Thái lại được nghe chuyện diễn ra từ hồi mình chưa có mặt trên đời, điều chị Việt kiều hỏi khiến tôi bối rối và tự thấy có lỗi, tôi hứa với chị sau khi trở về đất Việt gắng tìm và sớm báo kết quả để chị vui.

Trở về Nghệ tôi đẩy bể mò kim, khi hy vọng đang cạn dần thì tháng 9/2004 (tức 15 năm sau trót hứa với chị Việt kiều), tôi đến Kim Liên để tìm hiểu viết bài về đời sống của cán bộ, nhân viên Khu di tích. Gần trưa tôi vào phòng làm việc của anh Võ Hồng Thao - Chủ tịch Công đoàn. Thật bất ngờ, anh Võ Hồng Thao mang ra "khoe" 3 tấm ảnh chụp 3 cây dừa, trong đó 2 cây của thầy Thầu Chín trồng tại bản Mạ, được bà con Việt kiều gốc Nghệ năm 1953 mang về tặng quê hương, hiện đang tươi tốt trong vườn nhà ông Nguyễn Văn Phượng, xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, cây dừa thứ 3 do ông Hồ Xuân Hùng - Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An mang từ bản Mạ về trồng tại Khu di tích Kim Liên năm 1998.

Trao mảnh giấy ghi địa chỉ ông Nguyễn Văn Phượng, khối 17, phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, anh Võ Hồng Thao giục tôi:

- Nhà báo nhanh chân tìm gặp kéo ông Phượng mang hết chuyện sang bên kia thì uống lắm!

Ông Phượng sinh năm 1927, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại quê xã Thanh Tiên, năm 1946 thoát ly, làm Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ Nghệ An tới khi nghỉ hưu, ông Phượng kể:

Năm 1953 Chủ tịch Uỷ ban Hành chính Kháng chiến tỉnh Nghệ An là ông Nguyễn Sỹ Quế. Sau khi tiếp một đoàn khách, trở về cơ quan ông Quế mang theo chiếc bị cói đựng một quả dừa giống đã nhú 2 mầm. Ông Quế bảo tôi đưa quả dừa quý này về trồng bên đất Thanh Chương, ông Quế không nói xuất xứ nên tôi chỉ biết là giống dừa quý. Tôi đi bộ mang quả dừa về nhà và lảng lảng ra vườn tìm một chỗ gần ruộng nước giâm xuống không cho ai biết, hôm sau tôi lạng lẹ ra đi. Mấy tháng sau người nhà báo tin dừa mọc lên 2 cây rất đẹp.

Cuối năm 1967 (tức sau 14 năm kể từ khi 2 cây dừa bén rễ trên đất Nghệ), tỉnh quê Bắc bị tàu bay Mỹ ném bom ác liệt, nhà ông Quế Chủ tịch tỉnh ở xã Hưng Dũng phải lên sơ tán tại nhà ông Phượng, bữa đó ông Quế hỏi:

- Quả dừa tôi giao chú trồng thế nào rồi?

- Thưa anh, mọc lên 2 cây rất đẹp!

Tôi dẫn ông Quế ra thăm 2 cây dừa, bấy giờ ông Quế mới kể: Đó là giống dừa quý của Bắc trồng tại bản Mạ Thái Lan. Năm 1953 bà con Việt kiều quê gốc Hưng Nguyên và Thanh Chương nhân giống dừa, rồi cử một đoàn đi bộ mang về cố hương, bà con bảo từ Thái Lan về không có quà gì quý bằng nhân giống dừa của Bắc về trồng trên đất Nghệ. Chú nói với người nhà gắng chăm nom 2 cây dừa cực quý này!

Tôi ghi lời ông Quế vào sổ tay, vì phải phòng xa tôi vẫn chưa nói chuyện này kể cả với vợ con. Rất may 2 cây dừa phát triển tốt. Thời gian sau vườn nhà tôi có

KÝ

thêm mấy cây dừa mang từ Quảng Ngãi, Quảng Nam, Nghi Lộc, Diễn Châu, riêng 2 cây dừa của Bác cho nhiều quả và nước rất ngọt.

*

* *

Tiếp tục chuyện về sư Bình Lương. Sau gần 60 năm xa Tổ quốc, tháng 3/1964 sư Bình Lương bị bệnh nặng, muốn về thăm quê hương miền Bắc, thăm gia đình và gặp lại bạn bè. Có sự thoả thuận của Hội hồng thập tự Thái Lan, Chính phủ ta tổ chức chuyến bay đặc biệt, cử 2 bác sỹ Bệnh viện Việt Xô sang đón sư Bình Lương, từ Bangkok bay qua Viên Chăn về Hà Nội dưỡng bệnh.

Trong thời gian hòa thượng Bình Lương dưỡng bệnh tại Bệnh viện Việt Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần vào Bệnh viện thăm hoà thượng. Ngày 20/4/1966 hoà thượng Bình Lương viên tịch tại Bệnh viện Việt - Xô. Sáng 20/4, các hoà thượng: Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội Phật giáo miền Bắc; Thích Thái Hòa, Hội trưởng Hội Phật giáo Hà Nội; Trần Văn Dung; Đuốc Tuệ; các vị đại diện Bộ Nội vụ, MTTQ Việt Nam... đến Bệnh viện Việt - Xô làm lễ nhận và đưa di hài hoà thượng Bình Lương về Chùa Quán Sứ.

Đêm 20/4 tại Chùa Quán Sứ, trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt vẫn rất đông các vị hoà thượng, các vị sư, tăng ni, tín đồ làm lễ khâm liệm, nhập quan; các nhà sư thay nhau cầu kinh suốt đêm. Sáng 21/4, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi vòng hoa lớn, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng trực tiếp đến dâng hương tưởng niệm, đặt trước quan tài hoà thượng. Vòng hoa của Chủ tịch Hồ Chí Minh thêu dòng chữ trên băng sa - tanh: "Kính viếng hoà thượng Bình Lương, tức Phạm Ngọc Đạt, nhà tu hành yêu nước. Đồng chí Hồ Chí Minh".

"Cái quan luận định" (đẩy nắp quan tài mới biết người nằm bên trong là thế nào). Với hai chữ "đồng chí" của Chủ tịch Hồ Chí Minh thêu trên vòng hoa tang kính viếng hoà thượng Bình Lương, điều đó đã nói lên tất cả cuộc đời - sự nghiệp - quan hệ đặc biệt giữa sư Bình Lương với "sư" Hạnh Đa.

Đất ngọt

VĂN HIỂN

Tháng Mười ta. Trời, đất hanh hao, se sắt. Chợt nhớ da diết anh bạn Nguyễn Duy Thủy quê gốc Đô Lương, từng giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch huyện Tân Kỳ (khóa 2011-2015), tháng 3 năm 2012 là Bí thư Huyện ủy, tôi háo hức bám chuyến xe khách, ngược đường 545 lên Tân Kỳ.

Con đường rải thảm nhựa láng bóng, chẳng bù cho những năm chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, mặt đường be bét hố bom, gập gềnh, nham nhở ổ gà, ổ trâu, lầy lội màu đất bã trầu. Hồi ấy, Nhà in Nghệ An đặt tại xã Kỳ Sơn nay là thị trấn Lạt. Hàng tuần, tôi phải đạp xe chuyển ma kết, bài vở lên nhà in, tá túc



TRÊN ĐỒNG ĐẤT TÂN KỲ - Ảnh: XUÂN THỦY

vài ba ngày sửa bản in, chờ báo in xong, chuyển ra bưu điện rồi mới hồi hả vượt trọng điểm bắn phá Truong Dong ngã ba Giang Sơn, cống Mũ Bà, quay về Tân Sơn, Đồ Lương, nơi báo Nghệ An sơ tán. Thời bom đạn ngút trời, sức chịu đựng con người cũng lạ. Suốt gần 30 cây số vắng ngắt chẳng có hàng quán, nhin khát, nhin đói, thấp thỏm nghe tiếng máy bay, rồi dáo dác nhìn xem 2 bên đường tìm nơi ẩn nấp, tránh bom. Để đến gần 2 năm, tôi và anh Nguyễn Văn Thông, phóng viên báo Nghệ An, thay nhau mang ma két báo đi nhà in sơ tán. Một lần vượt khỏi Truong Dong, tôi hốt hoảng bắt gặp cảnh xe thương nghiệp chở hàng lên Tân Kỳ bị bom, lật ngửa, hàng cháy nghi ngút, máu loang đỏ mặt đường.

Mới đó, thoáng chốc đã nửa thế kỷ. Nhưng ký ức thì vẫn còn tươi nguyên.

Truong Dong đã ngan ngắt xanh màu cây lát hoa, cây vàng tâm. Dưới tán cây vào mùa đổ lá, đâm chồi non tơ là bạt ngàn vườn dứa bao bọc quả non trái vụ.

Thị trấn Lạt, bừng sáng nhịp sống đô thị vùng kinh tế Tây Bắc nhờ tuyến đường xuyên Nam - Bắc mang tên Hồ Chí Minh với gần 40 km, băng qua Tân Kỳ, xóa đi nỗi nhọc nhằn, ám ảnh vùng đất heo hút, bị núi non bủa vây, khép kín không lối ra suốt hàng mấy thế kỷ. Kia rồi. Cột mốc số 0, khởi đầu lịch sử mở đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh từ năm 1959. Con đường nổi mạch vận tải dài hơn 3000 cây số, nổi hậu phương lớn tới tiền tuyến lớn, suốt gần 20 năm cả dân tộc đổ xương máu, góp nhân tài vật lực giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tôi cố tìm dấu vết rừng lim, loại cây có thân gỗ chắc nịch như đá. Rừng lim với hàng trăm héc ta, thời chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, tán rừng che chở, nuôi giấu sư đoàn bộ binh 316, 324, 341 và 2 trường sư phạm đào tạo thầy, cô cho 10 huyện miền núi. Rừng lim còn là nơi giấu quân của Lê Lợi vào năm 1424, trước khi công phá thành Trà Lân. Rồi xuôi sông Lam bao vây, bức hàng tướng nhà Minh Trương Phụ tại Lam Thành (Hưng Nguyên ngày nay). Tân Kỳ từng có danh xưng khởi thủy là Tiên Kỳ. Phải chăng Lê Lợi trước khi xuất quân tiêu diệt quân Minh, đồn trú ở Bồ Đằng (Anh Sơn), Trà Lân (Con Cuông) đã cho làm lễ tế cờ tại rừng lim (nay là thị trấn Lạt) mà cả vùng đất này có tên Tiên Kỳ xa xưa?

Một vùng đất xét về địa văn hóa lịch sử, có bề dày hàng nghìn năm tuổi nhưng suốt một thế kỷ nó phải ẩn mình, thu hẹp trong danh xưng Phủ Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Phủ Quỳnh, để rồi mãi tới ngày 19 tháng 4 năm 1963 mới định danh chính thức huyện Tân Kỳ với 13 xã: Nghĩa Bình, Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng, Nghĩa Thái, Nghĩa Hoàn, Giai Xuân, Hương Sơn, Nghĩa Phúc, Tam Hợp, Tiên Đồng, Phú Sơn, Kỳ Sơn, thị trấn Lạt.

Lịch sử thiên di con người góp cho cộng đồng Tân Kỳ nền văn hóa vùng miền phong phú trong cả nước. Người Thái, người Thổ, người Mán Thanh sống quần cư với người Kinh, họ đùm bọc, chia sẻ tập quán canh tác lúa nước, lúa rẫy, chăn nuôi, dệt thổ cẩm, thậm chí trồng bông, dệt vải ở như ở Giai Xuân, Hương Sơn.

Phải vậy chăng mà dân tộc Thái, Thanh, Thổ vốn có ngôn ngữ riêng của mình, nhưng giao tiếp cộng đồng họ vẫn sử dụng tiếng người Kinh là chủ yếu. Đây là nét

độc đáo, văn hóa của cộng đồng các dân tộc sinh sống nhiều đời ở Tân Kỳ. Sắc thái hòa đồng nhanh cả tiếng nói và tập quán được biểu hiện khi hơn 2 vạn bà con Vĩnh Linh - Quảng Trị ra sơ tán trong kháng chiến chống Mỹ khốc liệt. Sống với nhau chưa bao lâu ở vùng đất mới, phương thức trồng cây tiêu, cây cà phê của người dân Vĩnh Linh bỗng chốc trở nên cây phổ biến sinh trưởng trên mọi vùng đất đỏ bazan của Tân Kỳ. Cây sắn đỏ tía, lá nhỏ từ Vĩnh Quang, Vĩnh Cháp, Hồ Xá (Vĩnh Linh) di thực, bén đất Tân Kỳ cho từng chùm củ sắn da nâu sẫm, ít xơ, đem vùi than củi, thơm lừng ngô xóm. Mùi sắn nướng thơm thảo tình người hoạn nạn có nhau, vắn vít tận giờ. Tôi ám ảnh mùi sắn nướng từ năm đất nước khó khăn, thiếu thốn lương thực, phải ăn bo bo thay cơm. Báo Nghệ Tĩnh (1976-1991) phải tự túc 6 tháng lương thực trong một năm. Chúng tôi ra Nghi Vạn cấy lúa, ngược Tân Kỳ vỡ đất bãi Lèn Rời trồng sắn, tria ngô dưới cái nắng chói chang, hầm hập gió Nam Lào quạt thốc tháo, mồ hôi rơi không kịp đọng. Ông Phan Đức Luận, quê gốc Đô Lương, nhiều năm là cấp ủy chủ chốt trước khi làm Bí thư Huyện ủy khóa (1989-1991), Bí thư Huyện ủy (1992-1996), thân phụ của anh Phan Đức Đồng, thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Vinh hiện nay. Ông Phan Đức Luận rất thương anh chị em nhà báo, phải gò lưng cuốc đất, phát cây dọn mặt bằng, chọn hạt, chọn hom trồng sắn, tria ngô. Ông Luận bảo anh chị em Văn phòng Huyện ủy chế biến bột sắn, vo thành cục rồi trộn muối hấp cách thủy, chuyển ra tận Bãi Rời chia đều cho các nhà báo ăn thay bữa. Cả nước đói, cả tỉnh đói. Cả huyện Tân Kỳ đói quay quắt. Có củ sắn luộc qua bữa đã may mắn rồi, hưởng gì là tấm bánh sắn dẻo, thơm mùi hành tẩm trộn lẫn bột sắn làm sao mà không nhớ, không quên tấm thịnh tình của Bí thư Huyện ủy Tân Kỳ Phan Đức Luận. Ông đã về thế giới người hiền, đã siêu thoát, tiên du nhiều năm, nhưng tôi không thể quên hình ảnh người lãnh đạo cao nhất Tân Kỳ, liên tục bấy nhiêu năm, lẫn lộn với mảnh đất khắc nghiệt, chông chênh khó khăn thử thách, cùng người dân chân lấm tay bùn, chèo chống đưa Tân Kỳ vượt qua trở ngại để có gương mặt Tân Kỳ đổi mới, bừng sáng như hôm nay.

Tân Kỳ được tiếng là đứng thứ 9 diện tích tự nhiên: 72.890,23 héc ta của Nghệ An nhưng núi non, rừng tạp, đất trống đồi trọc chiếm 80%. Các xã Tân Hợp, Tân Xuân, Giai Xuân là đỉnh cao của Tân Kỳ. Ngọn núi Phu Loi cao trên 1000 mét đổ dài xuống lèn Pha Lồ, là dải ngăn cách điều kiện, đất đai tự nhiên, nơi hứng chịu gió mùa Đông Bắc mỗi năm tới 30 đợt, gây hậu quả "mưa không thuận, gió không hòa" cho canh tác nông nghiệp ở mọi vùng đất Tân Kỳ. "Của chìm" Tân Kỳ là 2,8 tỷ mét khối đá vôi, nhưng tác hại của đá vôi chính là tạo nên tầng đất chua phèn. Vùng Giai Xuân, nước ăn đào từ giếng đất, pha màu bàng bạc, nồng nặc phèn chua, phải lắng đi lắng lại nhiều lần. Xem ra Tân Kỳ chẳng được thiên nhiên ưu ái bao nhiêu. May mắn làm sao, sông Con phần hạ lưu sông Hiếu, phát tích từ nước bạn Lào, mạn Nam Giải, Quế Phong chảy qua Tân Kỳ trước khi hòa vào sông Lam đã bồi đắp nên bình nguyên trù phú với hơn 3.000 héc ta, trải rộng phía đầu huyện. Viết tới đây, tôi rưng rưng trong âm hưởng giai điệu ca khúc "... Đất bạc màu và vai áo em bạc thêm. Nắng mưa trên đồng, mưa giăng lối nhỏ em về. Đất mẹ hiền cùng ta với bao niềm riêng, đất ôm trọn kiếp người, mảnh đất quê hương ta".



MỘT GÓC GIAI XUÂN, TÂN KỲ - Ảnh: XUÂN THỦY

Chung thủy với đất. Sống chết với đất. Quảng quật, bã bời với đất. Niềm khát khao no đủ với đất, phải chăng là lẽ sống từ nghìn đời của người dân không chỉ riêng Tân Kỳ. Lên Tân Kỳ, nhiều đêm thao thức trao đổi phương thức làm ăn vùng đất “chưa mưa đã ngập, chưa nắng đã hạn” với Chủ tịch, rồi Bí thư Huyện ủy Tân Kỳ - Nguyễn Duy Thủy, anh tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, chúng tôi nhắc tới tiềm năng đất đai có thể bố trí cơ cấu cây trồng mang lại giá trị hàng hóa cao hơn cây lúa trong đó có cây mía. Đất trồng lúa Tân Kỳ chủ động nguồn nước tưới, năng suất bấp bênh. Vụ thu càng dễ mất trắng vì diện tích lòng chảo, mưa dầm chục ly lũ đã tràn ngập, cướp không công lao và cả niềm hy vọng của người nông dân một nắng hai sương, mưu sinh chìm nổi từ cây lúa.

Nhiều thế hệ lãnh đạo Tân Kỳ muốn bút phá từ phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Những năm 60, Tân Kỳ đã có nhà máy đường sông Con, với sản lượng chế biến đường còn khiêm tốn, diện tích trồng mía nguyên liệu chưa mở rộng. Thêm nông trường trồng cam sông Con và An - Ngãi nhưng sản lượng pháp phù, chất lượng cam thấp, không có thị trường tiêu thụ ổn định. Vào thời kỳ đổi mới, hội nhập, nông trường giải thể, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cây trồng cho chủ hộ công nhân. Đơn vị quốc doanh không còn giữ vai trò điểm tựa, kể cả nguồn thu ngân sách lẫn trung tâm hướng dẫn phương pháp, kỹ thuật canh tác cây trồng.

Chủ trương chuyển giao đất lâm nghiệp, đất trồng trọt, nhất là đất bãi phù sa ven sông cho hộ dân canh tác trồng trọt đã mở ra hướng phát triển kinh tế đa

dạng, đa ngành cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi. Và ưu thế của cây mía nguyên liệu hiện hữu nổi năm, nổi mùa vụ trên tầng đất phù sa không chỉ ven bãi sông Con màu mỡ. Cây mía giống mới (LK92 - 11; KK3) dần dà thay thế giống mía truyền thống địa phương. Giống mía mới cho năng suất từ 90 tới 100 tấn mía cây một héc ta. Tân Kỳ thực hiện chủ trương “dồn điền, đổi thửa”, tạo cánh đồng 50 héc ta chuyên thâm canh cây mía giống mới, với tổng diện tích hơn 2.000 héc ta mía nguyên liệu, cung cấp ổn định nguồn mía chất lượng, có hàm lượng đường cao cho Nhà máy đường Sông Con đã nâng cấp cả công nghệ và sản lượng đường thương phẩm.

Lên với Tân Kỳ dịp này, vui làm sao khi bắt gặp một Tân Kỳ giàu lên từ vùng mía nguyên liệu. Bạt ngàn đồng mía trải tít tắp ở các xã Tân Xuân, Giai Xuân, Nghĩa Đồng, Tân Hợp, Đồng Văn, Nghĩa Hoàn. Vụ Xuân này, Tân Kỳ xuống giống 2.000 héc ta mía với cơ chế đầu tư mới. Tính ra mỗi héc ta trồng mía, Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con đầu tư 4,5 triệu đồng một héc ta. Chưa tính mỗi héc ta được Công ty đầu tư 10 tấn bùn phụ phẩm thu gom sau chế biến đường thương phẩm. Lại chưa kể Công ty chuyển cấp tại ruộng với bột bón khử chua, tăng độ mùn cho đất trồng mía.

Vui hơn, người dân trồng mía bớt đi nặng nhọc, nỗi lo phải kéo dài nông vụ bởi nhờ có máy đa năng lật đất, cày xáo đất trồng mía rồi máy thu hoạch mía cây vào kỳ mía chín đại trà. Người trồng mía thở phào nhẹ nhõm khi Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con bao toàn bộ chi phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiền trả lãi vay vốn ngân hàng đầu tư trồng mía.

Nhìn khối máy đa năng hiệu Kubota của Nhật băng băng lật đất, thả hom giống xuống thăm đất nâu quánh, đượm màu phù sa sông Con, man mát gió Xuân, ứng ứng nắng vàng, tôi chạnh nhớ tới những năm bom đạn Mỹ gieo rắc xuống tuyến đường 15, chạy vòng vèo qua Tân Kỳ, có đoạn qua vùng mía. Thời ấy, các anh Bí thư Huyện ủy Nguyễn Văn Thị, Đặng Đức Khử, trong muôn vàn công việc cần khối óc, trái tim nhiệt huyết, bàn tay cần mẫn của người lãnh đạo chủ chốt xử lý từng giờ, từng phút, vẫn không quên lặn lội xuống cơ sở chế biến đường thủ công, xem xét chất lượng từng mẻ đường ra lò rồi cắt miếng bao gói bằng loại giấy thô cứng của Nhà máy giấy Nghệ An, dành gửi ra tiền tuyến. Miếng đường kính thô ráp, đen bóng tới tay chiến sĩ, ngọt ngào từ tâm tình người dân vùng mía Tân Kỳ được cô đặc bằng cổ che ép mía, nhờ sức trâu quay lăm lăm trong giá rét cuối Đông, trong tiếng bom nổ liên hồi dậy đất mận đường 15.

Năm tháng ấy, thế hệ con người ấy của Tân Kỳ nhẩn nại, kiên trì mở đất khai hoang đã thành ký ức khó phai mờ. Chỉ riêng tôi mãi còn hình ảnh Bí thư Huyện ủy Phan Đức Luận và anh bạn tôi Nguyễn Duy Thủy, cùng ông Nguyễn Văn Quốc - Giám đốc Nhà máy đường sông Con đầu tiên, những người lãnh đạo gần bó máu thịt với huyện Tân Kỳ. Với tôi, ấy là nỗi nhớ không mùa, “đất thì ngọt, mía thì xanh”.

Mùa sim chín

TRẦN CẢNH YÊN

Bớ làng, hổ, hổ...! Tiếng ai đó hét lên nghe rợn cả người. Hạnh cầm cổ lao về phía trước, không kịp ngoái lại mong lánh cho thật xa nơi vừa có tiếng ai như con chắt Châu thét lên. Hạnh chạy như quàng chân lên cỏ, đôi dép văng đâu mất, đá nhọn, gai góc cửa vào chân đau buốt. Cái bị cỏi đựng sim văng tung tóe Hạnh cũng không dám ngoảnh lại nhặt, mặc kệ, chạy cho thoát thân đã...

Hạnh không nhớ mình đã chạy được bao lâu, chỉ biết là xa lắm rồi. Trời nhá nhem tối, đôi chân đau buốt rã rời không lê nổi bước, Hạnh nằm vật ra một lúc rồi bò dậy tựa lưng vào một gốc cây thở như muốn dứt hơi. Trời tối, Hạnh khiếp đảm khi biết mình đã mất phương hướng không thể tìm ra lối về. Hạnh run lên, không biết con Châu, con Huyền và anh Khánh có ai bị hổ ăn thịt không. Họ có đi tìm mình không? Hạnh nghệt thở vì khiếp hãi nghĩ đến đêm nay phải nằm lại trong rừng. Cái cảm giác sợ bị răn rết, hổ báo ăn thịt lần ất hết tâm trí Hạnh. Cha ơi, anh Khánh ơi. Hạnh bật khóc nhưng rồi lập tức nín bật vì sợ hổ báo nghe tiếng người mò đến. Anh Khánh ơi, anh mô rồi? Hạnh gọi trong tuyệt vọng nhưng vẫn bầu vịu vào một chút hi vọng mong manh: Anh ấy nhất định sẽ đi tìm mình!

Anh Khánh đang tìm Hạnh thật. Hạnh mừng bật khóc. Hạnh vừa nghe từ đằng xa, rất xa bỗng có tiếng hú vọng lại. Đúng là tiếng người hú. Em đây, anh Khánh



Minh họa: HỮU TUẤN

ơi. Hạnh hét to rồi vùng dậy lao về hướng có tiếng hú vừa dội đến. Dây rợ, gai góc quấn vào chân, Hạnh trượt lăn mấy vòng, dậy lại chạy. Tiếng hú như dồn dập hơn, anh Khánh ơi, em đây. Hạnh ngã dúm dúm, rồi lại vùng dậy chạy như đang có hổ đuổi sau lưng. Hạnh vừa thoát ra khỏi một bụi dây chạc bùng bùng thì lại vướng một lùm cây khác. Kia rồi, đằng xa có ánh lửa le lói. Hạnh dùng hết sức bình sinh bứt khỏi một đám dây quấn vào chân, mất đà, Hạnh ngã dúm lao về trước và lăn tùm xuống một con suối.

* * *

- Anh Khánh - Hạnh thều thào

- Khánh là đứa mô rứa, ai đưa mi vô rừng mà đến nông nổi nì?

Hạnh tỉnh dậy hé mắt nhìn quanh. Không phải Khánh, giọng nói khô khốc kia là của một người đàn ông rất lạ. Hạnh thấy mình đang được ông bế trên tay, rồi ông đặt Hạnh nằm xuống cái sạp bên cạnh một bếp lửa nóng rực. Quanh bếp còn có ba, bốn người đàn ông bận đồ đồng bào thiểu số, trên vách lán có đến dăm khẩu súng cùng với dao rựa treo lủng lẳng. Thở phỉ? Hạnh chực hét lên nhưng cổ họng tắc cứng. Hạnh đã nghe kể nhiều chuyện rừng rợn về thổ phỉ ở vùng biên giới. Cha ơi! Hạnh ôm chặt đầu rồi co rúm người lại.

- Mi tên chi, ai đưa mi đi vô rừng, họ mô rồi?

Hạnh vẫn nằm im thít:

- Đừng sợ, bọn choa không phải thổ phi mô mà sợ.

Người đàn ông dịu giọng đổi cách xưng hô. Hạnh bớt run hơn, mở to mắt. Có lẽ họ là một phường săn. Qua câu chuyện không đầu không cuối, Hạnh kể, có lẽ phường săn đã đoán ra cô bé này vừa chạy lạc đám bạn cùng quê đi hái sim vì bị hổ vồ hụt.

- Quanh mấy đồi sim dưới nớ mần chi có hổ, đứa mô nhìn gà hóa cuốc kêu hổ để làm tội người ta rứa, rừng ni có con chi bọn tau lại không biết - Người đàn ông cao tuổi nhất trong phường săn nói, rồi ông quay vào gọi:

- Thằng Cảnh mô rồi, lấy xôi cho em mi ăn, nó chết đói bây giờ - Người thợ săn đã bế Hạnh hong lửa chỉ vào một cậu thanh niên vừa xách một cái giỏ trong góc lán bước ra, rồi tiếp:

- Lúc tối nếu không gặp lúc thằng Cảnh con lão xuống suối lấy nước thì coi như con đã làm mồi cho hà bá rồi đó. Thôi cố mà ăn đi vài miếng vào bụng lấy sức mai mà về với mẹ.

- Vâng ạ.

Hạnh mừng quýnh, rứa là mai được về nhà rồi. Cậu thanh niên tên Cảnh có lẽ lớn tuổi hơn Khánh. Trời ơi! Hạnh thầm kêu lên khi nhìn thấy bên dưới cái cằm của Cảnh một vết sẹo dài làm khuôn mặt anh ta như biến dạng trông sợ sợ. Cảnh có nước da trắng, tóc hung nâu, dáng dấp cao lớn, cậu ta bận một bộ đồ vải thô may kiểu không ra Kinh, không ra Mường nhưng nom rất hợp với dáng vẻ một thợ săn. Cảnh chiếu thẳng vào Hạnh như chẳng hề muốn che giấu khuôn mặt không bình thường của mình. Vết sẹo như một cái dấu “ngược” làm cho cái cằm của Cảnh bạnh ra. Hạnh nhận ra trên khuôn mặt trai tơ ấy phảng phất một chút dữ dằn bí hiểm và từng trải. Cảnh cũng đắm đắm tia ánh mắt về phía “nàng Bạch Tuyết” của mình đang ăn xôi. Hạnh liếc trộm lại “người rừng” với ánh mắt thân thiện hiếu kỳ và thầm cảm ơn người đã cứu sống mình. Cái số mình không bị hổ vồ, không chết đuối nhờ anh chàng này.

Ông trùm phường săn sai Cảnh trái tấm bạt trong góc lán, ông ném cho Hạnh một tấm mền mỏng rồi dục:

- Ngủ cho lại sức đi con, mai thằng Cảnh nó đưa về xuôi.

Cánh thợ săn cũng đã ngả lưng quanh bếp lửa, họ đang “kéo gỗ” đều đều. Hạnh nằm một hồi lâu nhưng không tài nào chợp mắt được. Tiếng củi nổ lép bép, tiếng côn trùng rì rì kêu từ một nơi thật xa, tiếng con chim từ quy vọng lại róng riết rồi chìm trong màn đêm của rừng sâu nghe buồn đến nẫu ruột. Căn lán của phường săn càng như thêm vẻ hoang sơ huyền bí...!

* * *

Hạnh tỉnh giấc vì có tiếng gọi bên tai và một bàn tay vỗ nhẹ vào vai mình. Lán của phường sẵn vắng ngắt, chỉ có mình Cảnh đứng im phắc nhìn Hạnh tỏ vẻ sốt ruột.

- Dậy ăn cơm rồi mình còn xuôi sớm, đường ngái lắm đó.

Hai đứa chỉ ăn hết một nắm xôi nhỏ. Cảnh gói ghém các thứ cho vào chiếc ba lô, đưa cái bù nước cho Hạnh rồi giục: Đi thôi.

Con đường mòn trong rừng sâu không còn rõ lối vì không mấy khi có người đi qua nên đôi lúc Cảnh phải dừng lại để dò tìm phương hướng. Họ đã đi được khá xa nhưng đến gần trưa thì Cảnh thấy Hạnh đi chậm dần rồi rớt lại sau một đoạn khá xa. Cảnh dừng lại đợi, Hạnh tập tễnh sà đến rồi ngồi bệt xuống đất nhăn nhó về đau đớn. Bất giác nhìn vào đôi chân Hạnh sững tấy, Cảnh mới sực nhớ từ hôm qua đến giờ Hạnh đi chân đất, sao không nghĩ ra đôi chân của nàng đã trầy xước vì đã qua một ngày đường chạy bộ. Làm răng giờ, tìm mô ra giày dép giữa chốn rừng rú ni. Cảnh mừng rơn chột nhìn vào đôi giày vải dưới chân mình rồi quả quyết:

- Em phải đi cạy ni mới hòng về được đến nhà.

Nói rồi Cảnh tháo nhanh đôi giày khỏi chân mình đưa cho Hạnh.

- Giày rộng ri em đi răng được - Hạnh cười như mếu.

Cảnh thử người một thoáng, nhưng người con trai ông chủ phường sẵn có vẻ khôn trước tuổi kia dường như lại tìm được kế sách. Anh chàng móc trong ba lô ra một chiếc áo màu cháo lòng rồi rút con dao nhọn đi rừng rọc thành từng dải.

- Đưa chân đây, anh quần làm bít tất mà đi giày.

Hạnh ngoan ngoãn giơ chân cho Cảnh. Loay hoay mãi rồi Cảnh cũng đút được đôi chân quần vải của Hạnh vào giày rồi rút dây buộc lại cẩn thận. Hạnh đứng lên thử chân mấy cái rồi leo đèo theo Cảnh tiếp tục xuyên rừng. Đến một quãng rừng thưa, mặt trời hiện ra trên đỉnh đầu mới biết trời đã chính trưa.

- Nghỉ tí đã anh ơi!

Hạnh không gắng được nữa, nói muốn khóc. Cảnh biết dù được quần vải đi giày nhưng đôi chân Hạnh đã bị xây xước sưng tấy như thế cũng không thể đi xa được. Cảnh tìm một nơi có bóng râm rồi dịu Hạnh ngồi xuống.

Hạnh mệt mỏi ngửa cổ tựa lưng vào thân cây mắt nhắm nghiền để mặc cho Cảnh tháo giày ra khỏi chân mình.

- Ôi cha mẹ ơi!

Hạnh hét lên, cảm giác như lớp da bàn chân đang bong theo lớp vải. Nước mắt Hạnh giàn giụa. Hạnh khóc phần đau thì ít mà phần lo không đi nổi chặng đường còn dài trước mặt thì nhiều. Cảnh không ngờ đến cảnh ngộ hai đứa lâm nạn kiểu này. Không phải tai họa gặp hỏ, báo hay rần rết mà chỉ là một chuyện oái oăm về đôi chân sưng tấy của Hạnh.

TRUYỆN NGẮN

- Em không xỏ được chân vô giày nữa mô anh ơi.

Hạnh nói giọng ngân ngấn nước mắt.

- Không xỏ giày mần răng mà đi.

- Em thà đi chân đất còn hơn đi giày tróc hết da chân.

- Chặc, răng đi chân đất mà hơn đi giày?

Cảnh nghĩ Hạnh nói cũng có lý, cái chân phồng rộp kia mà cổ nhét vô giày đã đau nói chi đến chuyện đi đứng. Nhưng để trần rứa thì cũng mần răng mà đi được.

- Rứa thì để anh quần vải làm cái xà cạp, em gắng đi được đoạn nào hay đoạn nấy.

Cảnh rọc phá thêm cái áo cũ lấy trong ba lô ra, quần nhiều lớp vào chân cho êm để Hạnh đỡ đau.

- Êm chưa, đi thôi.

Hạnh không ngờ quãng đường từ chỗ đồi sim đến khu rừng gập phường sản lại dài đến thế. Không biết mình chạy bằng cách chi mà đến được nơi khi ho cò gáy ầy. Đôi chân của Hạnh không lê nổi thêm bước nào được nữa. Hạnh cảm giác cái nhức nhối bỏng rát dưới đôi bàn chân buốt lên tận óc.

- Anh ơi...

Cảnh vừa nghe tiếng kêu ngoảnh lại đã thấy Hạnh ngồi xoài xuống đất đau đớn. Cảnh biết là người bạn đường của mình không thể gắng được nữa.

- Nghi tỵ rồi anh công em...

Hạnh tròn mắt.

- Thật mà.

Cảnh xoay chiếc ba lô quàng ra trước ngực rồi ghé lưng trước Hạnh:

- Bám vô, anh công đi nhanh mới kịp tới đường lâm nghiệp trước khi trời chưa tối em à.

- Anh cho em vịn tay là được, đi thôi.

Hạnh bám vào một bên vai Cảnh cố lê bước. Nhưng cũng chỉ được một lúc Hạnh lại khụy xuống. Cảnh đỡ Hạnh ngồi tựa vào người mình. Trời ơi, người Hạnh nóng ran, có lẽ Hạnh đang lên cơn sốt. Đã hai ngày dầm sương lội suối bươn rừng làm Hạnh kiệt sức kèm theo đôi chân thương tích đã làm Hạnh phát sốt. Bằng cách nào cũng phải ra đưa Hạnh tới đường lâm nghiệp khi trời còn sáng may ra mới gặp được người cứu giúp.

- Cố lên em, bá vào cổ anh mau lên.

Không chần chừ, Cảnh nắm hai tay Hạnh kéo lên rồi ghé người hất Hạnh lên lưng. Hạnh là đi, người nóng hầm hập như hòn than trên lưng Cảnh. Cảnh chạy bằng tất cả sức lực còn lại với một ý nghĩ phải cứu sống đứa em gái đang

lâm bệnh. Nhưng rồi sức trai như ngựa non của con ông chủ phường săn cũng đến lúc bị vắt kiệt. Cảnh quy xuống, anh biết mình không gắng chạy được nữa nhưng đầu óc anh vẫn tỉnh táo, vẫn nghe hơi nóng và nhịp thở dồn trong lồng ngực đứa em tội nghiệp đang ôm chặt sau lưng mình. Một cảm giác rất lạ thoáng choán ngập tâm trí Cảnh, không cất nghĩa được đó là cái gì. Cảnh chỉ biết thương Hạnh vô cùng. Cảnh muốn cứ nằm mãi và ngủ một giấc thật lâu, nhắm mắt nằm áp như bất động trên thảm lá khô của khu rừng để tận hưởng cái giây phút giao cảm lạ lùng ấy.

Khu rừng chìm trong u tịch bỗng nhiên bừng sáng, Cảnh đã nhận ra có một thứ âm thanh lạ vọng lại rất mơ hồ rồi rõ dần. Tiếng âm ì đều đều rồi rú lên nghe ngày càng gần. Xe lâm nghiệp. Cảnh như hét lên, Hạnh tỉnh lại và dường như cũng nhận ra cái âm thanh kỳ diệu ấy. Hạnh vừa kịp bá lấy cổ Cảnh thì anh đã vọt lên lao như tên bắn về hướng có tiếng động cơ ô tô vọng tới. Cổ lên cổ lên, Cảnh tự giục mình chạy cho kịp nhưng con đường trước mặt như dài ra hun hút. Không được ngã, Cảnh cố trụ đôi chân mình trong từng bước chạy vì biết lúc này mà quy xuống là không gượng dậy được nữa. Trời tối dần. Kia rồi, phía trước là bìa rừng. Ở đó trời còn sáng lơ mờ. Cảnh vừa lao ra khỏi vạt rừng, cả hai đứa ngã văng ra bên vệ đường cũng vừa lúc chiếc xe “reo” của trạm lâm nghiệp trườn tới.

* * *

Hạnh sốt li bì đến độ lên cơn co giật. Cảnh cũng suy kiệt sức, lên cơn sốt. Nhân viên y tế của trạm kiểm lâm gửi Cảnh về xuôi ngay chuyến xe trong đêm. Hạnh phải lưu lại chạy chữa cấp cứu khi cơn sốt thuyên giảm rồi người ta mới dám tính chuyện gửi về xuôi.

Sau gần mười ngày dưỡng bệnh, Hạnh khỏe lại mới kể được đầu đuôi câu chuyện đi hái sim lạc rừng của mình. Sau mấy lần chuyển tiếp qua các trạm lâm nghiệp, người ta cũng đưa được Hạnh về đến cái làng với lũ bạn hái sim bị hổ “vồ hụt” hôm nào. Người cha ôm Hạnh khóc, không dám rời con nửa bước. Hạnh được biết, Khánh cũng bỏ học cả tuần theo mọi người đi tìm Hạnh. Họ biết Hạnh không phải bị hổ báo ăn thịt nhưng có lẽ đang nhịn đói nhịn khát mà chờ chết trong rừng sâu.

Cả kỳ nghỉ hè năm học ấy, Hạnh gần như chỉ nằm viện. Trận ốm can qua gây biến chứng suy tim đưa Hạnh từ bệnh viện này sang bệnh viện khác. Hạnh không muốn bỏ, nhiều buổi người cha và có lúc cả Khánh phải công Hạnh đến trường. Rồi bệnh tật qua đi...

Tốt nghiệp cấp ba, như một nghiệp chương, cô gái từng giành kỷ lục “chạy việt dã” đường rừng năm xưa đã chọn theo học trường trung cấp thể dục thể thao. Gần đến ngày kết thúc năm học thứ hai thì một sự cố đã đến với cô sinh viên giỏi của môn chạy việt dã. Hạnh bị ngất xỉu khi cán đích đầu tiên trong cuộc thi chạy 3000 m.

Sau ngày xuất viện, Hạnh được nhà trường cho về nhà nghỉ dưỡng mấy ngày. Người cha đã từng bao nhiêu phen công Hạnh đi viện, công Hạnh đến trường nghĩ đến bệnh tình của con gái, ông ôm con thì thào:

- Hạnh ơi! Con chết đi sống lại đã quá tam ba bận. Lần này cha không bỏ mặc để mất con một lần nữa. Con đừng theo học môn chạy nhảy phải cố gắng lực nữa. Nguy hiểm lắm, con ơi!

- Con sẽ ở nhà... với cha!

Ông không ngờ đứa con gái mạnh mẽ, cá tính có phần ngang bướng như Hạnh lại nghe lời ông mà từ bỏ một niềm đam mê dễ dàng như vậy. Chỉ có Hạnh mới biết vì sao phải từ già ngôi trường, từ già niềm đam mê của mình trong nước mắt, trước sự nuôi tiếc của thầy cô và bạn bè!

Một năm sau khi rời trường học về nhà, Hạnh được tuyển làm nhân viên mật dịch huyện, Khánh tốt nghiệp đại học. Tình yêu của họ nảy nở sinh sôi và đơm hoa kết trái tự nhiên như cây với đất. Không màu mè hoa lá, chẳng hãnh diện phô trương mà đẹp như một chuyện tình đẹp nhất trong nhân gian. Khi đã thành vợ thành chồng, họ thi thoảng cùng đọc lại cho nhau nghe những vần thơ mà Khánh đã làm tặng Hạnh ngày nào, kể lại những kỷ niệm ngày hái sim năm cũ...

Nhưng cuộc đời thật khó đoán định. Làm sao Hạnh có thể tin nổi có một nỗi bất hạnh vừa đổ sập lên gia đình chị phủ phàng đến thế. Khánh tử nạn trong một vụ tai nạn lao động bất ngờ trên công trường. Năm sau cha Hạnh cũng qua đời vì một cơn bạo bệnh.

Hạnh tưởng như không gượng dậy được, nhưng lý trí của chị không chịu gục ngã trước trái tim dường như tan xé vì đớn đau. Hạnh cam phận, đã tin con đường chung của vợ chồng chị đã đến cột số cuối. Nhưng chị cũng nhìn thấu hơn lúc nào hết phận đời của chị: Hạnh không thể chết lác trong rừng hoang, không thể gục quy trên đường chạy... Để rồi giờ này gánh lấy cái thiên chức làm mẹ, làm cha nuôi dạy ba đứa con thơ, Hạnh phải dắt chúng đi tới như ước muốn của Khánh.

* * *

Hạnh làm đủ mọi việc, trở nghề như chong chóng, cứ nghề nào kiếm được nhiều tiền là làm. Chị bỏ việc bán mật dịch sang hợp đồng nấu ăn cho các công ty, rồi chuyển qua buôn bán hàng hóa, về quê xin ruộng cấy lúa được mấy mùa rồi lại bỏ. Chị mở ốt chụp ảnh dịch vụ kèm theo photocopy, in thiệp, chuyển sang làm nhân viên kế toán. Rồi đến một ngày, như trong giấc mơ, Hạnh gom góp vốn liếng đang có được thành lập công ty kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng thường thường bậc trung. Một thành công mà Hạnh chẳng bao giờ nghĩ đến. Ba đứa con của Hạnh cũng đã tốt nghiệp đại học và đã thành gia thất, chị như nằm thấy chiêm bao!

Hạnh càng lao động, càng sung mãn, người chị càng khỏe thêm, trẻ ra. Bao nhiêu

người đàn ông ngổ ỷ tỏ lời kết giao bạn đời nhưng Hạnh đều từ chối. Chị gồng mình mạnh mẽ để vượt lên chính mình, dù rằng Hạnh cũng muốn nắm bắt lấy một cơ hội để tìm một bến đỗ, một bờ vai tựa cuối đời nhưng nó cứ vô tình trôi đi.

* * *

Mấy ngày mưa gió dầm dề, cơn bão vừa dứt được một buổi lại thấy mây vẫn vũ phía thượng nguồn sông Giăng. Không chờ lâu được nữa, Hạnh quyết định đưa hàng cứu trợ của công ty đi làm từ thiện ở vùng có trận lũ vừa tràn qua. Đường như là một duyên cớ đã được sắp đặt, điểm đến lần này của công ty là một xã nghèo của huyện biên giới, nơi mà cách đây hơn ba mươi năm Hạnh bị hổ vồ hụt và đã có người cứu sống.

Sau khi giao mấy kiện hàng quần áo phân phát cho bà con, Hạnh thay mặt ban giám đốc công ty trực tiếp trao quà tiền mặt cho những hộ đặc biệt khó khăn ngay tại trụ sở xã nhà. Mọi việc gần như trôi chảy tốt đẹp, nhưng khi đọc hết danh sách người được nhận quà cứu trợ, ông Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã rất băn khoăn về một trường hợp cá biệt là một thương binh.

- Ông thương binh tên Cảnh, không bao giờ chịu nhận cứu trợ. Hoàn cảnh của ông ấy kể cũng thật đáng thương, hồi mới ở trại thương binh về làng đã một lần lấy vợ nhưng không thành.

"Ông ấy tên là Cảnh". Hạnh giật mình. Câu chuyện của ông Chủ tịch về người thương binh ám ảnh Hạnh. Chị cố tưởng tượng về một miền ký ức đã xa lắc vừa chợt lóe lên.

Hạnh để ô tô tại trụ sở xã rồi mượn xe máy một mình hỏi đường tìm đến nhà ông thương binh. Quãng đường cũng gần, Hạnh hỏi đúng ngõ ngôi nhà nhỏ. Một bày chó xỏ ra ông ổng. Nhà vắng chủ nên đàn chó cứ bám riết lấy khách mà sủa. Hạnh chần chừ định quay lui thì vừa lúc một người đàn ông đi xe máy chạy vào đổ xích sau lưng chị.

- Chào bác, bác đi mô về?

-Vâng, chào... chị - Người đàn ông đáp khế đủ cho Hạnh nghe. Ông không bỏ mũ bảo hiểm ra khỏi đầu, cũng chẳng quay mặt lại nhìn khách mà lẳng lặng đi vô nhà, đôi chân của người thương binh khập khiễng bước thấp bước cao. Hạnh đoán chắc một bên chân của ông là cái chân giả. Một lát sau ông quay ra nói với khách nhẹ nhàng:

- Mời chị vô nhà...!

Người đàn ông chiếu thẳng ánh mắt vào Hạnh, chị chợt nhận ra một bên con mắt giả, nhưng ánh sáng từ con mắt còn lại bỗng lóe lên rơi vào khuôn mặt của con người ấy làm Hạnh suýt ngất xỉu, đứng như trời trồng. Chị chơi vơi bủn rủn chân tay. Hai người ngó nhau trân trân. Hạnh vẫn chưa tin vào mắt mình, trước mặt chị có phải là người của phường sản hơn ba mươi năm trước? Vết sẹo nơi cái cằm bệnh của anh ấy như hằn sâu thêm trên khuôn mặt tuổi tác, thương tích

làm cho dung mạo con người này biến dạng đi rất nhiều. Rất nhanh, Hạnh định thần, người đã cứu mình trong rừng hoang ngày ấy. “Anh Cảnh... trời, anh đây à?” Hạnh gọi rành rọt. Người đàn ông trước mặt Hạnh thoáng một chút hoảng hốt. Anh cố tìm một nét gì đó quen quen từ phía người khách lạ đang mơ hồ. Hạnh dồn hết tinh lực của đôi mắt và linh cảm của mình rồi nói với người đối diện: Anh Cảnh, đúng là anh! Dứt lời, Hạnh đổ sập người ôm chặt người đàn ông đang đứng như trời trồng! Cảnh không thể chống cự nổi vòng tay chặt siết của Hạnh, anh loạng choạng một thoáng rồi đứng im như hóa đá. “Anh còn nhận ra em không, em là Hạnh, là con bé đi hái sim lặc rừng ngày xưa, anh ơi!” Hạnh úp mặt mình vào khuôn mặt Cảnh, nước mắt chảy dài. Người đàn ông bỗng rùng mình. Tầm thân dường như đã khô xác chai cứng vì tật nguyên, tuổi tác bỗng mềm nhũn chực khuyu xuống! “Hạnh là em đây à?”. Cảnh lắp bắp. Cái vòng tay siết chặt và âm thanh dập dồn nơi lồng ngực của người thiếu phụ. Trời, điều gì vậy? Cảnh không thể cất nghĩa được nhưng rồi anh cũng đã nhận ra. Vòng tay của người thiếu phụ không còn là vòng tay của cô bé ôm chặt để anh còng trên lưng vượt rừng ngày xưa. Anh cố nhớ lại ký ức về cô bé lặc rừng sốt mê man trên lưng anh thuở nào! Linh cảm mách bảo Cảnh có một điều gì đó thật hệ trọng đang xảy ra. “Anh ơi, có bao giờ anh nghĩ sẽ còn gặp lại con bé Hạnh lặc rừng ngày ấy không?”. Không để Cảnh kịp đáp lời, Hạnh ôm chặt lấy Cảnh trông giãy lắt.

Cảnh bừng tỉnh và dường như nhận ra có phải đây là một ân huệ muộn màng của cô bé lặc rừng khi xưa giành cho anh? Sự mặc cảm đầy lý lẽ trong Cảnh chợt lóe lên, Cảnh lần tìm bàn tay của Hạnh gỡ ra nhưng không thể. Mặt đất như chao đảo, trời như sầm sập mưa. Cảnh chới với chênh choáng như mơ như thực. Căn nhà vắng của miền sơn cước ngày nào bỗng nhiên tràn ngập những âm thanh huyền diệu. Là những tiếng gọi tên nhau miên man dập dồn! Và hơn tất thảy những thứ âm thanh huyền diệu ấy, có một âm thanh không cất lên thành lời nhưng cứ ngân vang trong lòng hai người đang quấn quýt nhau: Hãy là bờ vai tựa, là bến đỗ bình yên cho nhau hết cuộc đời này.

Sầm điên

HÀ MẠNH PHONG

Khu chợ Sin Cai bỗng xuất hiện một gã điên, chẳng biết trôi dạt từ đâu tới. Gã điên có nụ cười ngờ nghệch, ánh mắt sợ sệt canh chừng mọi người, nó như ánh mắt thỏ trước chó, chuột trước mèo. Lý do gì khiến ánh mắt người điên như vậy? Không ai có thể biết!

Gã đó điên nhưng rất hiền, ai cho gì cũng biết lấp bắp: “Sầm xin, Sầm xin” với giọng điệu nghe ngô ngọng, tức cười. Mọi người vô đoán tên gã chắc là Sầm nên tiện miệng gọi luôn là Sầm điên.

Cạnh sát chợ Sin Cai có con suối Nậm Tốc. Nhờ suối Nậm Tốc mà phong cảnh quanh chợ Sin Cai trở nên đẹp mộng mơ, mười trang giấy tả cũng không hết. Các thiếu nữ từ bản xuống có thể gội bụi đường xa, soi gương suối chải tóc trước khi vào chợ.

Suối Nậm Tốc là người bạn thân thiết của Sầm điên. Thời gian trong ngày hầu như Sầm điên dành để quần quanh bên suối. Gã có thể bơi lặn dưới suối cả giờ như rái cá mà không mệt. Mọi người không ngờ gã điên lại có thể bơi lặn giỏi đến thế. Chắc Sầm điên đã từng được sinh ra, lớn lên tại vùng quê nào đó ven sông nước.

Người điên là gì? Người điên là cái kiến, cọng cỏ. Thế nên dù Sầm điên chẳng hề làm hại đến ai nhưng có kẻ vẫn rất khó chịu khi nhìn thấy, vì nghĩ gã sẽ ám việc buôn bán của họ gặp đen đui, xui xẻo. Một trong số đó là chủ tiệm vàng duy nhất ở chợ Sin Cai, y lúc nào cũng lịch sự com lê, cà vạt. Vàng quặng, vàng sa khoáng quanh vùng chảy hết về đây. Kẻ đào vàng tiểu tụy ốm nhom, chủ tiệm vàng béo tốt.

Tiền nhiều tất nhiên là có thể vênh váo. Chủ tiệm vàng rất hách, coi người quanh khu chợ chỉ là nhỏ bé trong mắt. Người điên như Sầm y lại càng coi như cỏ rác. Điên mà ám cửa là buôn bán sẽ xúi quẩy. Cho nên mỗi khi thấy Sầm đến gần tiệm là y giúi tiền mua kẹo, xui trẻ con lấy đất, lấy bùn, lấy đá ném đuổi Sầm đi. Vậy nhưng y lại cấm tiệt đứa con trai nhỏ của mình a đua theo bọn trẻ. Có thể chủ tiệm muốn con mình tích chút đức thiện chăng?

Bọn trẻ dùng bùn hay đất ném thì còn đỡ, chứ chúng ném đá thì đau Sầm lắm. Sầm ú ớ, miệng không còn thốt nổi câu “Sầm xin” quen thuộc rồi cứ thế ôm đầu chạy thục mạng ra bờ suối Nậm Tộc. Gã rúc vào bụi cây *bók bẻ* trốn như con chuột có ánh mắt sợ mèo. *Bók bẻ* thương Sầm điên nên rắc lên người gã cả vụn bông hoa trắng tinh.

Suối rất công bằng: Dù là Sầm điên; chủ tiệm vàng; ông lão quét chợ... hay bất kỳ người nào khác suối đều coi như nhau, không kỳ thị từ chối một ai. Vì thế, chẳng có lý do gì mà Sầm phải sợ suối. Trốn trong bụi *bók bẻ* ven suối, tay Sầm bầu chặt vào một bầu đá như bầu vú mát lạnh. Phải chăng từ đáy vô thức, Sầm muốn trở về với bầu vú mẹ năm xưa, mong tìm ở đó sự che chở. Trên đời mẹ là người thương yêu con nhất. Sầm trệu trạo miệng gọi “Mẹ ơi!”. Tiếng gọi xoắn vào nhau như bện dây thừng. Không ai được chứng kiến cảnh người điên gọi mẹ. Mắt điên của Sầm đỏ hoe, người ta nói đó là khóc nước mắt cạn. Suối cạn nước là nỗi đau của đất trời, khóc nước mắt cạn là nỗi đau của đời.

Vừa khóc cạn, Sầm điên vừa nửa nằm nửa quỳ ghé sát tai vào bầu đá. Sầm rên ư ử nơi cổ họng như muốn giải bày nỗi buồn đau đớn. Nỗi buồn lao tuột xuống suối. Nước run lên xốt xa chảy làm chuyển rung bầu đá, bầu đá lại chuyển những rung động đó vào tai Sầm như an ủi: “Xuống tắm đi, suối sẽ giúp Sầm dịu đau, xoa mọi vết bầm tím do những kẻ vô tâm, tàn nhẫn gây ra”. Như hiểu được lời suối, Sầm nhảy tùm xuống nước, khoan khoái vẫy vùng, khoan khoái mở rộng hết cỡ nụ cười ngờ ngạc. Nước như mẹ đang cánh tay mềm mại, êm ái vỗ về. Trong đáy mắt của Sầm chỉ còn in bóng mây hồng, núi xanh, nước biếc. Sầm chẳng còn nhớ gì đến nỗi đau bởi đá và bùn đất từ bàn tay những đứa trẻ con.

Thế rồi trời đổ mưa, không phải thứ mưa bay bay mà là mưa gãy cây, gãy cành. Khu chợ Sin Cai vốn đã bắn lại càng thêm bắn nhếch nhác, bắn tùy tiện, chỗ nào cũng bắn, tắc ứ không chảy được đi đâu. Mưa. Con suối ngỡ là tự do nhưng hoá ra vẫn phải tuân theo quy luật, chảy từ cao xuống thấp, mùa khô trong xanh, mùa mưa thì lũ cuộn cuộn. Suối Nậm Tộc tạm thời không còn bầu bạn với Sầm điên nữa.

Sầm điên nấu ở đâu khi trời mưa? Khổ thân cho Sầm điên không kiếm đâu được mái hiên tránh mưa, đến chỗ nào cũng bị đuổi nên chỉ có thể tìm trú dưới cây bàng xanh dày tán cách chợ không xa là mấy. Đói Sầm điên ăn tạm trái bàng, khát thì ngửa cổ lên trời uống những giọt nước mưa. Lạnh, buồn ngủ thì gã nằm kê đầu lên rễ bàng, thu lu người, co đầu gối lên tận mặt. Hai gò má Sầm điên nước lã ướt nhẹp. Không phân biệt nổi đây là nước mắt hay nước mưa. Trên trời cao



Minh họa: HỒ THIẾT TRINH

sấm không ngớt rền vang, dọa nạt. Dưới mặt đất, nấu nhờ dưới những tán bàng là một kẻ điên, một thứ cây chuối cũng trở hoa nhưng chột quả, một mầm phôi lớn lên nhưng không hoàn thiện, yếu đuối co quắp nằm trong mưa. Mưa! Cả ngày vắng bóng mặt trời. Gió thổi thê lương trên những lá bàng.

Và cứ thế, Sầm điên môi tái, há miệng đón những giọt mưa lạnh và cắn những trái bàng xanh.

Mưa rồi cũng tạnh. Nắng lên thênh thang, bầu trời thêm cao và vàng tươi áo mới, những hạt hoa li ti có cánh nường nhờ gió nhẹ cuốn đi gieo giống, ven đường cỏ dại bướm lập lờ bay đôi, cảnh vật dịu dàng đến nao lòng. Suối Nậm Tốc xanh trong, nhìn mê nhất là buổi bình minh mặt nước bốc hơi bay lên biểu diễn màn sương lung linh quyến rũ. Nhưng với Sầm điên tất cả những điều này chẳng có tí ý nghĩa gì cả. Sầm điên chỉ thích khi mưa tạnh, nắng lên, lại được nhìn thấy nụ cười ngờ ngạc nhiên của mình dưới bóng suối, được bơi thoải thích. Khi bơi dưới suối không ai biết Sầm là người điên.

Vào những ngày mưa, tiếng vó ngựa, tiếng chân người xuống chợ thưa thớt hẳn. Nay nắng lên dân bản lại tít tít rủ nhau xuống vui chợ phiên. Người ra khỏi nhà từ tỉnh mơ, khi còn trùng vẫn còn chưa tắt tiếng gọi giao hoan, lúc này khí trời vẫn còn lạnh, hơi thở phà ra như khói.

Chợ phiên bao giờ cũng đông vui tấp nập như hội. Nhưng Sầm lại sợ chợ phiên như ba ba sợ tiếng sấm. Gã ở lì ngoài suối. Chỉ đến lúc tan chợ, người đã vắng chỉ còn lại mấy người bán hàng quen thuộc, Sầm điên mới dám vào chợ để tìm thứ gì đó người ta vứt đi có thể ăn được.

Vào ngày chợ phiên ngoài bờ suối thật lắm ngựa, chúng được chủ buộc ở đây vì sẵn nước và nhiều cỏ ngon. Ngựa được dân bản yêu quý và chăm sóc cẩn thận nên vóc dáng con nào cũng chắc khỏe. Hình như Sầm điên rất thích ngựa. Gã mon men đến gần chúng. Chắc Sầm điên biết ngựa không thể cầm được đất hay đá ném vào gã như con người. Tất nhiên, ngựa chẳng bao giờ có ý nghĩ làm Sầm đau.

Ngựa thấy kẻ lạ đến gần liền gõ móng, nhe những chiếc răng to kệch, hí từ tràng ngắn nhỏ dọa nạt. Nhưng ngựa cũng chỉ dọa đến thế rồi thôi. Chúng tinh khôn lắm, nhận ra ngay Sầm điên không phải kẻ xấu. Nếu là kẻ xấu, ngại gì ngựa không tung vài cú đá hậu chí mạng.

Không đá, không dọa nhưng ngựa vẫn chun mũi hít ngửi quanh người Sầm. “Ngựa đang cười”, đây là cách nghĩ của Sầm điên. Chỉ có những người bạn mới dành tặng nhau nụ cười. Gã đến sát, định vỗ lên lưng ngựa như những người bạn thân thiện vỗ vai nhau. Nhưng đôi mắt điên của Sầm bỗng dại thêm khi nhìn thấy những sợi dây buộc ngựa. Sầm điên rất ghét những sợi dây. Gã đã từng bị người ta dùng dây trói đến ngạt thở, càng cựa càng đau càng ứa máu. Bạn bè thì phải giúp nhau. Có lẽ Sầm điên nghĩ vậy nên đưa tay lần tháo dây giúp ngựa được tự do.

“Bắt lấy kẻ ăn cắp ngựa”, có người nhìn thấy và cho rằng Sầm đang ăn trộm nên hô to. Rất nhiều người lao theo nhau để bắt kẻ mà họ cho là ăn cắp. Chim hoạ mi đang hót cuồn cuộn bay đi, đám chim sẻ đang uống nước cũng tán loạn bay đi. Sầm điên không biết bay như hoạ mi, chim sẻ nên bị tóm lại. Đám đông đám đá không thương tiếc lên thân thể gã. Ai cũng tự thấy mình thanh cao nên có quyền trừng trị kẻ ăn cắp. Không ai nghĩ là đang nhầm. Điên, mất trí như Sầm đâu thiết đến giá trị của những con ngựa. Gã chỉ muốn được bầu bạn với chúng, thế thôi.

Bị đánh đau quá, Sầm điên cuộn người lại như tê tê, như hình hài bào thai nằm trong bụng mẹ. Không được! Không ai cho phép “kẻ cắp” tránh đòn như thế. Ăn cắp là tội lỗi, là xấu xa. Đám đông kéo dạng tay, dạng chân Sầm điên ra đánh cho bở cơn giận dữ. Tay chân họ tưởng mềm hoá ra cũng cứng như sắt, như đồng, nện lên người gã choang choang. Bất chợt từ miệng Sầm điên hét toáng lên câu “Sầm xin, Sầm xin”, nó nghe vang tựa tiếng chuông chứ không hề ngổ ngọng như mọi khi. Nhờ thế mà có người nhận ra Sầm điên. Họ dừng tay lại. Nhưng trận đòn vừa xong cũng đã đủ biến Sầm điên thành mớ giẻ rách có hai lỗ mũi và miệng biết ọc ra máu tươi. Máu lẫn vào nước đá ngựa, từ từ trôi xuống suối. Không ai thêm chú ý chuyện đó. Họ coi như không có chuyện gì xảy ra, chưa từng đánh ai, và cứ thế đi xuống đoạn suối còn tanh máu, hôi nồng mùi nước đá ngựa để rửa tay, sau đó bình thản tiếp tục vào chợ.

Chợ phiên bao giờ cũng đông và vui như hội.

Sầm điên nằm bất động như xác chết cạnh bờ suối, mặt dính đầy cát phù sa và cỏ nát.

Người ta đánh Sầm. Tiệm vàng vẫn mua bán tấp nập.

Người ta đánh Sầm. Chảo thắng cổ vẫn bốc thơm nghi ngút bên giọng hát say chềnh choáng hương nồng rượu ngô,...

Người ta đánh Sầm. Chỉ có hoa mi là ngừng hót, nước suối Nậm Tốc chảy như nghẹn dưới chân lên đá.

Suối hát điệu buồn trôi trong tầm núi: *"Trời sinh ra cỏ làm mềm mặt đất. Trời sinh ra người để được nâng niu..."*.

Sau trận đòn Sầm điên tuy không chết nhưng lại càng thêm ghét sợi dây và sợ đám đông hơn...

Không ngờ Sầm điên hồi phục sức nhanh đáng kinh ngạc, nhưng da thịt thì chịu thêm nhiều vết sẹo, cũ chồng lên mới. Suối chỉ giúp được Sầm xoa dịu chỗ đau bầm tím chứ không xoá nổi vết sẹo. Sẹo đó nếu có thể đem móc vào nhau thì sẽ được sợi dây xích dài đủ quấn chục vòng quanh kẻ tội lỗi. Cha mẹ sinh, da thịt mịn màng trắng hồng thơm tho, nay chẳng chịt vết sẹo thật quá tội nghiệp. Vì sẹo, nhìn Sầm điên càng thảm hại. Rất may (hay là không may?) gã đã phải mang "sẹo" trong đầu óc nên không tự nhìn thấy được những vết sẹo trên da thịt.

Ngày qua ngày, Sầm điên sống ký sinh bên chợ Sin Cai, là cái gai khó chịu trong mắt một số kẻ.

Nhưng đời đôi khi lại sắp đặt chuyện trở trêu để đùa bỡn.

Chợ Sin Cai, buổi trưa khá yên tĩnh bỗng bị phá tan bởi tiếng kêu thất thanh: "Có đứa bé đang bị chết đuối" .. Dường như mọi người đều sẵn sàng làm anh hùng ra tay nghĩa hiệp cứu kẻ gặp nạn. Thậm chí có người còn muốn lao đi trước như tướng tiên phong. Họ nhao nhao hỏi: "Chết đuối chỗ nào, ở đâu?"

Ngay tại Vặng Ngợ (vực Thuồng Luồng).

Vực Thuồng Luồng ư? Mọi người chột dạ, chùn chân, nhuệ khí vừa nãy tan biến. Họ sợ. Từ xưa tới nay, vực Thuồng Luồng nổi tiếng linh thiêng, nơi đây năm nào thần nước cũng "bắt" người, ai dám cứu sẽ bị thần nước trả thù. Chuyện này thực thực, hư hư, mơ hồ, nhưng không ai dám thử. Dại gì mà thử. Người người ra xem, nhưng chỉ đứng ríu vào nhau trên bờ, đồng thời trở ngón tay về phía nạn nhân đang dần chết chìm giữa vực. Họ đồng thanh la to: "Có trẻ chết đuối, có trẻ chết đuối".

Chợt có người đàn ông để nguyên quần áo, lao vút từ trên cây cầu treo cao khoảng tám mét xuống nước. Anh hùng đó là ai? Đám đông nín thở không la om sòm nữa mà chuyển sang hồi hộp theo dõi. Người đàn ông ngụp lặn, vật lộn trong nước khá lâu mới đưa được đứa bé lên bờ. Bây giờ là lúc để đám đông ngơ

ngác: Người “anh hùng” đó là Sầm điên, còn đứa trẻ được cứu chính là con trai độc nhất của chủ tiệm vàng. Sầm đã lao mình xuống nước cứu người theo bản năng mách bảo, và gã đang nhẹ nhàng đặt đứa bé nằm xuống cỏ.

Sầm điên thấy người kéo tới càng lúc càng nhiều thì hoảng. Bị đánh nữa đau lắm! Vậy là nhân lúc mọi người lo lắng xoa bóp giúp đứa bé hồi tỉnh gã tìm đường lên rời xa. Đến lúc đứa bé tỉnh lại, họ nhớ đến Sầm điên thì chẳng còn nhìn thấy đâu cả. Một già bản đứng chứng kiến đầu đuôi mọi chuyện lên tiếng lảm bảm: “Điên, nhưng nó cũng là người. Trời có mắt đấy, thôi đừng gọi nó là điên nữa mà phải tội”.

Kể từ sau hôm đó, đứa trẻ nào lỡ ném đất đá trêu chọc Sầm điên là bị quát ngay. Những người buôn bán trong chợ, ai muốn cho Sầm thứ gì thì chỉ gọi “Sầm ơi!” mà bỏ hẳn từ “điên”. Ngay thái độ của chủ tiệm vàng cũng thay đổi, không còn dùng tiền xui trẻ con đuổi Sầm nữa. Chẳng những thế, thỉnh thoảng y còn sai người nhà mang biếu Sầm chút thức ăn ngon. Sầm thì vẫn vậy, vẫn nụ cười ngờ nghệch, vẫn câu nói “Sầm xin” ngô ngọng quen thuộc, nhưng ánh mắt đã bớt đi phần nào sợ sệt, đề phòng con người.

Và hằng ngày Sầm vẫn ra nghe suối hát: *“hãy trao nhau thương yêu để tạo phép nhiệm màu...”*

Ông trạng xóm Trần

HOÀNG CHÍNH

Mỗi vùng quê trời nứt ra một ông trạng. Ông trạng vừa là cái xu- páp xả hơi vừa là cái roi mốt quất vào thói hư tật xấu của làng. Xóm Trại có Phạm Hâm cũng được coi như trạng sống

Ngay từ hồi nhỏ, trời đã phân cho cu Hâm đóng vai ấy. Mà cũng hợp thật, mặt của Hâm như 2 nửa quả táo ghép lại, chả là 2 má cậu vồng lên đỏ đỏ mà cái mũi lại tẹt xuống. Mỗi khi cậu nói, cái mũi nhìn mồm phập phồng thở như 2 cầm nhái bén. Đầu vừa to, vừa nặng. Người ta có cảm giác là cái cổ khẳng khiu ấy mệt mỏi lắm vì chúng làm bằng đất pha cát. Đây là vết tích của việc tắm rửa kỳ cọ qua loa và không xà phòng. Nhưng, cậu Hâm đến cũng đồng thời mang một nụ cười đến biếu. Ngay từ tấm bé, đã là thiên sứ của nụ cười.

Khi Hâm lẫm chẫm đi học mẫu giáo, người mẹ dắt tay đến trường. Lúc ấy các cô đang ngồi bắt chấy, tán gẫu. Người mẹ bảo: “Con vòng tay lại chào các cô đi”. Hâm bập bẹ: “Cháu chào các cô ạ”. Người mẹ bầy lại: “Không phải, con chào từng cô một cơ”. Hâm nói theo như một cái máy: “Cháu chào từng cô một ạ”. Tất cả cười lăn.

Lên lớp 1 cu Hâm nghịch như chơi chơi. Hết chọc đùa bên trái lại ngoáy đùa bên phải. Thầy bắt cuối buổi phải ngồi lại viết một nghìn lần Phạm Văn Hâm. Cu cậu cứ hát ti ti như không. Thầy cau: “Sao phạt nặng, giam thể mà em không chừa?”, đáp: “Thưa thầy, thầy giam em thì em giam lại thầy có gì đâu”. Nó nói đúng, trò ngồi viết, thầy ngồi chờ, có hôm đến giờ Mùi, bóng mái ngói đổ xuống 2 hàng gạch, trò mới viết xong, thầy trò mới hồi hả đóng cửa trường cùng ra về!



Minh họa: TRẦN MINH CHÂU

Cuối năm lớp 1, người cha sai con sang nhà hàng xóm bắt 3 con mèo con do mèo mẹ đẻ lang về. Cầm theo cái rổ, Hâm sắp 3 chú mèo con vào. Đến nhà, Hâm đổ mèo ra sân gọi cha: “Cha ơi, ra đếm xem đã đủ mèo con chưa kìa!”. Người mẹ phát vào lưng con ngán ngẩm: “Ngu thể không biết, học hết lớp 1 rồi mà 3 con mèo không đếm nổi. Làm gì mà ăn hả trời!”

Học trong sách, môn toán thì chậm nhưng chuyện ngoài đời Hâm hóm ra phết. Thầy giáo Thiện thường cấp sổ điểm đi về vất vả. Hâm thưa thầy nên gác lên xà hạ của Đình cho tiện. Thầy vặn lại: “Ngộ nhớ trò nào nghịch trèo lên lấy sổ của thầy thì sao?”. Hâm nói: “Thầy chớ lo chuyện ấy, trong lớp chỉ một vài bạn leo được cột đình này thôi. Sau khi thầy gác sổ lên xà, thầy bảo em nào trong lớp trèo lên lấy được sẽ thưởng điểm. Căn cứ vào kết quả đó thầy giao mất sổ chỉ có bạn ấy, là xong”. Thầy Thiện làm theo kế ấy, đúng là không mất sổ.

Mỗi đêm xem chiếu bóng ngoài trời, Hâm vẫn thường rủ bạn bè nghỉ ra trò nghịch để trêu chọc các anh các chị thanh niên. Trước hết nghỉ mẹo qua cổng đón vé. Hâm bàn với bạn lấy tàu chuối đập bồm bộp xuống đất, đuổi nhau chạy phốc qua cổng soát vé. Người canh cổng thấy trẻ đuổi đánh nhau thì theo phản xạ tránh ra một bên. Thế là mấy cu cậu qua trót lọt. Mà có biết cũng chẳng làm được gì bọn nhóc ấy. Vào bãi, thằng Hâm còn bày trò bắt châu chấu nhúng mắm tôm rồi thả ra. Châu chấu bay loạn xạ, bám vào đầu tóc, quần áo thơm tho của các cô cậu thường đứng ghẹo nhau chứ không chịu ngồi. Thoáng sau họ phát hiện thấy mùi mắm tôm, kêu oai oái. Hâm và các bạn thì ngồi bấm nhau cười khoái chí. Có hôm Hâm lại bày trò bắt thần lằn bỏ chân các cô. Hồi ấy ở xóm Trại còn có tục mặc váy, lạ gì thần lằn có tính hay leo ngược, các cô bị thần lằn bám hoảng hốt chạy rú lên còn các chàng quý sứ thì được một trận cười vỡ bụng. Hâm còn xúi các bạn trong lớp khi trực nhật bôi nhựa mít lên ghế cô giáo ngồi. Khi cô ngồi lên, nhựa mít bám dính quần nếu đứng lên sẽ “roạt”, cô giáo tưởng quần móc dính rách chỗ hiểm tái mặt, lúng túng cả buổi giảng. Nhiều cô thẹn chín cả mặt.

Khi học truyện Kiều của Nguyễn Du, Hâm quả quyết: Thuý Kiều và Thuý Vân là 2 chị em sinh đôi! Cô giáo vặn: “Căn cứ vào đâu mà em nói liều vậy?”, Hâm đứng đĩnh: “Thì thưa cô chẳng phải Nguyễn Du viết: *“Đầu lòng hai ả tố nga/ Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân”*. Đầu lòng tức là lần sinh đầu tiên phải không ạ?” Lại còn nói, Kiều gặp Kim Trọng ở bên cầu, bên mộ Đạm Tiên là vào buổi sáng chứ không phải buổi chiều như các thầy cô giảng. Bởi câu: *“Tà tà bóng ngả về Tây, chị em thơ thẩn đang tay ra về”*. Tức là mặt trời ở phía Đông bóng mới ngả phía Tây được. Ngẫm lại, ai cũng buồn cười và khen lối suy diễn cũng có lý. Hâm nổi tiếng dốt toán (3 con mèo không đếm nổi) vậy mà còn thách đố giải toán vui trên bảng tin nhà trường đấy. Bài Hâm thách đố: 4 chia 3 bằng mấy? Đáp số bằng 2. Xem xong ai cũng thấy buồn cười, nhất là đội tuyển toán đi thi hàng tỉnh thấy không thể bằng 2 vô lý lắm. Nhưng họ vẫn cố giải và mong đến thứ 2 tuần sau để xem đáp án thẳng xạo. Sáng thứ 2, đúng 7 giờ, Đoàn trường mời Phạm Hâm ra công bố đáp án. Hâm cầm phấn, tùm tùm viết: “Bốn còn gọi là tứ. Ba còn gọi là tam. Tứ chia tam là tám chia tư. Vậy ta dễ dàng suy ra bằng... hai!”

Cha tổ cái thằng xạo quá chừng.

Các bạn càng thêm yêu mến Hâm. Có bạn cả bọn rủ nhau tối nhà xem cu cậu nghịch ngộ thế nào. Mẹ Hâm vừa đun cám lợn, vừa kể cho đám con gái nghe trò gan góc của con:

- Ngay từ nhỏ thằng Hâm đã gan như cóc tía. Một lần nghe bảo nó hay leo lên cây muỗm đình làng hái quả. Cây muỗm thân gốc to 3 người ôm không xuể, cao hàng chục mét. Thế mà nó ném dây thừng vắt qua một cành ngang rồi cứ thế leo lên như rắn mồi. Lên ngọn hái quả, bắt tổ sáo chơi mà chẳng sợ nguy hiểm. Các cháu đã nghe câu tục ngữ *“có phúc đẻ con hay lợi, có tội đẻ con hay trèo?”* Bực quá, tôi rình mãi, một hôm thấy cu cậu đã trèo lên cây muỗm bèn cầm roi đứng dưới gốc đợi hần tụt xuống là đánh. Thấy không còn đường chối và chạy nữa, cu cậu

đánh bài liêu: Ngoắc cầm vào một cánh ngang, hai tay thông xuống, chân đứng đưa làm tôi sợ tái mặt, sợ con rơi xuống đất thì tan xương. Để an toàn cho con, tôi đành phải về.

Khi Hâm học cấp 3 và hoạt động thanh niên ở địa phương trong dịp hè, nó vẫn cứ nghịch ngợm và láu lỉnh thế. Cửa hàng mua bán của xã đưa về một đồng xoong chảo méo mó, quần áo cũ vải xấu chẳng ai thêm mua. Nếu có nhà nghèo muốn mua cũng không có tiền. Hâm bảo ông Thao chủ nhiệm cửa hàng: “Chú Thao này, chú muốn bán hết thì cháu bày cho cái mẹo phao rằng đây hàng phân phối chứ không phải thứ bán tự do nhé. Chú viết giấy báo về các xóm, cứ 3 hộ được bình mua một bộ quần áo, hoặc chiếc xoong. Hạn trong 3 ngày, ai không mua coi như mất quyền lợi. Như thế cháu cam đoan người ta sẽ đổ xô mua hết cho mà xem”. Ông Thao làm theo. Đúng chiều hôm sau, đồng hàng hoá ế thừa, kém chất lượng ấy hết nhẵn. Ông Thao thở phào nhẹ nhõm, tặng cho Hâm một cặp pin, xuýt xoa: “Cháu thật là thần”.

Tất nhiên cũng không ít lần Hâm công kích những cán bộ hách dịch, tham ô cửa quyền thường bị dân thù ghét. Chẳng hạn ban quản trị liên hoan xuống đồng, ông Thanh chủ nhiệm xung phong cho làm thịt con chó nhà. Âm mưu biến giá con chó ấy thành con bò (con chó tính giá 1 cân hơi 30 đồng, rồi cho nợ đến mùa lấy thóc, giá 1 tạ thóc nhà nước quy định 28 đồng). Biết ý đó Phạm Hâm vào trại lên viết lên văng: “*Hợp mắc bạc chó Thanh*”. Ông Thanh hỏi, Hâm phân trần: “Thương ông tôi viết ra cho, chả được ông cảm ơn lại còn mắng oan!”. Cũng trong cái nhà canh trại ấy, cứ hàng ngày Phạm Hâm lại viết vài câu thơ kiểu đùa cợt cho vui. Cánh đi trâu kiểm củi thôn Trần cho đầy là tờ văn nghệ đọc thuộc lâu lâu. Chẳng hạn: “*Mỗi người làm việc bằng hai/ Để cho quản trị mua dãi, mua xe*”. Hoặc “*Nông trang nông trại/ Ai khôn ở lại/ Ai dại thì đi...*”

Dấu sao thì trong làng có một tay ăn nói lỗ mãng, tếu táo thế nhiều khi cũng mất uy chính quyền. Cha mẹ Hâm tính toán: Phạm Hâm cũng đã cập kè tuổi 18 rồi. Cho nó đi bộ đội để rèn luyện. Phạm Hâm nghe tin cứ nhơn nhơn ra chẳng sợ gì lại còn cười đùa như không. Bữa liên hoan thấy chỉ có 3 chú nhập ngũ, mà đếm 9 ông quản trị đến “ăn theo”, Hâm thay mặt người đi phát biểu: “Hôm nay anh em chúng tôi liên hoan cho quản trị”. Mấy ông nghe nó nói kháy thế, ề mặt lắm...

Vào bộ đội, Phạm Hâm tính nào vẫn tật ấy. Con nhà nông, chân khoẻ tay cứng việc gì cũng làm bằng bằng. Nơi nào khó khăn đều có mặt Hâm. Trung đội phân công lính vác để cối 60 li, tròn vo như cái mâm, nặng gần 3 yển chẳng ma nào muốn nhận, lại nhờ Phạm Hâm. Rồi hắn được điều lên tiểu đội cối thuộc bếp đại đội cũng nhờ đức ăn no vác nặng ấy. Ở đây còn có thủ kho, thủ quỹ, anh nuôi, tiếp phẩm vai nào cũng cần sức khoẻ, Hâm tham gia tất.

Làm anh nuôi, ra chợ các o xúm vào trêu đùa mời mua hàng. Phạm Hâm cứ đơn đả đáp lại. Có em khéo mời chào: “Anh mua bí đao cho em đi, em bán một nửa biểu anh một nửa”. Hâm hỏi lại: “Thế trong 2 quả này, quả nào bán, quả nào biểu?”. Cô gái thản nhiên chỉ một quả. Hâm tỉnh bơ ôm quả ấy bỏ vào sọt: “Cảm

ơn, cảm ơn, tôi chỉ xin quả biếu thôi còn mua tôi hết tiền rồi, cô thông cảm nhé!” Cô gái chưng hửng vì anh chàng áo trắng để ấy. Đùa thế thôi, sau đó anh Hâm lại mua cho các cô bán hàng.

Một lần khác, anh em rủ nhau vào quán thịt chó nổi tiếng là “máy chém”. Chủ hàng vớ được các chú bộ đội càng lợi dụng tiếng hào hiệp bán đắt. Mới rồi có thằng bạn thiếu 2 hào, ông ta đòi tháo lưỡi lê súng ra để làm tin. Hôm ấy, Hâm bảo: “Để tao chơi khăm cho một chuyến”. 3 anh em ngồi vào bàn rồi, Hâm gặp chủ quán giao giá: “Chị bán cho 3 bát *thịt chó*. Nhớ là *thịt chó* đấy nhé”. Bà chủ quán liếc ngang: “Gớm, nhà này không bán thịt chó thì còn bán gì nữa!”

Khi ăn Hâm bảo: “Các chú cứ nhằn xương ra bỏ dồn vào một bát, tớ chỉ trả 2 bát 4 đồng thôi”. Nói thế, Hâm làm thế thật. Chủ quán nhăm nhẩn, toan cãi, Hâm cũng sừng sộ lại. “Tôi đã nói đi nói lại là mua *thịt chó* nhé. Đây là xương, chúng tôi trả lại”. Chủ quán nhìn ông khách dữ tợn, kiêu lời, dứt khoát và lý sự thì lắc đầu ngán ngẩm cầm tiền 2 bát thịt chó, ngậm bồ hòn làm ngọt.

Sau nhiều năm quân ngũ, Phạm Hâm suy nghĩ mông lung lắm. Gã quyết định đập bệnh ra về. Lắm mưu, nhiều mẹo, Hâm cũng “qua mặt” được các cán bộ chính sách.

Sau khi an dưỡng, ban chính sách hỏi Phạm Hâm nguyện vọng thế nào. Gã biết trình độ văn hóa ấy của mình thì không làm gì được, nên viết đơn xin phục viên về quê. Thế cũng là cái hay. Quê gã chỉ có đàn bà, con gái hoặc ông bà già. Về hôm trước, hôm sau ông Tấn Bí thư Đảng uỷ xã đã vào đặt vấn đề chung vai gánh vác việc công. Gã gãi tai: “Tôi trình độ văn hoá ngang con vịt, không đảng viên, thì làm được cái gì?” Ông Tấn nghĩ là gã khiêm tốn bèn nài: “Nếu cho anh chọn, chẳng lẽ không chọn một vai gì cho hợp khả năng?” Hâm ngồi suy nghĩ một lát, rồi cười hi hi: “Bác đánh đố em. Nhưng bác hỏi rứa thì em nói thật. May ra chỉ làm được chủ tịch xã bác ạ!”

Ông Tấn trở mặt ngạc nhiên, hỏi lại: “Sao, hồi nãy anh bảo không có trình độ sao bây giờ lại nói làm được chủ tịch xã, là cái chức cao nhất?” Phạm Hâm thủng thẳng đáp: “Nếu làm chức cụ thể, kế toán chẳng hạn thì con số chính xác, ai mà làm được. Làm công an xã cũng vậy, xử oan sai, người ta kiện lại. Làm cái anh xã đội bắn súng không vào bia thì ai cũng chê cười. Nhưng làm chủ tịch thì khác. Có tham mưu lo cho hết, văn bản đưa lên, ưng thì gật, rồi ký cái rẹt. Không ưng thì nói vài câu đại khái rồi bắt họ làm lại.”

Ông Tấn nghe vừa tức vừa phải phì cười. Trước khi ra về, ông lại hỏi một lần nữa, nửa đùa nửa thật: “Ngoài chức chủ tịch, anh có thể làm được việc gì?” Hâm ngửa mặt lên trời, ra chiều suy nghĩ: “Cũng có thể làm được cái chân kế hoạch hoá gia đình nữa bác ạ, nhưng cũng phải để em lấy vợ, con xong đã”.

Quả thực, mấy năm sau, thì gã đảm nhận cái chức trưởng ban kế hoạch hóa gia đình của xã. Ông Tấn phấn khởi quá, cái việc ấy ai cũng chê, mà là mặt yếu của xã luôn bị huyện phê bình, giờ có người gánh vác. Ai cũng buồn cười, nói vui: “Phen này dân số của xã ta sẽ phát triển nhanh đấy. Xã sẽ trở thành một nước

Trung Hoa nhỏ cho mà xem”. Thế nhưng chẳng phải nói chơi, Hâm ngông nghênh cà chớn vậy nhưng công việc xã hội thì nghiêm túc lắm. Thì đấy, gã ghi tên đi đình sản đầu tiên. Chủ tịch, Bí thư và cả Ban chấp hành Đảng uỷ ngạc nhiên, có vị ớn rét. Nhà nó mới có “2 con vịt giò” mà tự đem của quý cho người ta thiến thì không phải chuyện đùa. Với việc làm ấy ai cũng bắt đầu nể Phạm Hâm. Họ bảo lâu nay người làm công tác này thường vận động suông nên dân không tin, không có hiệu quả. Hâm nói đúng, nguyên nhân chính là “con đực” chứ có phải “con mái” đâu mà nhằm vận động vào phụ nữ. Ai cũng bảo đình sản nam không có vấn đề gì sao từ người viết sách đến người ăn lương tuyên truyền việc đó chẳng thấy ai làm? Thành ra chỉ có Phạm Hâm mới là người dám nói dám làm.

Gã ăn nói loạ choạc như vậy nhưng tính tình lại vui vẻ bông lơn ai cũng thích. Ngày đại lễ, Chủ tịch xã có ý định may cho anh em khối uỷ ban một bộ đồ đồng phục. Hỏi Hâm nên may thế nào, Hâm tùm tùm: “Nếu muốn may cho độc đáo và thực hiện triệt để chống tham nhũng thì nên may đồng loạt túi áo, túi quần chúc miệng trở xuống. Vì sao à? Vì rằng túi mà còn mở nắp để ngược thì còn bỏ của công đưa về nhà”. Ngẫm lại thằng cha này nói cũng thâm thúy đáo để.

Quên, chưa nhắc, Phạm Hâm còn có cái tài nữa là lấy được một cô vợ trẻ. Lý do thật oái ăm, tài tình. Chả là, hồi mới phục viên, gã thường ra nhà trường cấp 1 chơi với anh Hổ, bạn cùng lớp, đang hợp đồng bảo vệ. Anh bạn có con gái tên Duyên mới 17 tuổi, kháu nhất làng. Chọn một hôm trời mưa tầm tã, Hâm mua một suất thịt chó và cút rượu lên phòng trực chén chú chén anh. 2 người nốc rượu vào thì thương nhau lắm. Hâm gác chân trái lên bụng bạn khen cái Duyên đẹp hiền, ngoan ngoãn. Nếu mình được người vợ như vậy thì có chết cũng cam. Anh bạn Hổ tự nhiên mũi lòng: “Mày mà tán được nó thì tao gả cho đó.” Hâm bật dậy, giao giá: “Thật nhá!”. Hổ cau: “Thằng nào nuốt lời thì làm con chó”. Từ đó Hâm cứ đến nhà Duyên chơi, lúc thì chép bài hát, lúc thì mua quà tặng. Đôi lúc cho tiền cùng đi xem phim, đi tắm biển. Thật tự nhiên. Thế rồi một hôm cha mẹ, cô đến trường, trực thay cha. Hâm cũng lên hỗ trợ để Duyên khỏi sợ ma. Thế là bắt chập, “*con ông đã tỏ đường đi lối về*”. Khi Duyên bụng đã lùm lùm, Hâm không có cách nào khác nói thật với bạn, anh Hổ ngậm ngùi vì mình đã lỡ lời trót hứa nên đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Còn tuổi hơn kém nhau vài chục, chả thành vấn đề. Thế là đám cưới diễn ra, Hâm vẫn tung tăng hớn hở như chàng rể trẻ!

Một lần Hâm và bố vợ uống rượu say nằm chuầy choà ra sân, bố vợ kè nè: “Hâm ạ, mày là thằng sướng nhất trần đời đó, thua tau có 1 tuổi mà mày được lấy con gái tao làm vợ.” Chàng rể cũng xoắn tai bố vợ cười khì khì: “Hổ cũng sướng thật đó, hơn Hâm có 1 tuổi mà được gọi bằng bố nhì!”

Mặt trắng, mặt đất, chòng chành say. Phạm Hâm, Trần Hổ nằm ngửa để 2 con cún ư ư bên người, khi trạng và chúa ngủ li bì.

Hồ Chí Minh

TÙNG BÁCH

...

Ngực áo Người không lấp lánh huân chương
Điều ấy chẳng làm ai kinh ngạc
Với Tổ quốc, Nhân dân
Người là Điều là Vần của câu thơ lục bát!

...

Đôi dép lốp
Bộ ka ki sờn bạc
Người đi vào truyền thuyết... rất ung dung.

ĐÀO NAM SƠN

Thăm Pác Bó

Về thăm Pác Bó cuối đông
Thung trở gốc rạ, sương lồng đỉnh non
Lối giày in những dấu son
Chông chênh bàn đá vẫn còn y nguyên
Suối trong như mới đánh phèn
Thung thẳng cá lội rong mềm quần vây
Nước nguồn từng vốc mát say
Ngỡ như quên hết tháng ngày ưu tư
Đốc cao bước thực bước mơ
Hang vừa hiện, tưởng Bác Hồ bước ra.

Đâu cần gác tía nguy nga
Trái tim thấp sáng sơn hà từ đây.

Nén nhang cháy đỏ trên tay
Chứng cho con chọn đất này làm quê.

THƠ

NGUYỄN HOA

Người đã đi như vậy đến nước Nga

Trong sự kiểm tra ngặt nghèo ở cửa ra vào
Người đến với tên Lin mới lạ
Người đến bằng con tàu hơi nước xuyên mùa đông giá
từ Pa-ri đến Mát-xcơ-va
Người đến với Lê Nin, với nước Nga
Lê Nin vừa đi vắng
dưới tuyết trời lạnh trắng
Người tên Lin xúc động nước mắt tràn...

Sáng ấy trên diễn đàn
của những người cộng sản
Người phần nộ nói lên niềm khổ hạnh
của người nô lệ Việt Nam
giống nỗi khổ của người nghèo trên khắp cả thế gian
giống nỗi khổ của người châu Phi bị đối bán
người châu Mỹ bị phân biệt sắc màu đen trắng
nỗi khổ của người nghèo trên khắp cả thế gian...

Sáng ấy trên diễn đàn
Người như khối nam châm cực mạnh
Người như có ánh hào quang lấp lánh
của mắt những người lao động tụ về đây...
Lin là ai?
- Người qua cửa ra vào hồi nãy-
có phải Ba phụ bếp trên tàu
Ba rửa ảnh ngõ Công Poanh thuở ấy
Nguyễn Ái Quốc - tên Người - có phải
ký trang đầu Bản án chế độ thực dân?...

Vâng,
là Ba, là Lin... tên Người - Nguyễn Ái Quốc
Người đã đi như vậy đến nước Nga!

NGÔ S. ĐỒNG TOÀN

Viễn thăm

Ta sinh từ cánh cỏ may
Bay!

Lang thang đã vạn ngày
viễn thăm

Yêu những gốc gạo
ngàn năm
Ven sông
ta sẽ mộ nằm dưới hoa...

DƯƠNG KỲ ANH

Một chiều

Một chiều, trong cõi thiên thai
Tìm ai? Mà ngỏ với ai một lời?

Ta đi khắp bốn phương trời
Gặp tri âm? Chẳng phải người tri âm
Trái tim bé nhỏ âm thầm
Có hai con mắt, ngại ngần cả hai.

Cô đơn, mới biết ngày dài
Phía sau mây trắng, biết ai mà nhìn?

Đời như một cuộc trốn tìm
Tự mình bịt lấy mắt mình mà trông.

ĐẶNG XUÂN MỘC

Quà của trái tim

Hạt muối bỏ vào ly nước
Ly nước mặn không uống được.

Lũ lụt đổ vào cánh đồng
Cánh đồng tan hoang ngập úng.

Nỗi đau đổ vào trái tim
Trái tim nẩy sinh thù hận.

Ly nước không đủ độ lớn
Cánh đồng không đủ mệnh mông
Trái tim không đủ bao dung
Đã tự làm mình khốn khổ!

CHUNG TIẾN LỰC

Về nhà mạ

Buộc chặt dây giấy, xốc lại ba lô
Rời ga Vinh, chúng con hành quân bộ
Chập chùng Trường Sơn đường dài gian khổ
Tiểu đội chúng con mạ đón về nhà.

Nắng lửa, gió phơn áo bạc khô da
Nhận cơ số đạn tăng, vai mang vác nặng
Vườn nhà mạ khoai trồng trên cát trắng
Nước giếng trong, rau lang luộc mát lòng.

Tắt thừng, áo rách vai mạ thương chúng con
Kim chỉ vá may, đơm từng chiếc cúc
Ngay ngắn lại màu xanh quân phục
Để ngày mai chúng con lại lên đường.

Nhà mạ đây - "binh trạm" thân thương
Gặp bố mẹ mình, cùng các em gần gũi
Tiếp thêm lửa mai băng rừng vượt núi
Thôi thúc trong tim tiếng gọi chiến trường.

ĐINH VĂN NHẬT MINH

Vô đề

Người đi trải nắng vào thương
Đổ mưa vào nhớ,
phủ sương vào chờ
Mình ta
về với bơ vơ
Mình ta
thao thiết
bạc phơ
nỗi niềm!

ĐÀO MINH SƠN

Kéo biển lên bờ

Lão kéo biển
Hay biển đang kéo lão
Sợi dây kia có tự bao giờ?
Dáng người làm dấu hỏi
Gió lắc đầu ngần ngại.

Biển kéo lão
Hay cuộc đời kéo biển
Sóng lô xô tắt bật đến bao giờ?
Bức ký họa muôn đời trên lưng áo
Cứ như là muối mặn thấm hồn thơ
Cát an ủi
Vết hằn trên mép sóng
Bóng thời gian tạc một nét ơ hờ
Ta chẳng thể làm bến kia đứng đợi
Nào, xấn tay
Kéo biển lên bờ.

GERARDO NAM VIỆT

Sinh nhật

(Kính tặng mẹ)

Bao nhiêu năm rồi
Dòng sữa mẹ cạn khô
Thành nham thạch nóng bùng mớ núi lửa
Bao nhiêu năm rồi nham thạch
không còn màu đỏ nữa
Mà thành không màu
Ngày con rời cơ thể mẹ mà đi...

Bao nhiêu năm rồi
Sấp ngửa bóng từ quy
Không biết nữa
Rủi, may...
Không biết nữa...
Chuyển choáng câu thơ
Đỏ, đen
Rời gõ cửa
Mẹ rồi già bên những bước chân con.

Bao nhiêu năm rồi
Thảng thốt nỗi cô đơn
Nỗi buồn con
Gặm nhấm từng hơi thở
Tâm hồn con
Miên man hoa sầu khổ
Đường con đi
Cây thánh giá là nhà...

Bao nhiêu năm rồi
Hong khô những cánh hoa
Sinh nhật nhắc nhở con số tháng ngày
đã mất
Con giằng buộc nỗi buồn mình thật chặt
Để sau bao nhiêu năm
Lại khóc tiếng chào đời...

HOÀNG ANH TUẤN

Mắt sen

Mẹ gom những hạt thảng năm
Mọc lên từ đáy ao rằm ngát hương
Mắt sen mở giữa khói sương
Chờ tay mẹ khép nụ hường búp hoa.

Cánh cong rải gót Phật bà
Còn trăm đôi mắt ngó ra nhìn đời
Mùi thiền rủ gió rong chơi
Để nghìn đôi mắt dưới trời chớp mi.

Mắt ơi muốn nói điều gì
Đen như nét mực cổ thi canh dài
Tròn như khuy ngực quên cài
Buồn như câu hát thoảng ngoài sông thưa.

Mắt sen nấu giọt lệ mưa
Cho thêm mùa nhãn ngọt vừa chớm môi
Khuôn trăng đọng trắng mờ hơi
Ngón tiên nâng bát đơm chồi nảy cây.

Rước dâu qua khúc sông đầy
Dáng em chiều ấy cũng gầy hơn sông
Chợt nghe tiếng pháo nổ hồng
Mắt sen rụng xuống sắc không mờ chùa...

LAM HÀ

Vô đề

Nhìn lại mình
Trời dần xa
Đất thêm gần
Điểm lại những gì được mất
Một phần vui, ba phần buồn
Lụm giữa ngàn vạn trang sách
Chật vật chưa ra
Đánh vần một chữ THẬT
Chưa suôn.

MINH LÝ

Có một lối về

Có một lối về lặng lẽ
Quẩn quanh nỗi nhớ của con
Cổng tre vương vài cọng rạ
Bóng cây lúc xế lúc tròn.

Nơi ấy có nhiều hoa lá
Tắm mùi hương của khói rơm
Mùi hương thật êm, thật dịu
Theo con lên tận phố phường.

Chỉ là nghèo đói đất đỏ
Nhưng là bảo bối của con
Những lúc giữa đời mệt mỏi
Lối về như chén thuốc tiên.

Bóng cha một ngày đã khuất
Dáng mẹ rồi sẽ dần xa
Không thể là người của phố
Con có tìm ra lối về?!

THƠ

LÊ THÀNH NGHỊ

Nhớ một lần về quê

Tháng Ba nắng mới qua vườn
Lá non vòm cây xanh thắm
Gió luồn ngõ vắng
Hoa xoan đang tàn, lúa mới đồng non

Tháng Ba nước cạn kênh đào
Lội bùn tảng sáng
Bỏ con đồng đong, vớt con cân cần
Từ quy khắc khoải cạn đêm
Bầu vươn ngoài giàn, cau rắc thềm nắng
Sung chát, khế chua, mướp đắng
Tối tối trước giờ trăng lên
Mâm cơm mẹ không thấp đèn.

Tháng Ba ráo cơn mưa dầm
Sương sớm trên chùm trập trội
Thương bếp nhà ai đang nguội
Ủ trong ký ức xa mờ
Dong riềng thấp nền trong mưa!

Tháng Ba cháy bông hoa gạo
Rực mái đình xưa
Mất người trong nón
Đi qua
Quên hết đình bao nhiêu ngôi!

THANH TIẾN

Khoảng trống

Em đi rồi
Bỏ lại phía tôi: khoảng trống!
Tôi ghét nắng!
Tôi ghét mưa!
Tôi ghét gió!
tôi ghét con đường cũ...

Tôi ghét gì? Không biết nữa!
Tôi xin em!
Đốt cháy điều thuốc cuối cùng
Rồi uốn lười, tự thổi làn khói của mình
Thành những vòng tròn... Cố giữ
Tôi mong khói đừng vội về trời
Ở lại giúp tôi khóa lấp khoảng trống
Phía mình
Phía không em!

PHẠM THÁI LÊ

Ngày rỗng

Có những ngày
 Cả tâm hồn thể xác tuyên chiến với tôi
 Chúng phản kháng mọi việc tôi làm mọi điều tôi nghĩ
 Chúng cấu kình từ thời trang thời tiết đến chính trường chính trị
 Chúng khiến tôi căng ra rỗng tuếch bóng bay nhạt nhẽo ngôn từ
 Đó là lúc tôi đi lơ ngơ trên phố đời tôi
 Bất lực hôm nay - bất bình quá khứ
 Nhặt nhạnh kiếm tìm gom những mảnh tôi đang rửa ra vụn vỡ
 Tôi trốn chạy tôi bằng bản ngã và số mệnh mình
 Tôi trốn chạy tôi trong bóng đen bí mật lặng thinh
 Nhưng tôi bị chính tôi bủa vây tứ phía
 Xung quanh tôi muôn mọi ngã đường rối như cuộn chỉ
 Lô nhô mảnh tôi va đập dập vùi...

Tôi đi tìm tôi lạc giữa muôn người
 Tôi đi tìm tôi lạc giữa đời tôi
 Chìm rơi
 Ngày
 Rỗng...

NGÔ XUÂN KHÔI

Gửi lại yêu thương

Lên đảo tìm gặp đồng hương
 Tình quê mạch lối chỉ đường đến nhau
 Hỏi thăm ngẩn ngủ vài câu
 Giọng quê như thể quen lâu lắm rồi
 Con cô cũng tuổi này thôi
 Nó còn vụng dại ham chơi lắm mà
 Thương cháu nắng sạm màu da
 Tuổi ăn tuổi lớn, xa nhà lâu chưa?
 Thao trường dày dặn nắng mưa
 Tinh thần, vật chất thiếu thừa chi không?
 Cháu rằng: Canh giữ Biển Đông
 Quan tâm cả nước nên không thiếu gì
 Cô về cháu gửi "cây ni"
 Ái chà, một trái xanh rì, bâng vuông
 Tiễn cô cháu xuống tận xuống
 CON ơi, MẸ để yêu thương nơi này.

THƠ

CƯỜNG HOÀNG

Ơ hay thương nhớ quê người...

Có ai đã thả bùa mê
Cho ta quên cả lối về phố đông
Hay như ta đã phải lòng
Nguyệt hồ xanh ngắt trăng lồng chùa Chuông
Chả còn háo hức phố phường
Dấu kinh kì chỉ đoạn đường nào xa
Cũng thôi thương nhớ quê nhà
Nghe cơn sôi giục bóng tà hoàng hôn
Ta còn ngơ ngẩn cầu Nôm
Dấu hài thu thảo ai còn bỏ quên
Ta còn khắc khoải nỗi niềm
Nằm bên phố Hiến mơ đêm làng Bần
Để rồi chợt thấy băn khoăn
Xích Đằng lưu dấu cổ nhân mấy đời
Thế rồi tự hỏi mãi thôi
Ơ hay thương nhớ quê người là sao?

PHẠM HÙNG

Vô giá

Nếu em rao bán nụ cười
Anh xin đánh đổi cuộc đời để mua
Khỏi bàn giá cả hơn thua
Chỉ cần ánh mắt bỏ bùa là xong.

VƯƠNG TÂM

Giai điệu tình ca

Bản nhạc ấy ngời ca nỗi buồn
Vẻ đẹp muôn đời bi kịch
Giọt nước mắt ngỡ chừng tê buốt
Vương trên ngực em.

Những khoảng lặng chợt rơi thót tim
Em giật mình nhớ anh trống vắng
Hoàng hôn buông neo thăm lặng
Nơi đáy mắt trắng đêm.

Trái tim em đập nhịp thánh hiền
Không oán hờn chia ly đau khổ
Tiếng kèn chấy nồng nàn như gió
Giao hưởng tình ca
Mặc nỗi buồn xót xa
Cứ ngân lên lời cuối
Vẻ đẹp âm thầm tê nhói
Vượt lên nhịp sống sang ngày
Bụi ly tan phủ kín vai gầy
Lung linh nắng mới
Nét mộng mơ bay lên như khói
Nỗi buồn nào còn đọng trên mi
Bản giao hưởng bình minh tràn trề
Bừng lên từ suối nguồn nước mắt
Xoá đi áng mây đen và hát
Sự bất tử tình ca.

NGUYỄN HỒNG CƯỜNG

Ký ức mẹ quê

Tôi lại về với mẹ chiều nay
 Dòng sông quê con nước hao gầy
 Chiếc cầu cong vắt gánh hai đầu bờ lở
 Tuổi mình mất tự bao giờ không nhớ
 Tìm mé sông xưa cây chắn bão mọc um tùm.

Cái chảo rang trời mẹ công sau lưng
 Cánh đồng muối gặm mòn sức cha quá nửa
 Làm một ngày ăn một năm là rứa
 Chỉ nếm thôi cũng chết khát cả đời.

Có ai lạ gì khắc nghiệt xứ quê tôi
 Nắng đốt thiêu cây cỏ lên mầm nỏ được
 Sông oằn lưng nghén thai từng con nước
 Củ khoai nửa chiều nuốt vội chạy cơn giông.

Chỉ trận mưa rào tất cả hoá hư không
 Muối thành nước ra biển Đông bát ngát
 Cơm bữa đó sẽ vơi chùng lưng nửa bát
 Mẹ lợp khoai vào... dần trải kín mùa mưa.

Bụi tre già gió Lào thổi xác xơ
 Muối vẽ bản đồ, lưng áo chị tôi bạc trắng
 Nỗi khổ của diêm dân là phải làm dưới nắng
 Những móc đơn lồng móc kép trên mặt mẹ sâu hằn.

Tôi chạy về qua vùng trán cha nhẵn
 Đêm trở giấc quảy vó ra sông đánh cá
 Mùa bão lũ sống dựa vào cây rau má
 Năm tháng nhọc nhằn lần lượt rũ nhau đi.

Tôi lại quay về bến bãi sông quê
 Nằm sổng xoài trên triền đê nghe dòng sông kể lể
 Đổi mới lắm duy một điều không thể
 Dữ dội tuổi thơ nhờ quê gói cất giữ.

Khói lam chiều canh hén mẹ nấu cơm
 Tôi luống cuống vấp ngã ngay trước ngõ
 Cái cuống rốn mẹ từng chôn ở đó
 Bỗng giật mình thảng thốt gọi quê ơi!

TẠP CHÍ SÔNG LAM GIỚI THIỆU:

Trong nỗi nhớ người xa quê...

Người Nghệ An xa quê luôn nhớ về quê với hai tâm trạng: Vui mừng bởi sự đổi mới của quê hương ngày hôm nay, đồng thời cũng gửi về quê những nỗi niềm nhớ thương da diết về những nét đẹp, kỷ niệm đẹp của với quê hương trong những ngày đã qua.

Sự vui mừng hay nỗi niềm nhớ thương, tiếc nuối chỉ là hai mặt của cùng một tâm trạng. Nó phản ánh cái tình quê sâu nặng trong lòng của những người con xứ Nghệ xa quê. Thường thì những người tuổi đã cao thì hay nhớ thương về những kỷ niệm cũ, nhớ về thời tuổi trẻ đã qua. Thời gian vật đổi sao dời, có kỷ niệm xa xưa hazy còn tươi mới. Nhưng cũng có thể có những cây đa, bến nước, sân đình, mái chùa, góc phố, trải qua 2 cuộc chiến tranh, ngày nay không còn nguyên vẹn nữa.

Những năm gần đây, do sự biến đổi của khí hậu, do ý thức trân trọng và bảo vệ môi trường có nơi, có lúc chưa được đầy đủ, một vài cánh rừng đã trọc, một số con sông nước đã cạn dòng.

Trong những con sông đã cạn nước, đã đổi dòng, bị đất đá vùi lấp, không còn nhiều dấu vết tươi đẹp của dòng trong xanh ngày xưa nữa, có con sông Phương Tích, thuộc huyện Nghi Lộc.

Tác giả Đỗ Quảng Hàn, tên thật là Đỗ Văn Quảng, người làng Phương Tích, xã Nghi Phương, xa quê từ lúc 9 tuổi, nay đã vào độ tuổi cổ lai, hiện đang sống ở Hà Nội, có gửi về Tạp chí Sông Lam một số bài thơ bày tỏ nỗi niềm thương nhớ của tác giả đối với con sông này. Đây cũng là lần đầu tiên tác giả gửi thơ cho Tạp chí quê nhà và đã được Tạp chí giới thiệu bài thơ "Đi tìm sông xưa" trên Sông Lam số 3 Bộ Mới. Lần này, xin giới thiệu tiếp với bạn đọc 2 bài thơ cũng trong mạch cảm xúc thương nhớ sông quê cũng là thương nhớ về quê hương của ông.

Nỗi quê

Nằm nghe chân tóc rụng,
chợt thương người xa quê.
Sông xưa không còn sóng,
bến đầu nứa mà về.

Khúc hát sông quê

Bóng chiều khuất nửa đường quê.
nghêu ngao anh hát khúc về cố hương.

Khúc thương, khúc nhớ, khúc buồn
khúc thương gửi mẹ, khúc buồn gửi cha.
Khúc nhớ gửi gốc cây đa,
nơi anh thường đợi em ra tự tình.
Trời cao, gió mát, trăng thanh,
hương cau ngan ngát rải quanh chúng mình.
Từ ngày anh ngụ xứ Thanh,
lấy chồng em phải về Vinh theo chồng.
Nhớ nhau chôn chặt đáy lòng.
anh không trở lại, em không trở về.

Chiều nay trên nẻo đường quê,
nghêu ngao anh hát khúc về cố hương.
Khúc thương, khúc nhớ, khúc buồn,
cả ba khúc ấy vẫn còn cả ba.
Chỉ là không còn gốc đa.
nên chỉ khúc nhớ thành ra khúc buồn.

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Ngày và đêm

Quần lấy ta,
ngày đêm quần lấy ta không rời
đêm là bà mẹ sinh ta
ngày là người cha nuôi ta khôn lớn.

Bà mẹ ru ta bay theo các vì sao
vàng trắng nâng giấc mơ ta lên thành ánh sáng
để những ngày dài đầy nắng
ta biết yêu thương cây cỏ con người.

Mỗi ban mai cho ta gọi một mặt trời
từ đám mây hồng trôi xuống thảm cỏ xanh
cuộc trò chuyện của nắng mưa và những điều mới lạ
thay dần cũ kỹ trong ta
mỗi giọt sương hồn ta trong vắt...

Mỗi ban đêm dày thêm pho bí mật
ta lại đốt đèn soi rõ bóng ta
ta nhận ra ta là đêm đi giữa ban ngày
ta nhận ra ngày đi giữa ban đêm
tối là ta
mà sáng cũng là ta
hai mặt của một đời cuồng quay chìm nổi.

Đất bên này
nước bên kia sáng tối
ta theo sông chảy suốt cuộc thăng trầm
ra tới biển mới thấy ngày trên biển
đêm đã chìm dưới đáy đại dương
đời muối mặn nên mẹ là nước mắt
cha chống chèo nên sóng hóa mồ hôi...

Chưa biết cười
xin hãy khoan biết khóc
chưa là ngày sao có thể là đêm...

TRẦN NHƯỜNG

Bài thơ viết ở Vinh

Thành Vinh gặp lại người năm cũ
Dằng dặc mà nay vẫn... bấy giờ
Núi Hồng trăng đậu nghiêng bên mái
Bến Thủy giữa chiều bất chợt mưa.
Em kể bố em cũng tuổi Tỵ
Con Rắn bao dung trụ cột nhà
Ông đi coi Phật dăm năm trước
Mẹ em thương nhớ mãi chưa già!
Lạ nhỉ sao anh cũng tuổi ấy
Hao hao năm tháng tuổi thơ đầy
Hay em giới thiệu anh... cho mẹ
Như nối dây điều thêm cánh bay.
Em nói rồi nhìn như ướm hỏi
Anh ngược trời xanh mấy đám mây
Vô thường nào biết đâu bờ cõi
Mía đợi heo may ngọt suốt cây...

THẠCH QUỲ

Cô gái áo đỏ

Một cô gái qua đường - áo đỏ
 Vẫn đi qua những cô gái thường ngày
 Màu áo đỏ rực như than lửa
 Trên phố hè, siêu thị, dưới hàng cây

Vẫn đi qua năm tháng rộng dài
 Qua hạnh phúc, tình yêu, qua tuổi trẻ
 Vẫn đi qua đường phố của tôi
 Cái đường phố im lìm và lặng lẽ

Những cô gái sẽ trở thành người mẹ
 Thành người bà dắt cháu giữa vườn hoa
 Khi họ biết họ không còn trẻ
 Thì trong tôi chính họ vẫn không già

Trên phố hè, cô áo đỏ đi qua...

PHAN THÚC ĐỊNH

Học nói...

Ngoài bốn mươi học nói
 Liệu thể có muộn không?
 Nhưng dù muộn vẫn học
 Chẳng nhẽ làm người câm?
 Và nhận ra sự thật
 Để nói được tiếng người
 Đâu phải dễ dàng học
 Có khi mất một đời!

PHẠM TRUNG DŨNG

Giá như...

Giá như cái chẳng về trời
 Rau răm đâu chịu những lời đắng cay
 Rượu người em uống đừng say
 Đêm đâu sập xuống ban ngày đời em.

Giá như trăng xoài đầy thêm
 Rằm thu thơm thị lại thêm ngọt hồng
 Em gồng tuổi trẻ lội sông
 “Vàng rơi chẳng tiếc, tiếc công cầm vàng”
 Trắng trời mây trắng, nắng chang
 Trắng dăng đặc trắng ngồn ngang nỗi mình.

Giá như trúc chẳng hề xinh
 Cô Dì sân đình đừng hát lý lơ
 Xuýt Vần sáng khóc sáng cười
 Tình trao nhằm chỗ một đời đại diện.

Giá như có xứ thần tiên
 Em tung hết những buồn phiền lên cao
 Mỗi buồn hoá một ngôi sao
 Ngôi sao mất mẹ đậu vào mắt em.

THƠ

VÂN ANH

Xứ Nghệ

Xứ Nghệ...

Gió Lào hắt tung bãi cát

sang bờ Bắc sông Lam

Sông Lam dài lụa xanh

động phù sa thái âm mát lành Địa Linh

dòng đời trong đục thất ngang lở bồi

Con thuyền ví giặm đầy vơi

Chờ mai sau cập về nơi cội nguồn .

Chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh nền linh khí thái dương miên viễn mùa xanh

Nhân Kiệt.

Xứ Nghệ...

Đại thi hào Nguyễn Du

Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Nơi hai dòng chảy Văn Chương

dân dã, bác học hợp lưu.

Nơi chưng cất tinh túy cốt cách Cụ Đồ... thẳng ngay thuở khai thiên thông reo

Ngàn Hồng

Miền miết hiếu học miên miết mạch ngầm hiếu học xưa xưa dòng Rum.

Xứ Nghệ...

Cho tôi câu thơ quăng quật kiếp người.

Những đứa trẻ đẻ rơi

Co ro trên luống cày vừa xới

hình hài cong dẫu hỏi

òà nổi đau chào đời.

Những người đàn bà góa

Cô đơn thiếu đốt thịt da

đổ lúa ra xay

đổ trấu ra xay

Xay cạn đêm...

Cháy dọc mùa Đông

trần trọc lửa củi sim

Sưởi ấm giấc mơ người đàn ông lực điền

bát cơm không dọn sẵn, ngô.

Xứ Nghệ

Nơi di chỉ cất bảo tàng

chiếc muôi múc canh bằng đá

Vá nhọc nhằn, tần tiện của Tiền Nhân.

Xứ Nghệ
 Đứa con nghèo của Người Mẹ Thiên Nhiên
 Đất phen đậu che chắn Đông biển, Tây rừng, trấn giữ ra Bắc vào Nam
 Dẻo dai như đòn gánh
 gánh hai đầu Đất Nước.
 Giọng nặng chịch, nét ăn ở mặn mòi vị muối
 Trái tim nồng... gừng năm tháng lại thêm cay
 Thuở dân Việt loay hoay trong ngôi nhà hình chữ S
 Những Phan Sào Nam
 Những Nguyễn Tất Thành
 đã còng cào cơn khát lá con thuyền dân tộc vượt khơi xa...
 Năm tháng đọng trầm tích một nền Văn Hóa
 Bao hiền tài được vỏ thời gian cất giữ trầm hương.
 Giữa bầu trời giông bão vô thường
 Người xứ Nghệ - chim Phượng Hoàng bốn phương sải cánh.
 Nếu có kiếp sau
 Ta lại về Xứ Nghệ đầu thai.

CHƯƠNG THANH PHONG

Viết nhân sinh nhật

Quả đất đều đặn quay quanh mặt trời
 một vòng
 Thêm một tuổi
 dở mếu, dở cười...

Bạn cũ mất mấy người
 Số điện thoại, *nick* *phây* không gỡ xóa

Bạn mới làng *phây* thêm mấy chục
 tự khen mình, vẫn cứ hời

Tóc ngày một vương mây trời
 Thơ thần còn dồi dào tứ
 Lũ cháu ngày một giành ông quyết liệt

Quả đất quay quanh mặt trời
 Một năm bước tiếp.

THƠ

TRẦN THU HÀ

Giấc mơ con gái

Thời gian không chiều ai lặp lại đâu anh
Nó tự nhiên như ta tự nhiên tồn tại
Vậy mà trái đất đã xoay một phần hai thế kỷ
Ta tìm nhau trong khắc khoải chờ mong...

Em mơ thấy trong mơ và trong huyền thoại
Hài lòng cả khi mắt trắng
Ta lái rờng bởi nhịp đập con tim
Trong đôi mắt như chim tìm trái cấm
Là chim khôn không nhặt trái rưng bao giờ!

Con đường nào sót lại dấu chân anh
Con đường nào giam nổi đau trần thế
Bùa mê - bùa mê
Mi như vi rus biến hình.

Cái ngục tù chung thân tấy lên sau mỗi mùa giáp hạt
Sao mi giam lỏng ta trong khu vườn ngàn năm gió không trườn qua hậu thế
Đim ta trong đôi mắt âu lo
Những vết cấn không gì xóa được
Những dấu răng mất máu
Thác lũ ơ không yên nghỉ kiếp người!

Biết thời gian không lặp lại đâu anh
Em tìm lại giấc mơ, những dấu chân in trong biển bạc, phút lưu đầy sang trọng
Một chút thôi
Trục biến thiên cũng phải cúi đầu.

NGUYỄN VĂN SONG

Gọng vó đầu làng

Đầu làng một gọng vó bè
 Còng lưng kéo cả bốn bề trắng trong
 Túp lều nằm nép mé sông
 Ông ngồi vớt những ước mong đời thường.

Điếu cày rít vỡ đêm sương
 Vó khuya một mảnh trăng vương lưới mềm
 Sao trời thức đáy sông đêm
 Lòng ông thức với những niềm đầy vơi.

Bạn đời sớm bỏ theo người
 Con thơ nheo nhếch, miệng đời mĩa mai
 Gia tài ắp tiếng thở dài
 Mái buồn vách thủng gió ngoài canh thâu.

Bến quê tay kéo khoan mau
 Bốn mùa con nước dòng sâu cuộn dềnh
 Bây giờ gọng vó lặng thinh
 Nằm nghe cây gạo giật mình buông hoa.

VI QUỐC HIỆP

Nụ táo cuối cùng

Cách một nụ hoa là tới môi em
 Đã nghe tiếng thở buồn chuyễn choáng
 Đêm tự tình thoang thoảng
 Hoa, môi lẫn vào khoảng không.

Cách một nhành hoa là tới nụ hôn
 Thương cây táo gầy trước ngõ
 Tình yêu quanh năm bỏ ngõ
 Hoa táo rụng nắng chiều.

Cách một làn hương là tới tình yêu
 Em đâu xa với ẩn hiện
 Hạnh phúc vẫn dật dờ tan biến
 Vào hư vô cơn gió lãng quên.

Gạt nhành hoa gặp nhịp trái tim
 Hương táo nói hộ lời ao ước
 Đêm dâng đầy cái nhìn sâu thẳm
 Nụ táo cuối cùng có dẫn tới em?



TƯỚNG LÊ NAM PHONG VÀ PHU NHÂN

Lê Nam Phong, vị tướng người Nghệ giàu lòng nhân ái

NGUYỄN MINH NGỌC

Có lẽ nhờ bởi công việc của một người cầm bút mặc áo lính mà tôi có chút may mắn được tiếp xúc và hầu chuyện với khá nhiều các tướng lĩnh danh tiếng của Quân đội nhân dân Việt Nam, trong số đó có Trung tướng Lê Nam Phong.

Ông chào đời tháng 5-1927 tại làng Phú Mỹ, tổng Phú Hậu, nay gọi là xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Ông là con thứ hai trong một gia đình nông

dân nghèo, đông con. Vùng quê ông vốn được coi là vùng đất cổ xưa với địa danh “làng Phú Mỹ” nghĩa là vùng quê vừa giàu, vừa đẹp, thiên nhiên hữu tình. Cha mẹ đặt tên là Lê Hoàng Thống, chữ “Thống” theo Hán tự có nghĩa là đau, khổ. Trong đêm trường nô lệ, lầm than, dân tình đều ăn đói, mặc rét. Mới hơn 10 tuổi đầu, Thống đã phải đi chăn trâu, cắt cỏ. Không được đi học, ngày ngày vừa bế em, cậu bé đứng bên ngoài cửa lớp say sưa ngắm chúng bạn ê a đánh vần. Ngó theo tay thầy giáo viết lên bảng, Thống lấy gạch non vạch xuống nền đất, bắt chước. Vậy mà chỉ vài tháng học mót, cậu đã đọc và viết được chữ quốc ngữ, rồi làm thạo cả 4 phép tính. Điều đó khiến cho dân làng hết sức ngạc nhiên về cu Thống tinh nghịch mà giỏi giang.

Giữa năm 1944, được ông Kỳ, một đảng viên người làng giác ngộ và dìu dắt làm liên lạc cho Việt Minh, vừa tuổi “bẻ gãy sừng trâu”, Thống được sung vào đội bảo vệ, nhận công tác bí mật của tổ chức. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, anh rời quê hương với chân đất, quần cộc, áo nâu, thỏa chí nguyện trai làng Quỳnh. Thống được chọn đi học lớp bồi dưỡng quân sự đầu tiên của tỉnh Nghệ An do Trung đoàn 57 mở cấp tốc ở huyện Thanh Chương, rồi được sung vào lực lượng tự vệ thành Vinh, thuộc đại đội Hồng Sơn. Tuy nhỏ con và thấp bé, nhẹ cân, nhưng anh vẫn quyết chí xin gia nhập Vệ quốc đoàn. Sau 2 lần bí mật bỏ thêm đá vào trong túi quần, cuối cùng chàng thanh niên được toại nguyện. Trở thành chiến sĩ của Trung đoàn 57, Lê Hoàng Thống được biên chế vào Chi đội Đội Cung, chiến đấu trên chiến trường Liên khu 4.

Nhờ chiến đấu gan dạ và dũng cảm, tháng 2/1948, Lê Hoàng Thống được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Buổi lễ kết nạp tổ chức ngay trong chùa Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Sống trên quê hương của nhà cách mạng Lê Hồng Phong, người lính trẻ thấy cái tên Hoàng Thống của mình không còn phù hợp nữa, nên quyết định đổi. Ban đầu anh tính lấy tên Hồng Phong, nhưng bạn bè khuyên nên đổi thành Nam Phong, nghĩa là gió Nam. Và không ngờ cái tân danh Lê Nam Phong lại gắn liền với cuộc đời Nam chinh Bắc chiến của ông.

Là một cán bộ trẻ của Đại đoàn quân Tiên Phong (308), Lê Nam Phong được giao chỉ huy nhiều đại đội thuộc Tiểu đoàn 322, Trung đoàn 88, có mặt trong đội hình chiến đấu lớn trên các chiến trường, tham gia các chiến dịch ở Việt Bắc, Tây Bắc và trung du Bắc Bộ trong cuộc kháng Pháp. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, khi nắm đại đội 225, sau những ngày “mưa dầm cơm vắt” đào chiến hào, đánh lán, nhìn chiến sĩ lấm láp bùn đất, Đại đội trưởng Lê Nam Phong cho lính cạo tóc đầu, vừa mát, lại vừa tiện lợi khi cận chiến giáp lá cà. Thế là đại đội 225 được gọi là “đại đội đầu trọc”, và ông mang biệt danh “Đại đội trưởng đầu trọc” nổi tiếng. Tiếp đó, đơn vị ông phối hợp đánh Mường Thanh, rồi tiêu diệt cứ điểm Độc Lập. Dù ở đâu, Lê Nam Phong vẫn xông pha cùng đồng đội, sát cánh cùng anh em chịu đựng gian khổ, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, bền gan đánh giặc, góp phần giải phóng quê hương. Tấm lòng thương yêu chiến sĩ theo ông đi suốt cuộc đời binh nghiệp.

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

Từ sau chiến thắng Điện Biên “chấn động địa cầu”, Lê Nam Phong kiên trì học thêm văn hóa, sau đó ông được cử sang Trung Quốc học chính quy tại Học viện Quân sự Hoàng Phố, đây là ngôi trường đào tạo các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp danh tiếng. Trở về, sau một thời gian thử sức tại “lò luyện” Cục tác chiến (Bộ Tổng tham mưu), tháng 4/1964, ông được Bộ Quốc phòng giao làm Đoàn trưởng Đoàn 707, phụ trách hơn 100 cán bộ quân chính của cả 3 miền, lên đường đi “xẻ dọc Trường Sơn” vào chiến trường B. Sau hơn 4 tháng hành quân, đoàn vào đến căn cứ Suối Dây, cạnh sông Tha La (chân núi Bà Đen, Tây Ninh), an toàn.

Khi tâm sự với Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Lê Nam Phong bày tỏ nguyện vọng muốn trực tiếp xuống đơn vị chiến đấu, về mặt trận nào cũng được. Thế là ngay sau chiến dịch Dầu Tiếng, ông về làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 3 thuộc “Công trường 9” (Sư đoàn 9). Những năm tháng lăn lộn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, tháng 8/1972, Lê Nam Phong được bổ nhiệm giữ chức Sư đoàn trưởng Sư đoàn 7. Đây là một trong những đơn vị chủ lực của Miền, lập nhiều chiến công oanh liệt ở Đồng Xoài, Phước Long, chốt chặn đường 13 Tàu Ô - Xóm Ruộng, Định Quán, Xuân Lộc; và cũng là đơn vị nòng cốt khi Quân đoàn 4 được thành lập vào tháng 7/1974. Sáng ngày 30/4/1975, ông ngồi xe bọc thép tính chạy vào nội đô Sài Gòn, nhưng đường bị kẹt, không ngán, ông leo lên Honda do một chiến sĩ cầm lái luồn lách chạy qua cầu Thị Nghè, xông thẳng vào Dinh Độc Lập, chứng kiến sự kiện độc nhất vô nhị trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc.

*

Tốt nghiệp Học viện Quân sự cấp cao (nay là Học viện Quốc phòng), cuối năm 1977, Lê Nam Phong đảm nhiệm chức Phó tham mưu trưởng Quân đoàn 4. Tham gia bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, ông cùng đồng đội thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia thoát họa diệt chủng. Còn đương mài miết thực hiện nhiệm vụ ở Phnôm Pênh, đầu tháng 2/1979, Lê Nam Phong nhận lệnh điều động ra Quân đoàn 1. Vốn trực tính, ông hỏi tướng Đặng Vũ Hiệp, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, ngay tại cửa Trạm 66 (Bộ Quốc phòng), rằng ai ký lệnh điều tôi ra đây? Tướng tùm tùm, trả lời: Anh Chu Huy Mân. Nghe tên ông Hai Mạnh, lập tức Lê Nam Phong lẳng lặng chấp hành. Ông về Quân đoàn 1 trấn ải phòng tuyến phía Bắc. Đến tháng 12/1979, thì được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Quân đoàn thay cho tướng Nguyễn Hòa. Lê Nam Phong được cử sang Liên Xô tu nghiệp tại Học viện Vô-rô-si-lốp (Voroshilov). Đến năm 1983, ông trở lại chiến trường Campuchia, làm Phó tham mưu trưởng Mặt trận 719 (cơ quan Tiền phương Bộ Quốc phòng).

Hoàn thành nhiệm vụ giúp bạn, tròn tuổi 60, tướng Lê Nam Phong được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân 2. Năm 1988, ông được thăng cấp Trung tướng. Dẫu không có học hàm, học vị gì nổi bật, song ông đã có công lớn xây dựng nền móng đào tạo cho một trung tâm đào tạo cán bộ quân đội tầm

cờ phía Nam. Không chỉ có vậy, với tấm lòng nhân ái bao dung, ông đặc biệt quan tâm đến đời sống của cán bộ, giáo viên, công nhân viên quốc phòng. Ông cùng Ban Giám hiệu nhà trường, lo quy hoạch đất cát nhà cửa, giúp hợp lý hóa gia đình cho anh chị em để họ yên tâm gắn bó lâu dài. Đến nay, có thể nói làng lính Lục quân 2 vào loại khang trang, mẫu mực và đẹp nhất toàn quân. Năm 1996, Nhà trường được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đến giữa năm 1997, khi đã ở vào tuổi “cổ lai hi”, Trung tướng Lê Nam Phong mới được cấp trên cho rời quân ngũ. Ông bàn giao chức Hiệu trưởng cho Đại tá Đào Văn Lợi, một chiến sĩ trước đây của mình.

Kém ông những 20 tuổi, Đào Văn Lợi quê ở xã Ninh Thanh, huyện Ninh Giang, Hải Dương. Nhập ngũ tháng 4-1965, anh vào chiến trường B2, làm lính của Trung đoàn 141, rồi làm Trợ lý Quân lực Sư đoàn 7. Sư đoàn trưởng Lê Nam Phong vừa là người chỉ huy, vừa là người thầy trực tiếp dìu dắt chiến sĩ Lợi. Trong quá trình ấy, ông phát hiện ra tố chất “tham mưu” của chàng lính trẻ và chú tâm bồi dưỡng. Gần cuối cuộc chiến tranh (11/1974) anh Lợi được Sư đoàn trưởng Lê Nam Phong gọi lên giao nhiệm vụ “ra Bắc đi học về làm chỉ huy”. Sau khi tốt nghiệp, Đào Văn Lợi tiếp tục trở lại Quân đoàn 4, tham gia bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia. Số phận và cơ duyên đã gắn kết 2 người với nhau. Hầu hết những đơn vị mà Đào Văn Lợi chiến đấu và công tác từ tiểu đoàn lên đến quân đoàn, hầu hết đều có bóng dáng của tướng Lê Nam Phong.

Cho đến nay, nhiều cán bộ, giảng viên của Trường Sĩ quan Lục quân 2 vẫn còn nhắc lễ chuyển giao “độc đáo” có một không hai giữa Trung tướng Lê Nam Phong và Đại tá Đào Văn Lợi, nguyên Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Quân đoàn 4. Mặc dù chưa có lịch bàn giao, song ông vẫn chuẩn bị văn bản sẵn sàng. Khi Đại tá Đào Văn Lợi dẫn gia đình đến thăm trường, Trung tướng Lê Nam Phong liền tổ chức bàn giao rất chóng vánh. Sau khi dẫn tân Hiệu trưởng đi giới thiệu với cán bộ, giáo viên, học viên của nhà trường, tướng Lê Nam Phong rời nhiệm sở bằng một bữa cơm liên hoan hết sức nhẹ nhàng và thanh thản. Từ một xã viên hợp tác xã, Đào Văn Lợi trở thành một cán bộ chỉ huy quân sự tài năng, năm 1998, ông được phong Thiếu tướng. Cuối năm 2000, ông được bổ nhiệm Giám đốc Học viện Lục quân (Đà Lạt). Tháng 8/2001, Đào Văn Lợi bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Khoa học Quân sự. Tiếp đó, ông được nhận học hàm Phó Giáo sư và được thăng hàm Trung tướng. Tiếc thay, năm 2011, ông mất vì bạo bệnh...

Có lẽ hiếm vị tướng nào đau đáu thương yêu cấp dưới được như Trung tướng Lê Nam Phong. Khi là Tư lệnh Quân đoàn 1, ông xuống làm việc với Trung đoàn 48, thấy Phó trung đoàn trưởng Nguyễn Khắc Nghiên giỏi giang, nhưng quân hàm đại úy đã... mốc, ông thương anh em thiệt thòi, không một lời hứa hẹn kiêu đài bôi, ông trực tiếp hỏi han nắm rõ sự tình và trở về. Chưa hơn một tuần sau thì anh Nghiên được lên lon Thiếu tá. (Về sau Nguyễn Khắc Nghiên là Thứ trưởng

Bộ Quốc phòng, Thượng tướng Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nay đã mất).

Lần khác, ông về Hải Hậu, Nam Định tìm thăm gia đình anh Vũ Bầu, một cán bộ trung đoàn của Sư đoàn 7 hồi đánh Mỹ. Vốn bộc trực, giữa bom đạn mù trời, thấy lính lơ mơ chệnh mảng, bực lên, ông quát toí bời, kể cả Vũ Bầu. Nhưng khi người ngoại, ông lại thương anh em và giận mình nóng nảy. Nhìn cấp dưới từng một thời vào sinh ra tử, nay về quê đi chăn vịt, con cái nheo nhóc, gia cảnh túng thiếu, ông tỏ lòng thương cảm. Thế là có bao nhiêu tiền trong túi, ông dốc hết, tháo cả chiếc đồng hồ đeo tay, kỷ vật quý giá của Đại tướng Lê Trọng Tấn, đưa tặng Vũ Bầu. Lúc bù ngùi anh Bầu ngỏ ý muốn có bộ quân phục sĩ quan bằng dạ, ông bối rối vì “quân tử nhất bộ”. Tình huống quả khó xử, nhưng không để anh Bầu thất vọng, vị tướng “quyết” ngay tắp lự. Lúc cả gia đình tiễn ra xe, ông tế nhị bảo vợ anh Bầu vào nhà trước, rồi cỡi phăng bộ dạ trao cho cấp dưới và chui tọt vào xe, ngồi co ro. Mặc đồ xà lỏn, ông cho xe chạy một mạch về Quân đoàn. Cảnh vệ vẫn đứng nghiêm chào mà không hề hay biết Tư lệnh “sai” điều lệnh!

Thế nên, không lạ khi ông có “con nuôi” và con “kết nghĩa”, ai ai cũng gọi ông bằng bố rất đỗi kính trọng. Trước Tết Nguyên đán Canh Tý, người viết bài này có dịp ngồi cùng bàn hầu rượu ông, nói vậy chứ do sức khỏe giảm sút, ông không hề đụng đến giọt rượu, hớp bia nào. Trong buổi tiệc ấy, có rất nhiều người, tướng lĩnh, rồi các sĩ quan cao cấp, cùng một số giám đốc các bệnh viện lớn, xúm đến nắm tay ông để nói lời tri ân, nhờ ông tạo điều kiện mà họ có hôm nay. Lắm người cứ đến lẳng lặng ôm lấy ông rồi tìm cách đưa quà vào túi. Và vị tướng già 93 tuổi cười khà khà, nụ cười sáng khoải của con người giàu tình thương, có cái tâm sáng ngời.

*

Trung tướng Lê Nam Phong có cả kho giai thoại, kể cả ngày không hết, nghe thì cười muốn bể bụng. Cuộc đời chiến trận của ông gắn với nhiều biệt danh từ thời lăn lộn chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ. Trong đó, nổi nhất là “Năm bình toong” và “Năm hỏa lực”. Số là đi đánh trận ông thường mang theo bên mình bình toong rượu đế, thi thoảng “mần một tợp” cho sắn gân cốt. Có lần gặp nhà báo Đinh Phong bám theo bộ đội, mà chỉ đọc con dao găm, ông cỡi súng ngắn và bình toong trao cho nhà báo phòng thân, nhưng đi một đoạn sức nhớ trao nhầm bình rượu nên kêu “đòi” lại. Còn “Năm hỏa lực” là bởi ông luôn xông xáo, quyết đoán, khẩn trương táo bạo, yêu cầu cấp dưới tuân thủ để kịp thời hành động, không chần chừ bàn cãi. Tài nghệ cầm quân của ông nổi tiếng là vậy.

Chuyện ông “kén” vợ rất độc đáo. Sau thời gian tiếp quản Thủ đô, bấy giờ đã là một cán bộ tiểu đoàn, ông được cấp trên cho về thăm nhà. Người cha đã mất từ hơn 9 năm trước. Người mẹ và các anh chị em trong gia đình mừng ông trở về và mong mỗi chàng bộ đội sớm yên bề gia thất. Vốn tính nghịch ngợm, tếu táo, trong buổi gặp mặt với các thanh niên, thiếu nữ trong làng, sau khi kể chuyện

đánh Điện Biên, đột nhiên Lê Nam Phong hỏi: “Có o mô muốn lấy tui, giờ tay?”. Nhiều cô gái cùng giờ tay cái rụp, nhưng người giờ cao nhất chính là vợ ông bây giờ, bà Võ Thị Hồng Mai. Về nhà, mẹ ông bảo, Mai là con bà Cần, người họ Lê nhà mình. Chàng tìm đến nhà, bà Cần bảo: “Tau có 3 đứa con gái, cho mi một đứa, tùy chọn”. Được lời như cởi tấm lòng, hết phép, được 2 gia đình ưng thuận, Lê Nam Phong dẫn người yêu ra Hà Nội báo cáo tổ chức. Lễ thành hôn của 2 người do Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88 Bùi Nam Hà làm chủ hôn. Về sau ông Bùi Nam Hà là Thiếu tướng, nguyên Phó tổng thanh tra Quân đội, Giám đốc Học viện Hậu cần. Bà Mai là người vợ tảo tần, thủy chung, lo nuôi dạy con cái để ông chuyên tâm đánh giặc, phụng sự việc quân.

Đặc biệt, sự phức tạp của Nghệ ngữ được ông vận dụng có hiệu quả thời đánh Mỹ, vẫn được lính tráng truyền tụng mãi. Số là, hồi ở miền Đông Nam Bộ, sau nhiều cuộc càn lớn, địch bắt được một số mật điện của ta, chúng dò ra khóa mật mã, thế là lộ bém. Sư đoàn trưởng Lê Nam Phong bèn lệnh cho cánh thông tin chọn 2 chiến sĩ quê Nghi Lộc trực hai đầu dây, đàm thoại choang choang thoải mái truyền đi mệnh lệnh chiến đấu tới các đơn vị. Đối phương rà bắt được sóng vô tuyến của ta, song chúng nổi điên vì không biết “vi xi” (VC) sử dụng ngoại ngữ gì, mà không tài nào dịch nổi. Các chuyên gia mật mã của địch cũng bó tay chào thua vì không sao giải mã được nội dung cuộc đàm thoại ấy.

Còn chuyện ông trân trọng mời Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân về thăm Trường Sĩ quan Lục quân 2 vào năm 1993. Hồi ấy, Trường còn nghèo lắm, nhưng ông vẫn bàn với tập thể lãnh đạo, tổ chức tiếp đón người “Anh Cả quân đội” thật trọng thị, ấm áp. Biết được cán bộ, giáo viên, học viên của trường luôn khao khát được nhìn ngắm Đại tướng, mong được nghe nói chuyện trực tiếp, nên ông càng vững tâm. Hiệu trưởng Lê Nam Phong quyết chí tổ chức đón tiếp Đại tướng bởi ngoài sự kính trọng một người văn võ song toàn, đức độ ngời sáng, ông không có động cơ nào khác.

Trước hàng ngàn cán binh đội ngũ chỉnh tề, tướng Lê Nam Phong đồng đặc báo cáo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam suốt 2 cuộc kháng chiến vừa qua. Giữa tiếng pháo tay vang dội không ngớt, ông kính mời Đại tướng duyệt đơn vị danh dự đang bồng súng chào. Sau khi nghe Đại tướng nói chuyện, tình cảm thân thiết như cha con, ông cháu, ai nấy thấy đều sung sướng, tự hào. Thì giờ ít, nên Đại tướng hỏi ông, còn gì nữa không? Ông mời Đại tướng xuống sân bắt tay hàng đầu và chụp hình lưu niệm. Rồi sân vận động, vào hội trường nhỏ dành cho giáo viên và cán bộ khung, vị Hiệu trưởng vừa mở lời giới thiệu với các đồng chí, người Anh Cả quân đội, thì nghẹn lời, nước mắt ứa ra. Thấy vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngồi cạnh, vỗ vỗ vào lưng, cười nhẹ, động viên: “Đại đội trưởng đầu trọc, bình tĩnh chớ” càng khiến ông xúc động. Mới đây, tôi khơi lại chuyện cũ, hỏi ông ngày ấy, sau vụ đón tiếp rồi cụ có bị “vấn đề” chi không? Ông cười hà hà, nháy mắt...

Không riêng gì Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tướng Lê Nam Phong còn dành tình cảm kính trọng của mình đối với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Đại tướng Chu Huy Mân, cùng nhiều bậc đàn anh khác, với tất cả tấm lòng thủy chung, ân sâu nghĩa nặng. Hơn nửa thế kỷ trong quân ngũ, dẫu tính nóng như lửa, có thể quát mắng khi cấp dưới sai, nhưng ông không hề để bụng bao giờ. Ông vẫn luôn quý trọng từng chiến sĩ bình thường, từ người công vụ, đến lái xe. Và ghen ngào nhớ những người lính của mình hy sinh trước giờ toàn thắng, như Nguyễn Đăng Hoan cắm cờ trên đá chông Định Quán (Đồng Nai)...

Ngôi nhà của gia đình ông tọa lạc tại phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, luôn rộng mở, đón tiếp anh em bè bạn bốn phương. Nghỉ hưu rồi, nhưng ông vẫn nhiệt tình tham gia Ban liên lạc truyền thống “Chiến sĩ Điện Biên” và hội cựu chiến binh các đơn vị cũ. Ông đi nhiều, hết hợp hành, lại hội thảo, giao lưu, thăm viếng bạn bè... nên thường xuyên vắng nhà. Điều ấy khiến bà Mai phu nhân không vui, bà tìm cách ngăn cản để mong ông được nghỉ ngơi, vui thú điền viên. Nhưng vị tướng cao niên vẫn “chứng nào, tật nấy”, vẫn luôn hăm hở xông pha, tận cùng tình nghĩa. Vài năm gần đây, sức khỏe giảm sút, ông không đi lại nhiều, song trí nhớ vẫn còn rất minh mẫn, nụ cười luôn thường trực trên môi.

Vâng, vị tướng trận người Nghệ, Lê Nam Phong là thế đó. Có thể nói, cốt cách của ông tiêu biểu cho người vệ quốc năm xưa, bộ đội Cụ Hồ ngày nay, đó là nhân cách của một danh tướng thời đại Hồ Chí Minh. Tên tuổi Trung tướng Lê Nam Phong được định vị trong Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam.



MỘT GÓC VINH XƯA - Ảnh: Tư liệu

Sống ở Vinh

BÙI TÙNG ẢNH

Tôi nguyên quán, sinh quán ở xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong Nam ngoài Bắc thì không nói, nhưng ở xứ Nghệ, cả ở vùng khu Bốn cũ, địa danh Tùng Ảnh thì nhiều người biết đến là không gian “địa linh nhân kiệt”. 4 tuổi thì tôi xa quê biệt từ sau cơn bão thể gian biến cải 1954. Từ năm 1955 đến 1965, gia đình tôi sống ở Vinh (là 1 trong 6 thị xã đầu tiên được thành lập từ 1898: Vinh, Thanh Hóa, Hội An, Huế, Quy Nhơn và Phan Thiết, thị xã Vinh lên thành phố từ năm 1963). 10 năm ấy, gần 3.500 ngày, đã là một dấu ấn không bao giờ phai trong tâm tưởng, ký ức của tôi, một người nay bước vào tuổi 70, trước kia thì được xếp vào ô “xưa nay hiếm”...

Đầu năm 1955, sau khi mẹ mất do cơn bệnh (uốn ván) vô phương cứu chữa, bố thì biệt tăm biệt tích đầu tận mãi bên Lào (theo công tác của tổ chức), hay mất dấu bặt bưng đầu đó, 7 anh em tay bị tay nải tìm đường xuống Vinh, gọi là chạy nạn. Lót ổ cho các cháu là chú Huy (em bố) làm nghề cắt tóc và có nhà ở Cổng Chốt. Chân ướt chân ráo về phố thị, làm gì có nhà có cửa hàng hoàng, 7 anh chị em thuê một căn nhà mái lá đơn sơ, tuềnh toàng, giá rẻ của một người lao động bình dân tá túc qua ngày. Ở con phố nhỏ đó có một hiệu phở rất ngon mang biển Tiến Lợi. Đôi khi thèm quá, tôi giả vờ ốm, được các anh chị mua cho một bát phở

Tiến Lợi, ăn xong là khỏe liền, cứ như thuốc tiên (!?). Anh cả tôi tên Diệm, đi bộ đội từ 1950, đóng quân ở tận Tây Bắc. Anh thứ 2 tên Hưng cấp tráp đi theo ông chú hành nghề cắt tóc, được khách hàng ưa chuộng vì có hoa tay. Anh thứ 4 tên Hải, đi bán kem dạo. Chị thứ 3 tên Châu sức yếu nên ở nhà củi lửa cơm cháo. Chị thứ 5 tên Thủy sang Nghi Xuân ở với gia đình ông bác thúc bá (bác Thao, dạy học). Chị thứ 6 tên Ngọc ra Hà Nội ở với cậu ruột em mẹ (cậu Chữ, công tác ở Đại học Y Hà Nội). Chị thứ 7 tên Hà và tôi thì còn bé nên ở lại Vinh. Nói là tan đàn sẻ nghé thì quá cảm cảnh, nhưng thực tế là như thế. Mãi đến cuối 1956, bố tôi mới về Vinh sau những khổ ải, thăng trầm, kể cả oan trái mà bây giờ tôi không muốn nhớ, không muốn kể lại. Cũng chẳng ích lợi gì khi đào sâu mãi vào quá khứ với những trang khổ cực, bi ai. Người cậu ruột ở Hà Nội có ý muốn giúp đỡ bố con tôi ra Hà Nội sinh sống lâu dài. Nhưng bố tôi lại có ý khác. Ông không thích xê dịch, thay đổi, vì đã 10 năm (1945-1955) từ ngày tham gia cách mạng, ông đã xa gia đình vợ con quá lâu, nay muốn đoàn tụ. Ngay cả khi vợ mất (ngày 3, tháng 5 âm lịch, năm 1954), ông cũng không có nhà. Rồi bố tôi “gà trống nuôi con” như dân gian nói. Ông chuyển sang ngành Giáo dục, dạy chính trị ở trường cấp 2 Vinh. Ông dồn tiền mua đất làm nhà, quây quần con cái về trong một tổ ấm. Ở Cổng Chốt một dạo mấy năm, gia đình tôi sau chuyển về gần chợ Cửa Đông, ngày đó gọi là Quán Lau (trên đất xóm Tân Vệ, thuộc xã Hưng Dũng, được gọi là làng Đỏ, nay thuộc phường Trường Thi). Hồi đó chuyện đất đai dễ dàng vì chưa có khái niệm “bất động sản”. Đến 1958 thì anh thứ 3 đi bộ đội (theo Luật Nghĩa vụ quân sự), cuối năm 1964 thì anh trai thứ tư đi bộ đội (sau khi Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc bằng không quân). Năm 1961, bố tôi hoàn tục. Chúng tôi có mẹ kế. Bà vốn là cán bộ phụ nữ Hà Tĩnh, quen biết bố tôi từ thời kháng chiến chống Pháp, nay về làm bạn với nhau. Bà có cô con gái riêng lấy chồng ở quê bên Xuân Hồng, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Bà không có con với bố tôi. Năm 1982, bố tôi mất. Bà ở với gia đình anh thứ tư đến khi mất (2008), thọ 92 tuổi.

Chơi ở Vinh là tôi muốn nói đến khoảng thời gian 10 năm (1955-1965) đáng nhớ nhất với tôi. Trong tâm lý học, giáo dục học đã chỉ ra tính chất quan trọng và quyết định của các nhân tố gia đình, xã hội, nhà trường trong việc hình thành nhân cách con người trong độ tuổi trẻ thơ từ khi biết nói đến khi học hết bậc tiểu học và trung học cơ sở (khoảng từ 3 đến 15 tuổi). Đó là khi cái cây mới lớn, sau này cong hay thẳng, yếu hay khỏe, có vươn lên được hay không là do sự vun trồng từ sớm. So với trẻ con bây giờ, hồi đó chúng tôi vô tư hơn, gần bó với tự nhiên nhiều hơn, ít căng cứng vì nhiều áp lực học hành liên miên, ít vụ thành tích. Thời đó, trẻ con chúng tôi hay chơi trò đổ nước bắt đẽ ở các bờ cỏ ven sông hồ (ở Vinh hồi đó có hồ Goong, nay trong khuôn viên công viên Nguyễn Tất Thành), hồ rộng, không hề bị lấn chiếm, giữa thành phố nhưng vẫn giữ cái vẻ hoang vu, yên tĩnh. Bắt được đẽ rồi thì tổ chức chơi. Thắng hay thua đều vui như hội. Những cuộc vui chơi như thế làm cho tâm hồn bay bổng. Trò chơi khác chúng tôi cũng rất mê là tắm sông (khác xa trẻ con thành phố bây giờ chỉ biết các bể bơi công cộng, bẩn nhiều hơn sạch). Ở Vinh thì sông sẵn có, mở lòng. Nhất là sông Lam mệnh mang sông

nước. Đầu tiên tụi trẻ con chúng tôi ra sông Cửa Tiền, sát chợ Vinh. Tha hồ vùng vẫy. Khoái chí hơn thì kéo nhau ra *ba-ra* Bến Thủy (trạm cấp nước), kênh đào thôi nhưng rộng rinh, sạch sẽ. Gần nước sớm nên như tôi biết bơi sớm là vì thế. Mà cũng chẳng có bài bản, thầy dạy. Cứ nhảy xuống nước tự khắc biết bơi. Trẻ con bây giờ cóm róm, rón rén hơn vì xa nước và sợ nước (nên đuối nước nhiều). Xuống sông rồi lên núi. Nhiều bạn chúng tôi cùng nhau “pic-nic”, “thượng sơn”: gần thì lên núi Quyết (bây giờ thành lâm viên của thành phố), xa hơn thì qua phà Bến Thủy, trèo lên núi Hồng Lĩnh (thuộc địa phận xã Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh). Có bạn một bạn bị ong vò vẽ đốt cho sưng sĩa mặt mũi phải bỏ cuộc chơi về sớm. Nhưng bạn sau rú lại đi. Không sợ. Có cái thích khi trèo núi là lên cao phóng được tầm mắt ra xa, thấy bao la bát ngát hơn nhiều cái nơi mình sống. Ở trường học, giờ nghỉ con trai thì chơi con quay (hồi đó chúng tôi gọi môn này là *chơi gụ*), con gái thì chơi nhảy dây, ô ăn quan, bịt mắt bắt dê (trò chơi có cả nam nữ tham gia). Ngày nghỉ, chúng tôi hay rủ nhau đến các chùa (chùa Sư Nữ, chùa Diệc, chùa Tập Phúc) chơi. Không hẳn là “mộ đạo”, chỉ là vì ở những nơi đó không gian yên tĩnh tuyệt đối, không khí trong lành, trẻ ở được tự do thoát khỏi sự kiểm soát của người lớn. Một nơi rất rộng rãi và yên tĩnh là Mộ Đội Cung (là một di tích lịch sử), Nghĩa địa Tây, rất nhiều cây cổ thụ, bóng mát hào hiệp, nhiều khi bọn con trai chúng tôi coi trời bằng vung ngủ luôn trên các phiến đá hay gốc cây to qua trưa, nhất là vào mùa hè. Có một khu vực nhà thờ Cầu Rằm và trường dòng ở phía cửa Nam thành phố cũng là một không gian chơi lý tưởng vì mát mẻ, rộng rãi. Các cửa thành (Cửa Nam, Cửa Tiền) cũng là những không gian vui chơi giải trí lý tưởng. Để gần thiên nhiên hơn nữa, tụi trẻ chúng tôi rủ nhau thành từng nhóm ra vùng ngoại ô đi mót (lúa, khoai, đỗ) khi chủ ruộng, vườn thu hoạch. Sản phẩm thu về nếu không muốn nộp cho gia đình thì gom lại, phân công vài đứa giữ rồi dùng chung khi có dịp (khoai, đỗ thì nướng hay luộc, lúa thì đi đốt bánh đúc, bánh cuốn, bánh mỳ). Sẽ có người đọc căn vặn, sao bọn trẻ hồi ấy trước tiên chỉ nói đến chơi mà không nói chuyện học. Cũng chẳng có gì là khó hiểu, là sai vì ngày ấy (cách nay hơn nửa thế kỷ) thế hệ chúng tôi nếu học cho ra học là từ sự say mê, thôi thúc, không vì cái vòng kim cô thành tích của gia đình và nhà trường như bây giờ (cái thời trẻ con bị đánh cắp tuổi thơ, nghĩ mà thương con trẻ).

Một bạn, một đứa có sáng kiến đi tham quan chợ Vinh. Chà! Tôi dám chắc trẻ con thành phố bây giờ chỉ biết “super market”, không biết “chợ” là gì. Thăm chợ thì có gì khó, chẳng ai cấm đoán sự nhìn ngó, ngắm nghía. Nhưng tâm lý trẻ con thì lại khác, vào chợ mà không ăn quà thì coi như còn chưa đến chợ. Nhưng trẻ con, học trò thì làm gì có tiền. Cái khó là cái khôn (chứ không bó cái khôn). Sáng kiến đi gom lông gà, lông vịt, giấy vụn được tiền hô hậu ủng. Sau 1 tháng, nhóm trò chúng tôi đã bán sản phẩm và thu được một số tiền không ít. Tôi, vốn tính cẩn thận được giao giữ tiền. Kế hoạch chi tiêu được thông qua: dành 1/5 số tiền đi tham quan chợ (thật ra là để quà chợ), còn lại dùng vào việc khác quan trọng và... bí mật.

Một bạn, nhân 2 tiết học cuối được được nghỉ vì cô giáo ốm, lũ chúng tôi (đĩ nhiên chỉ dăm bảy đứa được gọi là thân tín, gồm 5 trai 2 gái) xênh xang đi chợ



GÓC NGÃ TƯ CHỢ VINH - Ảnh: Tư liệu

Vinh. Thử một lần xem sao (nói theo ngôn ngữ tuổi *teen* bây giờ). Lòng vòng thăm quan chợ để xem thiên hạ mua bán chỉ hết chừng một giờ đồng hồ, còn lại chừng thời gian như thế dành cho “đáo” quà chợ. Nói thực ngày ấy nghèo, trẻ con ít được ăn quà như trẻ con bây giờ. Nên cái bận quà chợ Vinh, dù đơn sơ, nhưng tôi nhớ đến tận bây giờ. Vào dãy quán quà chợ, 2 phái nam nữ tranh luận ăn món gì và tiêu bao nhiêu tiền. Rất nhanh tôi đề nghị ưu tiên 2 bạn gái “đi chợ”. Thế là phái yếu quyết “ăn chè!”. Chè đỗ đen đá. Mỗi người một cốc (giá 5 xu, ngang với một phần xôi sáng). Thực tình thì đường ít, đỗ ít mà đá thì nhiều. Nhưng tuyệt vời hơn cả tuyệt vời. Đó là năm tôi học lớp 4. Có cảm giác vị ngọt, vị mát, vị thơm còn đọng đầu lưỡi cho đến tận hôm nay. Bây giờ thì trẻ con không trải qua cái cảm xúc như chúng tôi thời ấy, vì cái gì (thức quà) cũng quá nhiều, nhiều nên nhàm, nhiều nên chán.

Học ở Vinh, tôi để sau cái sự chơi là có cái lý, cái lẽ của nó. Không vì đặt sự chơi lên trước sự học mà thế hệ chúng tôi kém đi. Trái lại. Nghịch lý chăng? Xin kể lại cái sự học bắt đầu từ đầu lớp 1. Thế hệ chúng tôi đi học Võ lòng (khai tâm) khi 6 tuổi (tương đương với lớp 1 bây giờ), 7 tuổi mới vào lớp Một (hệ phổ thông 10 năm, chia ra ba cấp 1, 2, 3). Bình thường như bây giờ thì ở cấp 1 tuyệt đại đa số là cô giáo đứng lớp. Nhưng lớp 1 tôi học với một... thầy giáo. Thầy tên Huyền. Hiền lành, thương yêu trò, tận lực tận tâm trong nghề dạy học. Nhưng thầy lại rất nghiêm trong rèn đức học trò, nhất là trong giờ tập viết. Tôi nhớ, lớp 1 chúng tôi chỉ được viết bút mực, nhưng ngòi bút không có bầu giữ mực, lên nữa thì mới được dùng ngòi có bầu giữ mực, lên cấp 2 thì mới được dùng bút máy. Sau này tôi mới hiểu tính chất khoa học của cấu tạo ngòi bút. Khi mới tập viết, đòi hỏi học trò phải chú tâm, nên sau khi viết mấy chữ thì hết mực, trò phải ngừng lại chấm mực, đó là khoảng lặng để trò tập trung suy nghĩ, là cách để học trò tập tính kiên nhẫn, cần

thận. Tập viết thời đó là từ quan niệm “nét chữ nét người”, “văn hay chữ tốt”. Một bạn do mãi tập trung vào sự chơi, nên tôi viết *láu* (viết nhanh, ẩu). Kết quả là bị thầy gọi lên bảng, đặt tay phải lên bàn giáo viên, sau lời nhắc nhở là phạt bằng roi (dùng thước kẻ đánh vào tay cầm bút). Như bây giờ thì phụ huynh sẽ găm gào, lên *fây*, kêu rên, tố cáo nhà giáo bạo lực học đường,... Nhưng tôi không có oán giận thầy giáo vì biết mình sai. Sau đó chăm chỉ rèn chữ đẹp. Đến bây giờ tôi nếu viết bút mực vẫn được coi là có hoa tay chữ đẹp. Học trò bây giờ không còn chuyên tâm chuyện chữ đẹp nữa (nhất là khi máy tính thông dụng, viết bằng bàn phím nhanh hơn, tiện dụng hơn). Thời chúng tôi không có *internet*, không có *smartphone*, không có mạng xã hội như bây giờ nên muốn hiểu bài, muốn nhập tâm thì chỉ có cách học thuộc bài. Rồi nữa, muốn giỏi thì phải chịu khó học hỏi, sưu tầm tài liệu, ghi chép, lưu trữ,... Nghĩa là không ỷ lại máy móc, phải vận dụng trí nhớ. Bây giờ ta đang cải cách giáo dục, đang muốn thay đổi lối dạy và học “cũ” (thầy giảng, trò ghi). Đang cho rằng học thuộc lòng là “học vẹt”... Bây giờ thì máy móc, trình chiếu đầy rẫy nhưng trí thông minh của học trò nào có tăng lên vì dựa dẫm quá nhiều vào ông *Gu-Gô*, vào *smartphone*, vào máy tính bảng,...

Ngày ấy có phương pháp học nhóm, theo tôi, rất tốt. Thứ nhất, là để san sẻ tài liệu. Ngày ấy sách giáo khoa ít ỏi, nên nếu trò nào có sách thì chia sẻ, san sẻ với bạn bè cùng nhóm (thành lập theo địa lý, ở gần nhà nhau). Thứ hai, trao đổi và thảo luận như là cách phản biện hợp lý. Cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 4) tôi học ở Trường cấp 1 Vinh Hưng, cấp 2 (từ lớp 5 đến hết học kỳ 1 lớp 7), tôi học ở Trường cấp 2 Vinh. Ngày ấy, thực sự mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Mỗi ngày đến trường 1 buổi (thường là buổi sáng), buổi chiều và tối tự học. Ngày ấy không có phong trào dạy thêm học thêm ngoài giờ chính khóa như bây giờ. Tất cả sự dạy và học gói gọn trên lớp. Nhưng thầy ra thầy, trò ra trò, dạy ra dạy, học ra học. Văn hóa của thể hệ chúng tôi là văn hóa đọc (không nghiền văn hóa nghe - nhìn như tuổi trẻ bây giờ). Vì sách vở khan hiếm nên thấy sách là trời dấy sự thèm khát. Cứ buổi chiều thứ 2, 4, 6 là nhóm chúng tôi rủ nhau lên Thư viện thành phố đọc sách. Ngày ấy chưa có truyện tranh. Học trò chỉ được mượn sách hợp lứa tuổi trong Tủ sách nhi đồng và thiếu niên, truyện tiếng Việt thì *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (của Nguyễn Đồng Chi biên soạn); truyện dịch chủ yếu của các nhà văn Liên-Xô (như *Chú bé đánh trống*, *Trường học dũng cảm*, *Ti-mua và đồng đội* của A. Gai-da), hoặc kinh điển hơn thì *Truyện cổ Grim*, *Truyện Andecxen*, *Tây du ký*, *Hai vạn dặm dưới biển*, *Không gia đình*,... Nói chung nổi khao khát đọc sách với thể hệ chúng tôi là khôn cùng.

Có một lý do rất riêng tây khiến tôi mê sách, thích văn chương từ nhỏ và sau này vào học Đại học Tổng hợp Hà Nội, khoa Ngữ văn, rồi ở lại trường làm cán bộ giảng dạy cho đến khi nhận sổ hưu (2011) là bởi cô Tuyên dạy văn cấp 2 là vợ nhà thơ Minh Huệ, tác giả bài thơ nổi tiếng *Đêm nay Bác không ngủ*. Nhà tôi có họ hàng xa với nhà thơ, tôi gọi nhà thơ bằng anh. Nhà thơ cũng biết tôi là học trò của vợ mình, và cũng yêu văn chương nên rất quan tâm. Nhà thơ Minh Huệ có một tủ sách rất “bất mắt” (nhiều về số lượng và đa dạng chủng loại). Lại có cả những cuốn sách bằng tiếng Pháp, tôi không rõ tựa sách là gì. Anh trai thứ tư của tôi trước khi nhập

ngũ (1964) là công nhân nhà máy Cơ khí Vinh. Lương bổng thấp nhưng anh rất mê sách, dành tiền mua sách và xây dựng tủ sách gia đình. Còn nhỏ nhưng từ tủ sách của anh tôi đã đọc *Ruồi trâu*, *Thép đã tôi thế đấy*, *Rừng thẳm tuyết dày*, *Nam tước Phongonrinh*, *Bí mật bên bờ sông Enbơ*, *Timua và đồng đội*, *Chú bé đánh trống*, *Trường học dũng cảm*, *Truyện cổ Grim*, *Truyện Andecxen*, *Tam quốc chí*, *Tây du ký*,...

Tôi có 2 anh bạn thân thiết ở Vinh hơn 60 năm nay. Một anh tên Kỳ, hơn 2 tuổi và 2 lớp ở trường cấp 2 Vinh, cũng mê sách (bạn bè gọi là “mọt sách”). Một anh tên Hồng (cùng tuổi, cùng lớp), cũng mê sách có tiếng. 3 chúng tôi được gọi là tổ “tam tam”. Gia cảnh nhà anh Kỳ khá giả nên có tiền ăn sáng, anh ăn một bữa nhịn một bữa, số tiền góp được chung chi cho cả nhóm mua sách. Bây giờ họ định cư ở miền Nam, anh Kỳ ở Bến Tre (nghỉ hưu năm 2009, tham gia Hội VHNT địa phương, đã in vài ba cuốn sách). Anh Hồng ở TP. Hồ Chí Minh (nguyên là giảng viên khoa Ngữ văn, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh), nghỉ hưu 2012. Anh có một tủ sách đáng nể (khoảng vài ba nghìn cuốn, trong đó có nhiều sách in ở miền Nam trước 1975).

Lao động ở Vinh, với tôi còn là những công việc chân tay được gọi là lao động bình thường nhưng rất có ý nghĩa. Trẻ con thành phố bây giờ ít được giáo dục lao động, có xu hướng trở thành cậu ấm cô chiêu, hưởng thụ và đòi hỏi nhiều. Thế hệ tôi thì khác. Còn nhớ khi bố tôi mua nhà về ở xóm Tân Vệ, thuộc xã Hưng Dũng (Làng Đò), thì nếp sinh hoạt đã thay đổi nhiều so với thời kỳ ở Cổng Chốt. Mảnh đất áng chừng một sào, khuôn viên sân nhà và chuồng trại chỉ hết một nửa, phần còn lại trồng cây ăn quả và rau xanh dùng hàng ngày. Vì là vùng ven chưa có nước máy nên vẫn dùng nước giếng. Xóm tôi ở có cái giếng công cộng nước rất trong và nhiều. Sáng sáng chị thứ 6 (chị Ngọc) phụ trách nước nôi gánh đổ đầy các vật chứa trong nhà chừng 1000 lít, chị thứ 7 (chị Hà) lo chăm gia súc/ gia cầm (lợn/ gà), còn tôi lo quét tước sân, nhà và đánh ẩm chén, lau bàn ghế. Ngày thường xong việc thì đi học. Ngày nghỉ thì có thể làm xong phần việc muộn hơn (nhưng không quá 8 giờ sáng).

Cả nhà 5 người chỉ dựa vào lương của bố tôi trang trải mọi sinh hoạt (tôi còn nhớ mức lương của ông là cán sự 4/ 73 đồng). Mẹ kể tôi ở nhà nội trợ, tay hòm chìa khóa, lo toan thu vén trong nhà. Vấn đề là nhà có 3 người con còn đi học từ cấp 2 đến cấp 3, cũng lắm khoản chi tiêu. Vậy thì phải kiếm việc làm thêm. Có 3, 4 công việc làm thêm để kiếm tiền, đến giờ tôi vẫn còn nhớ: bóc lạc thuê cho nhà nước, chế tác lá làm nón, làm phụ kiện cho hoa giấy, mua bã khô dầu về bán lại cho người chăn nuôi. Bóc lạc thuê thật ra chỉ lấy công làm lãi. Nhận lạc củ khô từ kho nhà nước về, bóc tách hạt nhân rồi nộp sản phẩm. Tỷ lệ do mật dịch quy định (ví dụ lạc tốt thì 1 kg củ vỏ nộp 0, 65-0,70 kg hạt nhân, lạc củ vỏ xấu thì tỷ lệ hạ xuống 0,55- 0,6). Bóc lạc trông nhẹ nhàng nhưng ngồi lâu mỏi lưng, khi bóc bụi bắn ra hại mắt. Để kiếm lãi, dân bóc lạc thuê có mẹo nhỏ, trước khi giao lạc cho mật dịch thì rải xuống gầm giường, có độ ẩm, nhân lạc sẽ tăng trọng lượng. Dân thì gian. Sau này mật dịch bắt được “vỡ” của dân nhận bóc thuê, kiểm tra khắt khe hơn khi lạc bị ẩm thì không nhận, hoặc phạt, hoặc đình chỉ hợp đồng (vì để xuất khẩu phải giữ uy tín). Công việc thứ 2 là mua lá cọ về phơi phóng rồi xử lý bằng kỹ thuật thô sơ

để chế ra lá nón (lấy một cái lưới cày hồng, nướng lên, làm như bàn là, một búi giẻ nén chặt, đặt lá cọ xuống giữa cái lưới cày nóng và cái bọc vải miết nhanh mạnh, lá cọ đang xanh chuyển trắng và sùi gai chuyển sang trắng và bóng). Sản phẩm hay bị lỗi nếu không điều chỉnh độ nóng của lưới cày và không nhanh tay nhanh mắt. Công việc cũng không nhiều và đều vì người muốn làm thì nhiều hơn yêu cầu thu mua sản phẩm. Công việc thứ 3 là đến các chùa và các vùng nhiều cây xanh xin (hoặc mua) lá cây ngọc lan về xử lý để sản xuất lá hoa giả (hoa giấy). Lá ngọc lan tươi đem về cho xuống hồ, đổ ít nước rồi lấp đất lại, sau một thời gian ngấn lấy lên, rũ bùn đất, rửa sạch. Chất diệp lục phân hủy, lá ngọc lan hiện lên như được may từ vải màn thưa, các thùy tạo nên những hình vân xương rất nhỏ và đẹp. Nhuộm phẩm màu xanh thế là thành lá để làm hoa giả (hoa giấy). Nhưng việc này không có đều quanh năm, chỉ độ mùa thu, các nhà làm hoa tết mới đặt hàng. Công việc thứ tư là đi xuống nhà máy ép dầu ở Hưng Dũng mua bã khô dầu (sản phẩm sau khi ép lạc lấy dầu) về bán lại cho các nhà chăn nuôi gia súc gia cầm (lợn, gà, vịt,...). Nhưng có những đợt bã khô dầu còn sót rất nhiều lạc, thế là nhiều nhà có sáng kiến chế thành món ăn mặn, gọi là *chèo* (cho thêm ít đường, mỡ, mắm, ớt, mắm tôm nấu kỹ lên thành một món tổng hợp). Bây giờ nghĩ lại nhiều khi chảy nước mắt thương cho cả một thế hệ lớn lên trong đói nghèo, khổ hạnh. Và nếu kể cho các con cháu nghe thì chúng nó sẽ coi đây là chuyện cổ tích (!?). Tháng nào việc đều tôi được thưởng 5 hào, tự do sử dụng. Tôi không ăn quà mà dành tiền mua sách văn học đọc (thứ hình dung 5 hào ngày đó thì mua được 10 suất xôi sáng, quy ra giá bây giờ khoảng 50.000 đồng).

Còn một thứ lao động khác mà không riêng tôi ném trái: đi cắt vó bắt tép (gọi vó cho oai nhưng thực ra là những cái, chúng tôi gọi là *te* - bằng chất liệu vải màn, mỗi cái rộng chừng 50 x 50cm, gọng bằng tre/ hay nứa nhỏ hơn chiếc đĩa ăn cơm, có 4 góc, thả thính/mồi vào giữa rồi chìm xuống nước như tép). Tôi hay thả *te* ở hồ Goong, hoặc các bờ mương,... mỗi buổi đi cắt tép, khá khảm thì cũng thu về 2 bát ăn cơm, đủ dùng cải thiện, thêm chất tươi bữa ăn trong nhà. Ngoài bắt tép chúng tôi còn đi ra ngoại thành mò cua bắt ốc, nơm cá, bắt cáy, đi ra các cánh đồng giồng khoai của nông dân hái lá, bầm ngọn về làm thức ăn rau cỏ. Hồi đó chế độ tem phiếu nên thực phẩm chất đạm rất ít, nhưng lạ là lúa chúng tôi không ai bị còi cọc, ăn gì cũng thấy ngon miệng (các cụ nhà ta có câu “thức ăn bổ dưỡng là thức ăn ngon miệng”, nghe có lý).

Lao động với chúng tôi thời sống ở Vinh là tự giác, vui vẻ, phấn khích. Ngày ấy làm gì có dầu hỏa, bếp điện/ bếp ga/ bếp từ, nguyên liệu dùng nấu nướng chủ yếu bằng các sản phẩm gỗ (củi, mùn cưa/ vụn bụi gỗ). Một tuần một lần chúng tôi kéo xe *ba-gác* (xe chở hai bánh lốp cao su, thuê hoặc mượn) xuống nhà máy gỗ Bến Thủy mua củi hoặc mùn cưa. Không có nghĩa là tự do mua, phải có phiếu phân phối theo đầu người trong sổ hộ khẩu. Mỗi nhà có 2 bếp: một bếp kiềng sắt dùng để nấu bằng củi, hoặc rơm, hoặc lá phi lao/ lá thông; 2 là một cái bếp lò đắp bằng đất sét có niềng đai sắt. Giữa cái bếp hình trụ đặt hai cái ống bằng gỗ/ hoặc tôn gò theo hình thước thợ, sau đó nhồi mùn cưa vào nén chặt. Rút hai ống hình

thước thợ ấy ra, có đường lửa vào và lên, mỗi lửa, mùn cưa bén cháy, tạo thành nhiệt lượng. Nấu bằng mùn cưa thì gọn gàng hơn, tiện lợi hơn.

Vinh là thành phố của nắng, gió Lào khốc liệt nên mùa hè dễ cháy. Ngày trước không năm nào không xảy ra hỏa hoạn. Bà hỏa điên rồ nhiều lần thiêu trụi cả hàng trăm ngôi nhà bằng tranh tre nứa. Nên có một thứ lao động ở Vinh bây giờ ít người nhớ: đi dẹp lửa. Nghĩa là các tổ dân phố đều có đội Cờ đỏ do thiếu niên học sinh phụ trách. Mùa hè cứ 11h30 là Đội đến từng nhà kiểm tra củi lửa. Đến giờ đó nhà nào còn nấu nướng, còn củi lửa thì thành viên của đội này có quyền đập lửa (lấy nước dội vào bếp), ghi biên bản, báo lên nhà chức trách. Cũng đôi khi xảy ra va chạm giữa gia chủ và đội đập lửa. Nhưng quân lệnh như sơn. Nhưng lợi ích của cộng đồng là trên hết. Chúng tôi cứ làm theo tinh thần “dĩ công vi thượng”. Cái gì đem lại lợi ích nhiều cho cộng đồng thì trước sau cũng được chấp nhận cả về lý lẫn tình.

Bom nổ ở Vinh: Ngày 5-8-1964, bom Mỹ ném xuống thành phố Vinh (cùng lúc với các địa điểm khác như Lạch Trường/ Thanh Hóa, Cảng Sông Gianh/ Quảng Bình, Hòn Gai/ Quảng Ninh). Cuộc sống thời bình khép lại. Có bất ngờ không khi bom Mỹ ném xuống thành Vinh ngày 5-8-1964, và sau đó trên phạm vi toàn miền Bắc? Phải nói là không! Trước đó, tuy còn nhỏ, đang đi học cấp 2 nhưng học trò chúng tôi cũng đã được chuẩn bị tâm thế và kỹ năng sống trong thời chiến. Chúng tôi được hướng dẫn đào *tăng-xê*, đào giao thông hào ở nơi công cộng, tập nghe còi báo động phát ra từ nhà máy điện Bến Thủy và nhiều điểm cao khác. Lần đầu nghe còi báo động dĩ nhiên cũng giật mình, nhưng sau quen dần. Loa phóng thanh cộng cộng với công suất cỡ lớn, mỗi lần sau còi báo động vang lên giọng khản thiết “Đồng bào chú ý. Đồng bào chú ý. Máy bay địch cách thành phố Vinh... km. Đồng bào tìm nơi trú ẩn an toàn”. Bây giờ hai chữ *đồng bào* rất đậm ảm, tha thiết, đoàn kết hầu như ít được nghe thấy trên các phương tiện truyền thông đại chúng, thay vì là *quý vị*, nghe khẫu khí, trơn tru nhưng xa lạ.

Năm học 1964-1965, tôi nhớ rõ, có cái không khí thời chiến. Mỗi học sinh ngoài túi/ cặp đựng sách vở có một túi thuốc cứu thương nhỏ (đựng một số thuốc và đồ y tế thông dụng). Hết học kỳ 1 niên học này thì các trường được lệnh sơ tán ra khỏi thành phố, học trò có thể đi theo trường hoặc tự do sơ tán về nông thôn. Tôi và chị gái sát mình sơ tán về xã Xuân Hồng, Nghi Xuân, Hà Tĩnh (quê mẹ kế). Chị gái sát tôi học xong lớp 7 (hết cấp 2) thì đi học lớp Sư phạm sơ cấp Nghệ An (12 tháng) về đi dạy cấp 1 ở xã Hưng Dũng, Vinh. Tôi học trường cấp 2 Xuân Hồng, Nghi Xuân Hà Tĩnh (học kỳ 2 lớp 6 và lớp 7). Tôi còn nhớ, ngày đeo ba lô (thực ra là cái túi nải) sơ tán về nông thôn, bố tôi chỉ dặn dò một câu: “Con không còn nhỏ, phải chú ý giữ mình trên bom dưới đạn, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng học tốt”. Tuổi thơ của tôi và thế hệ tôi kết thúc sớm như thế vì chiến tranh. Tôi đã xa Vinh 55 năm. Sau này cũng *thiên di* nhiều, thăng trầm có cả, trải nghiệm nhiều, sướng khổ, vui buồn cũng nhiều. Nhưng có lẽ trong cuộc đời 70 năm của mình, bây giờ ngoảnh lại nhìn, thì thấy 10 năm *sống ở Vinh*, có lẽ là thời kỳ để lại dấu ấn sâu đậm nhất trong tâm trí, nó trở thành ký ức, một ký ức không thể nào quên.

Từ Sài Gòn Bác ra đi

Nhạc và lời: **VĂN THẾ**

Mênh mông - Nhớ thương (Phong cách Nam Bộ)

Từ Sài Gòn Bác đã ra đi biển Đông con sóng vỗ mặt
mùng trong bão tố. Từ Sài Gòn Bác đã ra đi người trai mang chí
cả chiến đấu cho quê nhà vì áo ấm cơm no, đẹp sáng mãi câu hò.
Hò ơi ở ơ ơ ơ là hò ơi. Trời Ba
Lê tuyết rơi đầy phủ trắng Bác càng thương người cần
Ơi vinh quang nào kẻ xiết tiền người năm nào tìm
lao trong ngõ vắng nhớ về quê nhà còn đang
đường đi cứu nước đất trời Nam Đàn thoảng
sống giữa đêm đen Bác tìm về Lê Nin chân trời rộng
ngát hương Sen nay chúng con đi như mưa ngàn thác
mở đất nước Liên Xô sao sáng tuyệt vời tới
lũ trong tiếng hô vang Bác gọi hành quân núi
nơi Lê Nin Người đã đi rồi Sài Gòn
sông quê hương. Đẹp sáng muôn

lần Sài Gòn được mang tên của Bác Hồ Chí Minh...



Núi Hồng sông Lam

Thơ: **XUÂN HOÀI** - Nhạc: **QUỐC VIỆT**

Nhịp vừa phải - Dậm thấm, phong cách dân gian

Nếu không có sông Lam, núi Hồng buồn biết mấy Núi
Hồng không đứng đó Sông Lam xanh cũng thừa
Và bao cầu Đò đưa thả neo vào lịch sử. Bao
buồn vui buồn vui nghĩa tình ơi chan chứa. Núi
Hồng và sông Lam để muôn đời sừng sững. Núi cao cho đáng
đứng sông dài cho bước đi Và... ...đi.

Thế giới tròn

DƯƠNG HUY

Bác Com-pa hai chân
Chân: một dài, một ngắn
Chân ngắn, ngậm bút chì
Chạy vòng vòng mặt giấy
Chân dài, vẫn đứng im
Ai lay không động đậy.

Rồi ô kìa, bạn thấy
Thế giới tròn hiện ra
Nào quả thị, quả na
Nào bóng bay xanh đỏ
Quả bóng lăn trên cỏ
Quả trứng nằm ổ rơm
Viên bi bé cón con
Quả địa cầu to tướng
Cậu số 0 nghịch ngợm
Chống gậy vượt đường xa...

Cám ơn bác Com-pa
Chăm chỉ và chịu khó
Thế giới bác vẽ ra
Tròn đầy không méo mó.



CHÂN DUNG NHÀ VĂN NGUYỄN MINH CHÂU - Tranh: TẠ TÂM

Anh Châu, người làng

THÁI BÁ LỢI

Vào một ngày tháng Chạp, trong buồng bệnh của viện quân y 108, 4 giường mà người ta chỉ xếp có 2 người, Nguyễn Minh Châu nói với tôi: - Tôi đã yếu rồi, không còn sức viết nữa, nếu ông còn theo đuổi nghiệp văn, ông phải viết một cuốn sách về cái ngõ của mình, về cái làng Thơi của mình...

Tôi ngồi nghe ông nói những kỷ niệm quê hương. Thực ra tôi chưa lấy lại được cho mình những cảm xúc có thể viết đủ vài trang, những điều tôi có thể hiểu cận kề hơn ông. Tâm trí tôi chỉ dồn vào những vết xuất hiện trên mặt ông. Tôi hiểu

rằng cái chết vật chất sẽ đến với ông ít ngày nữa. Và tôi ngạc nhiên về ông, một con người suốt đời lấy nghề văn làm lẽ sống cho mình, đến những ngày cuối cùng vẫn rất là “cổ điển” trong quan niệm văn chương. Ông khác rất nhiều với chúng tôi, những người lớp sau, tinh táo hơn (đồng thời cũng dằn dặt hơn): chúng tôi hiểu rằng văn chương chẳng là cái gì cả nếu như anh không đủ điều kiện để sống một cuộc đời bình thường. Điều đó tôi không thể nào nói với ông được.

Ông lại nói:

- Cái làng mình lạ lắm. Đến như ông Mác-két cũng không thể nào tưởng tượng ra được. Ông có biết ông... không? Ông ta đi biển, thuyền đắm, 5 ngày sau xác mới trôi về qua cửa lạch Thới, theo thủy triều qua cống Bà Nhiên mà thời nhỏ đứa nào chẳng một lần chui qua, vào đến tận cống nhà mới nổi lên để cả làng làm đám ma. Hay như anh...uống rượu say, tự tay mổ bụng mình, lòi cả đồng ruột ra, ai cũng nghĩ rằng anh ta sẽ chết. Có một bà đi bán cá về, lấy cái rổ đựng cá úp đồng ruột lại, đưa lên bệnh viện huyện. Anh ta sống đến tận bây giờ. Ông phải viết về những điều đó.

Tôi ngồi nghe ông nói và không hứa với ông một điều gì cụ thể. Tôi không chắc gì mình viết được những điều ông vừa nói. Nhưng tôi biết ơn ông vì ông đã gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ rằng những điều có thật quanh ta, chỉ vì những lý do khác nhau ta đã bỏ qua, ta đã không chịu hiểu thấu đáo nó, ta đã không nói lên được bản chất của nó bằng tiếng nói nghệ thuật chân thật.

Nhà tôi chỉ cách nhà ông vài chục thước. Khi tôi lớn lên ông đã rời quê đi bộ đội. Tôi biết ông qua những trang văn của ông. Chúng tôi sinh ra ở cái làng Thới có tên chữ là Văn Thai, một làng biển với những người *bạn già* nổi tiếng quanh vùng vì những hành động khác thường. Một trận đá bóng với làng bên nếu làng tôi thua thế nào cũng có đánh nhau. Hội đua thuyền đầu năm người ta phải chia ra một thuyền đàn anh và một thuyền đàn em. Năm nào thuyền đàn em thắng cuộc không có chuyện gì xảy ra. Năm nào thuyền đàn anh thắng chắc chắn có đánh nhau. Ông có gởi cho bạn đọc đôi điều về làng mình trong các tác phẩm của ông trong các truyện ngắn *Phiên chợ Giát* hay *Khách ở quê ra*, nhưng ông chưa viết hết về nó. Điều đó đã làm ông không yên lòng. Nhớ thời cải cách ruộng đất, lúc đó tôi chỉ 10 tuổi trên đường đi học, qua bài đấu tố địa chủ đọc được câu khẩu hiệu: “Đả đảo tên đại địa chủ, cường hào ác bá, thống trị ngư dân Nguyễn Huy Phiên”. Nguyễn Huy Phiên là bố anh Châu. Nhà anh Châu giàu nhất làng, có khoảng 20 mẫu ruộng, 10 chiếc thuyền đánh cá và ông cụ có làm lý trưởng. Đặc biệt gia đình anh Châu có một tòa nhà lớn gần 2 dãy nhà và một cái sân rộng, bọn con nít chúng tôi thường vào đó vui đùa mà không bị người nhà xua đuổi. Trước chiến dịch Điện Biên Phủ, ông cụ đã khao một tiểu đoàn nhiều bữa tiệc trong cái sân này để chiến sĩ lên đường chiến đấu. Có một nhạc sĩ nghiệp dư của tiểu đoàn đã sáng tác bài hát ca ngợi cụ, mở đầu là câu: *Làng ta có ông Lý Bích...* (chị Bích là con đầu trong gia đình). Năm 1949, Pháp đổ bộ lên Quỳnh Lưu, đốt hết thuyền đánh cá của nhà tôi, mẹ tôi phải vay tiền ông Lý để đóng thuyền đi

biển, tất nhiên là có tính lái. Trong cái cách ruộng đất, mẹ tôi bị ép lên đầu tổ ông Lý, bà lần lựa không lên, lúc thì lấy cớ đau đầu, lúc thì lên chợ Giát thăm cậu tôi đang ốm. Bà nói: Người ta cho vay tiền giúp đỡ làm ăn sao lại đầu tổ họ. Sau mấy ngày đầu tổ, tòa tuyên án: tên Nguyễn Huy Phiên đáng bị tử hình, nhưng vì có 5 người con đi bộ đội nên hạ xuống chung thân". Anh Châu là em út, trong 5 người con bộ đội ấy. Ông cụ mất trong tù...

Lẽ nào bây giờ ông lại ký thác cho tôi...

Rồi suốt buổi sáng hôm đó, ông kể cho tôi nghe chặng đường thăng trầm của người bạn thân ông, nhà văn Nguyễn Khải được người ta hứa hẹn cho chút ít quyền lực mà không biết cách nắm lấy quyền lực về mình, cứ loay hoay để vừa có quyền lực vừa được lòng mọi người: "Tôi biết thằng này nó lười lắm, mà từ trong Nam ra phải tự nấu lấy ăn, một ngày tiếp không biết bao nhiêu người đến bàn mưu tính kế, phải sống một mình giữa những ngày giá lạnh Hà Nội. Tôi thương quá mang cho cái chăn bông và nói với nó: Thế ra làm lãnh đạo cũng tốn nhiều công phu nhỉ?" - Và ông cười, cái cười sáng khoái tưởng như có thể làm mờ đi những vết xuất huyết trên da mặt ông.

Một tháng trước, ông có viết thư vào Đà Nẵng nhờ tôi tìm cây *nữ hoàng cung*. Trong thư ông hy vọng cây thuốc ấy sẽ chữa khỏi chứng ung thư máu. Vào đêm 14 ta, tôi lên chùa, ăn chay chờ sang rằm cắt lá thuốc cho ông. Lúc ra sân bay thì đã quá trễ. Khách đi máy bay đã kiểm tra an ninh và vào phòng đợi. Tôi vẫy đại vẫy người đến với mình. Ai lại có thể vui vẻ khi một người không quen biết đưa cho một gói giấy to để mang lên máy bay. Khi nghe tôi nói lý do của việc gửi gắm bất ngờ này, một anh bạn trả lời: "Có phải cái ông "ai điều cho một nền văn chương" không? Em ở Bộ Tài chính, em sẽ chuyển đến cho nhà văn Châu". Gói lá thuốc đó đã được chuyển đúng địa chỉ ngay ngày hôm đó.

... Còn bây giờ tôi đang ngồi trong căn hộ mà người ta mới phân cho ông. Căn hộ mang tên ông, nhưng ông chưa được ở 1 giờ. Ông chỉ hiện hữu ở đây với tấm ảnh trên bàn thờ mới lập, khói hương nghi ngút. Lúc tôi và nhà văn - dịch giả Nguyễn Trung Đức đến, không có bạn văn chương nào, chỉ có các đồng đội cũ của ông, các chiến sĩ của Sư đoàn 320. Vợ ông - đối với tôi là chị Doanh - nói:

- Anh Châu mất vào thời điểm mà nhiều người thương anh, nhưng cũng không ít người ghét anh. 10 tháng nay, từ khi anh lâm bệnh, trăm sự là nhờ bạn bè từ trong Nam ngoài Bắc cả...

Chị kể chúng tôi nghe việc chưa biết sẽ quản di hài ông ở đâu vì những người có thẩm quyền đang bàn luận. Tôi hỏi: - Hay chị đưa anh Châu về quê. Chiều nay tôi ghé qua Nghệ An báo với các anh trong đó, có thể thu xếp được việc này. Chị Doanh lưỡng lự: - Biết trong quê có phần mộ của các cụ, anh Châu về đó cũng ầm cúng, nhưng các cháu làm ngoài này cả, sợ xa xôi quá, tôi và các cháu đi lại thăm viếng không được nhiều, anh Châu buồn.

Tôi không biết nói gì hơn, chỉ đứng dậy thắp nén hương cho ông.

Một nhà văn thời đó từng tâm sự: Thế hệ nhà văn chúng tôi có thể chia ra làm 3 loại người. Loại thứ nhất, họ đang dùng cảm tự vượt lên mình, tiếp tục sáng tác, chất lượng ngày càng khá hơn, dám chiến đấu để trở về với cái thực của chính mình. Loại thứ hai là những người viết ít hoặc không viết nữa nhưng họ tâm huyết với văn học, làm mọi điều để văn học tiến lên, để đổi mới thực sự bằng công việc của chính họ. Loại thứ ba là những người mà chỉ riêng việc xuất hiện tài năng mới kiểu Nguyễn Huy Thiệp họ cũng không chịu được. Người xếp hàng đầu loại thứ nhất là Nguyễn Minh Châu. Họ là những người dũng cảm nhất của thế hệ chúng tôi.

Lại nhớ một lần tôi được nghe kể câu chuyện Nguyễn Minh Châu đi thực tế với một nhà văn trẻ thời danh. Đến đâu người ta cũng chỉ nói chuyện nhà văn trẻ, còn ông thì thành nhân vật thứ yếu. Trong cả chuyến đi, ông nhận biết điều đó, chung vui với những tình cảm của người đọc đối với những trang văn mới mẻ trên văn đàn nước ta. Ứng xử của ông làm cho nhiều người càng quý trọng ông hơn. Có một lần ông đã nói: Mình viết văn suốt đời tròng giang đại hải, có khi chỉ còn lại được vài cái truyện ngắn.

Những truyện ngắn và những bài viết của ông càng về cuối đời càng lộ rõ tư chất của ông. Ông đã tìm được cái của chính mình, cái mà mình mong mỏi ký thác với người đời. Những trang văn như vậy thì thật là quý hiếm. Người viết văn chân chính nào mà không gắng sức để đạt đến những điều như vậy. Mong sao văn chương ta có nhiều những trang như vậy, những trang văn của chính nhà văn, không vay mượn, không bị thúc bách, cảm dỗ bởi bất cứ động lực nào.

Tôi đi trong đêm đông Hà Nội, giữa những lâu đài, dinh thự, cái đã rêu phong, cái mới xây cất, cái sáng rực đèn, cái chìm trong những rặng cây. Vậy mà nơi để đặt di hài một nhà văn để bạn bè, để người đọc đến viếng thì người ta còn phải bàn bạc chán.

Ông là một con người dũng cảm, một chiến sĩ chiến đấu đến cùng cho điều mình nhận thức là đúng. Cái chết của những người như ông làm ta có cảm giác bình yên. Bình yên cho người vừa nằm xuống, bình yên cho chính mình. Lời ca một bài hát “lòng vẫn bình yên mà sao buồn thế” cứ ám ảnh mãi trong tôi.

Ông đã đưa tôi vào một hoàn cảnh khó khăn. Mỗi khi về làng, bạn bè thân quen, bà con họ hàng cả đến những người có chức sắc đều hỏi tôi: “Chú Lợi phải viết một tác phẩm về làng ta đi, bác Châu đã giao cho chú rồi đấy”. Tôi chỉ cười trừ, không hứa hẹn gì. Thật ra tất cả những gì tinh túy của làng tôi thì đã có trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu rồi, chắc khó có ai làm được việc nay tốt hơn ông.

Hôm viếng tang ông, tôi có việc phải rời Hà Nội, nhờ nhà văn Nguyễn Trung Đức đặt cho một vòng hoa. Anh Đức hỏi: “Lợi đề gì trên vòng hoa?”. Tôi trả lời: “Kính viếng anh Châu, người làng”.

Hát dân ca cho Bác Hồ nghe

THANH LƯU

(Ghi theo lời kể của các nghệ sĩ tại cuộc gặp mặt)

Mùa Đông năm 1965, 2 đoàn văn công Nghệ An và Hà Tĩnh ra Hà Nội dự liên hoan ca múa nhạc chống Mỹ cứu nước “Tiếng hát át tiếng bom”. Nhân dịp này, Văn phòng Phủ Chủ tịch mời một số diễn viên 2 đoàn tới thăm Bác và hát cho Bác nghe những giai điệu quê hương.

Khi chiếc xe U- oát chở các nghệ sĩ diễn viên: Song Thao, Thanh Xuân, Xuân Năm, Bích Hoà, Minh Hoà tới phòng khách Phủ Chủ tịch, một cán bộ văn phòng đến hỏi:

- Hôm nay các cô đến thăm Bác có mang hoa để tặng Bác không?

Lúc đó các chúng tôi mới ngớ người ra, vì chẳng ai nghĩ tới việc mang hoa tặng Bác cả. Một cô bảo:

- Hay là bây giờ bọn em ra phố mua hoa vậy?

- Thôi, không kịp đâu. Để tôi lo cho các cô.

Nói xong anh cán bộ văn phòng ra vườn quanh Phủ hái 2 bó hoa thật đẹp rồi mang vào bảo:

- Hoa của các cô đây!

Chúng tôi đặt hoa lên bàn nhỏ ở góc phòng, rồi mấy chị em phân công nhau người thì đứng ở cửa chính, người thì đứng ở cửa nách để đón Bác. Một lát sau, chúng tôi thấy Bác và Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng đi tới vào cửa chính, tất cả cuống cuống reo lên mừng rỡ, rồi chạy lại ôm chầm lấy Bác và Thủ tướng. Bác và Thủ tướng âu yếm hôn lên trán từng cháu, rồi ân tình hỏi han về đời sống và cách thức hoạt động biểu diễn thời chiến như thế nào? Xong rồi Bác bảo:

- Bây giờ có bài gì hay các cháu hát cho Bác và chú Phạm Thủ tướng đây nghe nào?

Theo sự chuẩn bị từ trước, chúng tôi lần lượt hát cho Bác và Thủ tướng nghe những câu hát quê hương...

Khi Xuân Năm hát bài "Thần sấm ngã", hát đến câu: "Trôốc thì nậy hơn đuôi", Bác bảo Xuân Năm dừng lại để Bác "dịch" cho Thủ tướng hiểu: "trôốc là đầu, nậy là lớn - đầu lớn hơn đuôi". Bác và Thủ tướng cười rất thoải mái.

Xuân Năm lại tiếp tục hát, đến câu: "Thằng phi công lòng không, vút cả áo lẫn miều", Bác lại bảo dừng lại và hỏi:

- Này, "miều" có phải là "mũ" không?

- Dạ thưa Bác, đúng ạ! Bích Hoà trả lời. Bác và Thủ tướng lại cười... Nghe xong "Thần sấm ngã", Bác lại hỏi:

- Có cháu nào biết hát phường vải không?

- Dạ thưa Bác! Cháu xin hát vài câu ạ!

Xuân Năm liền hát: "*Thương nhau tam tứ núi cũng trèo/ Ngũ lục sông cũng lội, thất bát đèo cũng qua*".

- Cháu hát rất hay, nhưng còn thiếu một từ, ngày xưa Bác nghe bà con người ta hát là: "*Thương nhau tam tứ núi cũng trèo/ Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu đèo cũng qua*". Nghĩa là "*Thương nhau ba bốn núi cũng trèo, năm sáu sông cũng lội, bảy tám chín đèo cũng qua*". Cháu hát lại xem nào?

Xuân Năm hát lại câu ví phường vải ấy. Bác và Thủ tướng nghe gật đầu thích thú...

Nghe hát xong, Bác và Thủ tướng lấy kẹo thưởng cho các cháu và không quên dặn lấy phần về cho những người ở nhà. Khi ấy, chợt ngược lên bàn, chúng tôi mới sực nhớ đến hoa, vì quá mãi mê mà quên tặng, chị em liền chạy đến mang hoa vội vàng tặng Bác và Thủ tướng. Bác nhìn hoa, cười bảo:

- Hoa này giống như hoa Bác trồng trong vườn thì phải?

Thủ tướng cũng bật cười, chúng tôi thì ngơ ngác, không hiểu sao mà Bác lại biết đây là hoa trong vườn Bác.

Lúc đầu dự định Bác chỉ tiếp khoảng 30 phút, nhưng do Bác cháu quá say sưa nên kéo dài đến một tiếng. Chia tay Bác mà lòng chúng tôi cứ rạo rức bồi hồi và lưu luyến mãi...

Tư duy thơ Việt Nam sau 1975 qua sáng tác của một số tác giả thế hệ đổi mới

LÊ HỒ QUANG

1 Nói tới tư duy thơ là nói tới một loại hình tư duy nghệ thuật mang tính đặc thù¹. Nó chi phối hoạt động sáng tạo của nhà thơ và được hiện thực hóa, cụ thể hóa thông qua hệ thống quan niệm, tư tưởng và thi pháp thể loại. Tư duy thơ của tác giả chịu sự chế ước của nhiều yếu tố: đặc điểm tâm sinh lý, cá tính sáng tạo, kinh nghiệm và trình độ thẩm mỹ của chủ thể, môi trường văn hóa - xã hội... Nó thể hiện qua những phát ngôn tư tưởng trực tiếp hoặc qua những bài viết phê bình, trao đổi, tranh luận của tác giả, song đặc biệt tập trung thể hiện trên văn bản tác phẩm, trong thế giới nghệ thuật được tạo nên bởi ngôn ngữ thi ca tương ứng.

Đổi mới thơ, xét từ bản chất của nó, chính là đổi mới tư duy. Chỉ đổi mới hình thức hay nội dung thơ chưa phải là đổi mới tư duy. Đổi mới tư tưởng, quan niệm về thơ cũng mới chỉ là một yếu tố (dù rất quan trọng) của đổi mới tư duy. Vậy thế nào mới thực sự đổi mới tư duy? Ấy là khi ở tác giả hình thành một mô hình nhận thức - sáng tạo mới, khác (thậm chí đối lập) với trước và nhờ đó tạo nên sự thay đổi mang tính gốc rễ trong thế giới nghệ thuật tương ứng. Có thể khẳng định, đổi mới tư duy thơ chính là nền tảng của mọi sự cách tân, đổi mới thơ.

Nghiên cứu tư duy thơ là cách để hiểu/ lý giải triệt để hơn cả về “cơ chế” hoạt động sáng tạo của chủ thể, nhằm cắt nghĩa sâu hơn về những đặc thù nghệ thuật trong tác phẩm (dĩ nhiên cũng cần tính đến yếu tố vô thức trong sáng tạo của nghệ sỹ). Nó đưa lại nhận thức về tác phẩm như một cấu trúc chỉnh thể bao gồm nhiều yếu tố liên kết chặt chẽ. Cũng có thể xem đây như một điểm tựa phương

pháp luận giúp ta nhận ra nét đặc thù khu biệt các loại hình nhận thức thẩm mỹ, từ đó, có được sự đánh giá khách quan, khoa học cần thiết về các hiện tượng thơ, nhất là những hiện tượng mới, phức tạp.

2. “Thế hệ nhà thơ Đổi mới” là thuật ngữ mang tính quy ước, nhằm chỉ một thế hệ nhà thơ Việt Nam đương đại có những đặc điểm sau: về độ tuổi, họ chủ yếu thuộc thế hệ 5X, 6X; xuất hiện và gây chú ý trên thi đàn vào thời Đổi mới (sau 1986); có những cách tân quyết liệt trong quan niệm và thi pháp... Xét về mặt lịch sử, có thể nói đây là thế hệ trung gian nối kết giữa thế hệ nhà thơ chống Mỹ và thế hệ tác giả “thơ trẻ” sau này (“thơ trẻ” cũng là một thuật ngữ quy ước, nhằm chỉ thế hệ nhà thơ sinh sau 1975, sống và viết trong thời bình). Tính chất “trung gian”, giao thời nói trên cũng tạo nên tính đặc thù thế hệ ở những ngòi bút Đổi mới. Dù sớm có ý thức cách tân, song những sáng tác ban đầu của họ cũng chịu ảnh hưởng rõ nét của hệ hình thi pháp của thế hệ trước đó (cụ thể là thi pháp lãng mạn chủ nghĩa). Bởi vậy, ở những tác giả này, quá trình tìm kiếm và kiến tạo một tư duy thơ mới luôn song song với nỗ lực “đập vỡ” thói quen tư duy thẩm mỹ cũ đã định hình. Là thế hệ trung gian nhưng đồng thời cũng là “thế hệ Đổi mới”, ý thức về vị trí lịch sử đặc biệt của mình giúp họ sớm xác định mục tiêu cách tân thi ca và nhanh chóng nắm bắt những cơ hội sáng tạo mà thời đại mở cửa và hội nhập đã mang lại.

Đây là một thế hệ tác giả khá đa dạng, phức tạp và vẫn đang vận động, sáng tạo. Do giới hạn bài viết, tôi chỉ khảo sát trong phạm vi văn bản thơ của 7 tác giả: Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Nguyễn Bình Phương, Inrasara, Trần Tiến Dũng.

3. Ý thức tìm kiếm và xây dựng một tư tưởng mỹ học mới, làm bệ phóng cho những cách tân, sáng tạo đột phá thể hiện khá rõ ở nhiều tác giả thế hệ Đổi mới. Song song với sáng tác, họ viết phê bình, trả lời phỏng vấn, trao đổi, thảo luận,... nhằm nhận diện và xác định vị thế của thơ Việt Nam trong dòng chảy thi ca thế giới khi hội nhập, từ đó, tìm kiếm và “hoạch định” con đường sáng tạo cho tương lai. Nhiều nhà thơ đồng thời cũng hiện diện với tư cách nhà phê bình với nhiều công trình, bài viết thuyết phục, phản ánh khá sâu sắc ý thức chuyên nghiệp hóa nghề viết ở họ. Dĩ nhiên, ý thức nghề nghiệp không chỉ có ở các nhà thơ thế hệ Đổi mới. Người cầm bút ai chẳng từng hơn một lần suy tư về nghiệp viết của mình? Song, thay vì cái suy nghĩ khá phổ biến một thời, cho rằng thơ ca là chuyện “trời cho”, “làm thơ” là cái thuộc về bản năng, năng khiếu vốn dĩ và nhà thơ chỉ là “con chim đến từ núi lạ/ Ngựa cổ hát chơi” (Xuân Diệu), các nhà thơ hôm nay rất có ý thức (và trên thực tế là đã) không ngừng tìm tòi, tiếp thu, vận dụng đa dạng các khuynh hướng và phương pháp sáng tạo hiện đại nhằm làm mới cách viết/ kỹ thuật viết, cũng là nhằm nuôi dưỡng cảm hứng viết. Phương diện lý thuyết, vốn là cái mà nhiều nhà thơ truyền thống “dị ứng”, nay được xem là sự song hành cần thiết với sáng tác, có ý nghĩa làm rõ sáng tác, thậm chí có thể gợi mở hoặc định hướng cho sáng tạo. Nhà thơ Inrasara khẳng định: “Bên cạnh biết làm, ta còn biết suy tư/ biết nói về nghề. Lý thuyết chẳng những làm rõ sáng tác

(dù sáng tác không hẳn chỉ thuần ý thức) mà còn có thể gợi mở hay dẫn đường cho sáng tạo. Nhất là các sáng tạo, của hôm nay”². Ông nói rõ thêm: “Nhìn lại hành trình thơ của mình và người đồng hành, là ý thức mang tính phản tỉnh việc làm của mình và người đồng hành. Nó giúp ta nhận mặt những nhàm cũ, lối mòn lâu nay ta từng đi và dẫm lên dấu chân kẻ đi trước hay của chính mình mà không biết, biết còn mơ hồ hoặc biết mà không cảm thấy cần/ không nỗ lực tránh”³. Dù trên thực tế, không phải giữa những “tuyên ngôn” lý thuyết và sáng tác của các tác giả luôn có sự song hành hiệu quả, song tư tưởng sáng tạo này rất cần được ghi nhận bởi tính xác đáng của nó.

Nếu trong thời chiến, thơ được quan niệm như tiếng nói của lý tưởng Cách mạng, tiếng nói của “đồng chí, đồng ý, đồng tình”, là một thứ vũ khí tinh thần đắc lực góp phần vào cuộc chiến đấu của dân tộc thì đến thời Đổi mới, thơ trước hết là tiếng nói tinh thần của cá nhân hiện đại trong đời sống hiện đại, khi đối diện trước bao vấn đề phức tạp của đất nước, dân tộc và nhân loại. Đó là tiếng nói của xúc cảm, của tư tưởng và của cả trực giác, tâm linh. Nói theo Dương Kiều Minh, “thi ca nằm ở những khoảng trống trong thế giới của con người. Nơi đời sống tinh thần của mỗi người hướng tới cái bí ẩn, cái vô biên và cái vô cùng”⁴. Còn nói theo cách của Nguyễn Quang Thiều, thơ chính là kết quả của “một trí tưởng tượng vô cùng hoang dại, và bằng những cơn mơ bất tận, đầy nhạc tính”, “luôn chuyển động và sinh nở và biến ảo”. Nó đánh thức “kí ức và ý thức sống”, “tạo dựng những mối liên hệ bí ẩn”, “gợi mở về một hình thức nào đó của vật chất đã mất”, “dựng nên một đời sống khác”, “một nhận biết khác”⁵.

Với các nhà thơ thế hệ Đổi mới, sáng tạo thơ hoàn toàn không tách rời hiện thực, vấn đề là giờ đây thơ cần phải tiếp cận và lý giải hiện thực theo cách khác. Đó không chỉ là hiện thực của đám đông, của ý thức hệ, của những cuộc đấu tranh giai cấp..., mà còn là hiện thực nội tâm, tư tưởng, cảm xúc; hiện thực của vô thức, linh giác... Được chi phối bởi quan niệm ấy, hệ đề tài, chủ đề trong thơ thời Đổi mới trở nên rộng mở. Từ những đề tài sử thi của thời chiến, thơ trở về cuộc sống bình dị, nhằm tìm kiếm trong cái hằng ngày, cái đời thường một diện mạo chân thực và sâu kín hơn của nhân sinh. Cũng do vậy, thơ có khả năng đi sâu hơn vào cuộc đời với những thân phận, số phận đơn lẻ, buồn bã, nhiều ẩn ức tâm sự. Nhà thơ cũng khao khát tìm kiếm diện mạo cá nhân trong những tương quan và chiều kích của văn hóa, lịch sử, mỹ học... Đây là lý do giải thích vì sao thơ của thế hệ này trở nên giàu tính tư tưởng - triết luận hơn so với trước đó.

Đặc biệt, các tác giả thế hệ Đổi mới hết sức đề cao giá trị thẩm mỹ của tác phẩm nghệ thuật. Quan niệm này giờ có vẻ đã không còn mới, nhưng nếu đặt vào bối cảnh đất nước thời hậu chiến, ta sẽ thấy ngay tính đột phá của nó. Trong sáng tác (cũng như trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm), giá trị thẩm mỹ được xem như là yêu cầu tối thượng và cũng là đích đến đầu tiên. Do đó, làm thơ là làm ra cái Mới và trước hết đó là cái mới về thi pháp (ở đây cần hiểu khái niệm “thi pháp” theo nghĩa rộng, bao gồm cả những nguyên tắc nghệ thuật chi phối và hệ thống phương thức, kỹ thuật sáng tạo). Theo nhà thơ Mai Văn Phấn, “đổi mới thi pháp

trước hết là từ chối ve vuốt những sở thích của người đọc, nhằm tạo những sóng từ khác, những mã số khác trong không gian thơ vừa được khám phá. Lý tưởng thi ca của sự cách tân nhằm gọi đúng bản chất của sự vật trong nhịp điệu đời sống hiện đại”⁶. Cách tân, do đó, đã trở thành một nhu cầu thường trực và quyết liệt với các tác giả thế hệ Đổi mới. Phải viết khác trước, cụ thể là phải viết khác với hệ hình thi pháp lãng mạn chủ nghĩa được khai sinh từ thời Thơ mới mà sau đó vẫn còn trùm bóng suốt cả chặng đường dài trong thơ Việt hiện đại, từ thời thơ kháng chiến đến dòng chủ lưu trong thơ sau 1975. Chính vì vậy, cách tân cũng có nghĩa là “khai trừ”, “đoạn tuyệt” lối viết đã trở thành “chuẩn mực”, “điển phạm”, là “khai chiến” với một lối đọc/ thưởng thức/ đánh giá đã trở nên quen thuộc, khó lòng thay đổi của độc giả. Và cách tân cũng có nghĩa là chấp nhận một lối đi hẹp, thậm chí biệt lập, nhiều gập ghềnh, đôi khi là “tuyệt lộ”. Dĩ nhiên, vấn đề này cần được nhìn nhận trong mối quan hệ tương tác hai chiều: cách viết mới đòi hỏi cách đọc mới và ngược lại. Lại cũng nhà thơ Mai Văn Phấn nói rất có lý: “Quá trình vượt thoát khỏi những quan niệm cũ không chỉ đặt ra cho các nhà thơ mà cho cả người đọc. Phải là cuộc song hành, đồng bộ, nhà thơ và bạn đọc mới có thể gặp nhau, cùng kích hoạt những tác phẩm văn học có giá trị”⁷. Học tập, tiếp thu nhiều trường phái, khuynh hướng và phương pháp sáng tác của thi ca thế giới, nhiều nhà thơ Đổi mới đã mạnh mẽ đổi mới cách nghĩ, cách viết, chủ yếu theo hướng hiện đại chủ nghĩa và trào lưu hậu hiện đại chủ nghĩa.

4. Những cách tân trong quan niệm, tư tưởng nói trên đã tạo nên những thay đổi về chất trong hình tượng cái tôi trữ tình. Khác với cái tôi sử thi trong thơ Cách mạng, giờ đây, hiện diện trong thơ thế hệ Đổi mới là một hình tượng cái tôi đa dạng và không dễ khuôn vào một số mô tả giản lược.

Trước hết, cái tôi ấy luôn ý thức về mình trong tư cách *kẻ hành nghề sáng tạo*. Sáng tạo đúng nghĩa luôn đòi hỏi ở người nghệ sỹ khả năng “gây hấn”, “nổi loạn” - với truyền thống, với chính mình - nhằm chống lại những giá trị thẩm mỹ đã trở nên lỗi thời và để xây dựng những chuẩn mực giá trị mới. Tư tưởng này từng xuất hiện trong thời Thơ mới, đặc biệt trong những “tuyên ngôn” của Trường Thơ Loạn và nhóm Xuân Thu nhã tập. Tuy nhiên, với các tác giả Thơ mới, cái tôi thi nhân này chủ yếu hiện diện với tư cách kẻ tìm kiếm cái đẹp thi vị, nên thơ, được lý tưởng hóa theo con mắt của chủ nghĩa lãng mạn. Nhận thức về cái tôi của các nhà thơ Đổi mới đương nhiên càng rất khác so với thế hệ nhà thơ chống Mỹ. Trong thơ thời chống Mỹ và thơ kháng chiến nói chung, tiếng nói nhà thơ là tiếng nói tư tưởng đại diện cho Cộng đồng, Dân tộc, Lịch sử chứ không phải của cá nhân, cá thể. Nội dung tư tưởng chính trị - chứ không phải những tìm tòi hình thức thơ - mới là cái được coi trọng, đề cao. Được hậu thuẫn bởi bối cảnh lịch sử, văn hóa thời Đổi mới, các nhà thơ Đổi mới trước hết đề cao cá tính sáng tạo của nghệ sỹ. Khi ý thức Viết là Sáng tạo, họ đã coi đó chính là con đường để đến với hiện thực, với sự thật đích thực và sâu rộng của đời sống nhân sinh và đời sống nghệ thuật, qua những nỗ lực cách tân và tìm tòi không ngừng của cá nhân người viết. Chính vì vậy, trong một bài thơ mang tính tuyên ngôn, Nguyễn

Lương Ngọc đã quyết liệt kêu gọi: *đập vụn* mình ra mà *ghép lại*/ *Nung chảy* mình ra mà *lấp*/ *Xé toang* mình ra mà *kết cấu* (*Hội họa lập thể*). Mai Văn Phan quan niệm *Viết* chính là hành động *rời bỏ* đám đông đồng thời cũng là hành động *rời bỏ* chính mình. Đó là một quá trình liên tục “vong thân” với những bước ngoặt trong tư tưởng mỹ học nhằm hướng đến bản chất sáng tạo. Còn Inrasara, nhận thức về sức mạnh cội nguồn trong mối quan hệ với thế giới hiện đại đã cho ông ý thức sâu sắc hơn về sứ mệnh nhà thơ, người canh giữ ngôn ngữ - linh hồn dân tộc mình: “*Không ai hát thay cho chúng ta/ nơi đây và lúc này/ cả hôm sau/ có lẽ... Bởi/ không còn ai đến thay thế chúng ta*” (*Không ai có thể hát thay chúng ta*).

Từ đây, cái tôi thời Đổi mới luôn được ý thức như một thế giới tinh thần cá nhân hết sức đa dạng, phong phú. Đây cũng là một cái tôi đầy dự cảm lo âu về sự tồn tại bản thể. Thơ Dương Kiều Minh vừa phản chiếu cái tức thời của đời sống cá nhân trong những thời khắc cụ thể, vừa có khả năng trỗi xuất khỏi chính nó, vượt thoát ra ngoài nó, để nghiệm sinh thắm thía hơn, thương cảm hơn về thân phận con người: *Đời con thừa dần mùi khói/ mẹ già nua như những buổi chiều/ Lãng lác tuổi xuân/ lãng lác niềm thôn dã/ bếp lửa ngày đông/ Mơ được về bên mẹ/ ao xưa, mảnh vườn nhỏ ngày xưa/ bậc thềm giàn giụa trăng mỗi tối/ Bên những hoàng hôn loang lổ gò đồi/ mùi bạch đàn xộc vào giấc ngủ* (*Củ lửa* - Dương Kiều Minh)...

Không khép mình trong những tâm sự cá nhân, cái tôi ấy luôn ý thức về bản thân trong mối quan hệ đầy ưu tư và trở trăn với cội rễ lịch sử, văn hóa, đời sống tinh thần dân tộc:

*Tổ tiên tôi thức quá lâu tôi lại ngủ quá lâu
Trong trâm vọng kèn hơi những họng người đã rách
Bầy lúa nước vừa mang thai vừa than thở
Với lũ cá rô đồng đang khao khát mọc chân
Tôi là con chim thay lông muộn và đang tập giọng bằng cặp mỏ mềm còn
ứ đầy máu loãng
Trong niềm rời rạc hân hoan của nhịp trống chân trời
Đợi bài ca sinh ra từ những hạt cơm vương trong chân cỏ dại
Từ quả trứng buồn vừa bóc vỏ thời gian*

(Bài hát - Nguyễn Quang Thiều)

Đề cao tiếng nói cá nhân, các nhà thơ Đổi mới đặc biệt đề cao tiếng nói bản năng, vô thức, tâm linh. Trong thơ chống Mỹ, quan niệm này triệt để vắng bóng và hết sức dễ hiểu lý do nếu ta đặt trong bối cảnh chiến tranh và quan niệm thơ thời chiến. Trong Thơ mới, Hàn Mặc Tử chỉ là một trường hợp cá biệt. Còn cái mơ hồ trực giác trong thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương... cũng chỉ nhằm để tăng thêm cái thi vị của tâm trạng, xúc cảm. Xuân Diệu (người được Hoài Thanh xem là “nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại”⁸) dù có nói: “*Ai đem phân phát một mùi hương*” thì trên thực tế, yêu cầu phân tích, cắt nghĩa tường tận, rành mạch ở ông là điều mà nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ rõ. Ngược lại, các nhà thơ Đổi mới

quan niệm về vô thức như một cõi mệnh mông hoang đại và bí ẩn của hiện thực cần chiếm lĩnh. Hơn thế, họ còn ý thức về vô thức, trực giác như một phương tiện sáng tạo đầy hiệu quả để chiếm lĩnh cõi vô thức, cái hiện thực tinh thần quá đồi rộng lớn và khó có thể tái hiện bằng thứ ngôn ngữ nào khác ngoài chính nó. Điều này khiến việc “đọc” thơ họ trở nên đầy khó khăn với nhiều độc giả. Thơ Nguyễn Bình Phương là một ví dụ. Có thể nói, thơ ông có một thứ “ngôn ngữ” đầy khác thường, thứ ngôn ngữ của mộng mị, của những ảo giác hoang lạ chập chờn. *Mơ mộng, tưởng tượng và linh cảm* như là biểu hiện cụ thể của thế giới siêu thực cũng xuất hiện khá dày trong thơ Mai Văn Phấn. Từ những cảm giác, trạng thái cá thể của cái tôi nhà thơ, chúng đã được đẩy tới thành một trạng thái phổ quát của thế giới, trong đó, mọi trật tự thông thường đều bị đảo lộn. Hiện diện trong thơ tác giả này là một thế giới “xô lệch” dị thường. Dĩ nhiên, đây là một sự đảo lộn cố tình. Sự “đảo lộn” trật tự bề mặt này nhằm hướng tới mục đích nhận thức và diễn tả một trật tự khác, ở bề sâu của nó, nơi tồn tại những cảm giác siêu nghiệm không thể kiểm chứng bằng kinh nghiệm nhưng lại được “chứng ngộ” bởi trực giác, tâm linh.

5. Về mặt kết cấu, phổ biến trong thơ thể hệ Đổi mới là kiểu *kết cấu mở*. Đây là một kiểu kết cấu hiện đại, ở đó bài thơ được tổ chức như một cấu trúc vận động, không mang tính hoàn tất, khép kín về nghĩa như trong kết cấu truyền thống. Có thể nhận diện kết cấu mở qua một số đặc điểm sau: *cổ ý mờ hóa* sự xuất hiện của cái tôi trữ tình trên bề mặt văn bản; câu chữ, hình ảnh được lắp ghép một cách như là ngẫu nhiên, phi logic, tạo nên nhiều “khoảng trắng” trong xúc cảm và liên tưởng; bài thơ thường được tổ chức theo hướng vận động của vô thức, trực giác... Rõ ràng, đây là kiểu kết cấu rất khác so với trước đó. Trước đó, bị chi phối bởi hình thức trữ tình trực tiếp, nhằm giải bày “chân thực” và “thiết tha” tâm trạng, cái tôi trữ tình thường được đẩy lên bề mặt văn bản với đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất. Đồng thời, các yếu tố kết nối ngữ nghĩa, ngữ pháp cũng được sử dụng phổ biến nhằm đem lại sự rành mạch, sáng rõ trong xúc cảm và diễn đạt, dễ dàng tạo nên sự truyền cảm và đồng cảm. Có thể thấy rõ điều này khi ta so sánh *Mưa xuân* (Nguyễn Bính), *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Hai sắc hoa ti gôn* (TTKH), *Việt Nam, máu và hoa* (Tố Hữu), *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), *Tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật)... với *Hồi tưởng* (Nguyễn Quang Thiều), *Biển tàu con quạ* (Mai Văn Phấn), *Liên bút từ sen Huế* (Nguyễn Lương Ngọc), *Tiếng địch* (Dương Kiều Minh), *Nhẹ* (Nguyễn Bình Phương), *Nơi chốn trong sự ra đi* (Trần Tiến Dũng)... Dĩ nhiên, kiểu tổ chức văn bản này luôn gây ra những hiệu ứng ngược chiều. Một mặt, nó khiến người đọc thực sự hoang mang khi muốn quy tụ mọi hình ảnh, câu chữ chùng như tứ tán, hỗn loạn vào một ý nghĩa đơn nhất, khép kín. Mặt khác, nó “giải phóng” óc liên tưởng, tưởng tượng, “vẫy gọi” những cách lí giải đa chiều về tác phẩm.

Chính bởi vậy mà phổ biến trong thơ của các tác giả này là xu hướng tạo hình theo lối siêu thực. Trong *Những người đàn bà gánh nước sông*, Nguyễn Quang Thiều đã tạo hình bằng cách xếp đặt những chi tiết tả thực đến trần trụi bên cạnh những hình ảnh phi thực lớn lao, tạo nên một hình tượng thơ kỳ vĩ:

*Những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen tõe ra như móng chân gà mái
Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy
Những người đàn bà xuống gánh nước sông
Những búi tóc vớ xối xả trên lưng áo mềm và ướt
Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé nhỏ chơi vơi
Bàn tay kia bầu vào mây trắng*

(*Những người đàn bà gánh nước sông* - Nguyễn Quang Thiều)

Cũng có khi tác giả tạo hình bằng cách giấu mặt triệt để cái tôi trữ tình, đẩy đối tượng mô tả lên bề mặt văn bản, rút tía tối đa những chi tiết tả thực, và bằng thứ ngôn ngữ như là khách quan, tô đậm ấn tượng lạ lùng về “cái gì đó không thật” mà lại dường như không thể thật hơn của cõi sống. Với bút pháp tạo hình này, “khối động” nổi lên lừng lừng như một bức tượng đài nhân sinh:

*Khối đá nặng
ngang nhiên lối mòn treo
ngang nhiên rút dây giầy mở
Ai kia
lưng quảy đá
lưng quảy rừng
phủi thời gian và chồng xếp lại
phía trước có gì đó không thật
đẩy lối mòn phồng rộp
đẩy đôi giầy há mồm
Ai kia*

(*Khối động* - Trần Tiến Dũng)

Thu nạp những phương pháp và kĩ thuật mới của thơ tượng trưng, thơ siêu thực, thơ tân hình thức, thơ thị giác..., nhiều tác giả Đổi mới không ngại tổ chức hình thức văn bản thơ theo những cách thức mà nếu so sánh với truyền thống, ta sẽ thấy hết sức khác thường. Chẳng hạn, câu chữ, hình ảnh có thể được tổ chức thành những dòng chảy ngôn ngữ miên man, liên tục, đan xen giữa nhiều cảm giác, hồi ức, linh cảm... vô hạn vô hồi, không đầu ngắt, không ngừng nghỉ. Trong những câu/ dòng thơ này, dường như vô thức đã tìm thấy “hình hài” của chính nó:

*... bức tượng trong vườn ngô bị trương lên bởi hơi ẩm mưa dầm quánh đặc tràn lỗ tai
con chữ chết dính vào trang sách không rõ ràng cảm xúc văng vẳng cơn mơ tiếng cười là
câu đùa nửa thực nửa hư trong bóng râm mơ hồ muội ám gốc cây nhòa mái đình ngô nhỏ
người đi bóng dấn xuống hai vệ cỏ liêu xiêu gợi nhớ bà nội đầu năm châm lửa thấp hương
thoảng mùi diêm sinh bay từ chần chiếu từ nhụy hoa đầy dấu chân ong...*

(*Mười bài tập mùa xuân* - Mai Văn Phấn)

Nhà thơ còn “tạo hình” bằng những khoảng trắng, khoảng trống được phân chia cố tình giữa văn bản. Hãy đọc/ xem trích đoạn văn bản mô tả âm thanh tiếng trống Ginang trong thơ Inrasara:

Say
 Cuồng say cuồng say cuồng say cuồng
 Pagalaung pagalaung pagalaung
 bay bay bay
 xuyên qua không gian đội thời gian
 bốn chiều vô lượng chiều
 sôi trào vỡ đê tràn bờ
 xé tan và quét
 sạch sạch sạch

(Inrasara - *Lễ tẩy trần tháng tư*)

Từ quan niệm về một đời sống hiện đại phức tạp, thậm chí phức tạp, xuất hiện trong thơ nhiều tác giả Đổi mới tiếng cười hài hước, giễu nhại. Ấy là tiếng cười xuất hiện khi con người phải đối mặt với một hiện thực đầy nham nhở, bất toàn, và cùng với điều đó là ý thức “phản tỉnh”, “hạ bệ”, “giải thiêng”. Thơ mới lãng mạn đương nhiên không thể có tiếng cười này. Ngược lại, thơ chống Mỹ, dù âm vang tiếng cười, nhưng tính chất tiếng cười sử thi này khác hoàn toàn so với tiếng cười giễu nhại trong thơ Mai Văn Phấn (*Hôm sau*), Inrasara (*18 bài thơ tân hình thức và chuyện 40 năm mới kể*), Trần Tiến Dũng (*Bầu trời lông gà lông vịt*)...

6. Có thể khẳng định, trong thơ thế hệ Đổi mới đã xuất hiện một kiểu tư duy mới, hiện đại. Đây là một điều hết sức ý nghĩa, bởi theo tôi, tư duy thơ chính là yếu tố căn bản tạo nên sự khác biệt như một giá trị phải có giữa các thế hệ nhà thơ (và các loại hình thơ), xác nhận sự hiện diện và đóng góp của mỗi thế hệ trong lịch sử. Nói vậy không có nghĩa là chỉ đến các tác giả Đổi mới mới xuất hiện kiểu nhận thức - sáng tạo này. Thực ra, dấu vết của nó đã xuất hiện trong sáng tác của một số tác giả Thơ mới giai đoạn hậu kỳ như Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên, Nguyễn Xuân Sanh... Ta cũng có thể thấy sự hiện diện của kiểu tư duy hiện đại này trong sáng tác của Nguyễn Đình Thi, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Hoàng Hưng... hay nhóm Sáng Tạo (trong thơ Miền Nam trước đó). Điều này cho thấy một sự kế thừa và phát triển, sáng tạo mang tính quy luật của sự vận động văn học. Cũng cần phải nói thêm rằng, dù gặp nhau theo hướng phương Tây hóa thi pháp, cụ thể là theo hướng hiện đại chủ nghĩa và trào lưu hậu hiện đại chủ nghĩa, song mỗi tác giả có những quan niệm và hướng đi khác nhau và điều này đã tạo nên ở mỗi cây bút một dấu ấn cá tính sáng tạo riêng, độc đáo. Bên cạnh việc tích cực tiếp thu, học hỏi các khuynh hướng và trường phái thơ hiện đại trên thế giới, nhiều tác giả thế hệ Đổi mới cầm bút với ý thức và tinh thần tự tôn dân tộc mạnh mẽ. Bản lĩnh và nội lực cũng như khát vọng hướng đến cái đích xây

dựng một nền thơ Việt hiện đại phát triển, hội nhập với thi ca thế giới đã cho họ nguồn năng lượng sáng tạo thực sự mãnh liệt và đa dạng.

Tuy nhiên, về thơ cách tân nói chung, đặc biệt những tìm tòi, sáng tạo trong thơ của các tác giả thuộc thế hệ Đổi mới, không phải luôn nhận được những ý kiến đánh giá đồng thuận và ủng hộ. Có lý do khách quan về phía tác giả, tác phẩm. Không phải tác giả thuộc thế hệ Đổi mới nào cũng thực sự đổi mới và ngay trong sáng tác của những tác giả được xem là có nhiều thành tựu, cũng không hiếm những bài mới dừng lại ở mức độ thể nghiệm. Giữa những tuyên ngôn “lý thuyết” và sáng tác nhiều khi chưa tương xứng, còn không ít tác phẩm chạy theo cái mốt “cách tân”, mang tính “đánh đổ” về mặt kỹ thuật, hình ảnh, ngôn ngữ... Song cũng rất cần chú ý tới nguyên nhân thuộc phía chủ quan người đọc. Ngoài những lý do như sở thích cá nhân, kinh nghiệm, trình độ thẩm mỹ..., sự khác biệt, thậm chí đối lập trong tư duy nghệ thuật của độc giả là nguyên nhân chính khiến việc đọc/ lý giải một đối tượng khác “gu”, khác quan niệm trở thành bất khả. Đứng từ những hệ hình tư duy khác nhau, những quan niệm thẩm mỹ khác nhau, rất khó để đối thoại một cách khách quan, bình đẳng.

7. Cùng với những thế hệ tác giả sau 1975, thế hệ nhà thơ Đổi mới đã tạo nên một không gian thẩm mỹ mới, vượt ra khỏi từ trường thơ truyền thống, giúp đa dạng hóa không gian thẩm mỹ của thơ Việt Nam đương đại và góp phần hình thành thị hiếu tiếp nhận thẩm mỹ mới, hiện đại. Sự khác biệt giữa các thế hệ nhà thơ, xét cho cùng, nằm trong sự khác biệt của loại hình tư duy. Sự khác biệt ở đây chính là một giá trị, nó khẳng định sự đóng góp của mỗi thế hệ cầm bút vào sự phát triển của lịch sử thi ca. Bởi vậy, tìm hiểu tư duy thơ Việt Nam hiện đại trên cứ liệu sáng tác của các thế hệ cầm bút là một vấn đề cần phải được nghiên cứu, mô tả, lý giải sâu hơn. Bài viết này mới chỉ là một phác thảo sơ lược.

(1) Trong bài viết này, tôi chỉ giới hạn xem xét khái niệm tư duy thơ trong tư cách loại hình tư duy sáng tạo của chủ thể tác giả - nhà thơ.

(2), (3) Inrasara: *Song thoại với cái mới*, Nxb Hội Nhà văn, H., 2008, tr.11, tr.7.

(4) Dương Kiều Minh: *Thơ Dương Kiều Minh*, Nxb Hội Nhà văn, H., 2011, tr. 482.

(5) Nguyễn Quang Thiều: “Trong căn phòng của một người bại liệt”, *Châu thổ*, Nxb Hội nhà văn, H., 2010, tr. 10-18.

(6), (7) Mai Văn Phấn: *Thơ tuyển mai Văn Phấn*, Nxb Hội Nhà văn, H., 2011, tr. 378, tr. 380.

(8) Hoài Thanh, Hoài Chân: *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, H., 1996, tr.46.



IVAN BUNIN

Cáp-ca-dơ

IVAN BUNIN

■ Ivan Bunin sinh ở miền Trung nước Nga, tuổi thơ sống ở miền quê tĩnh lặng của tỉnh Oryol. Bunin làm thơ, viết văn khá sớm, sự nghiệp văn chương của ông chủ yếu nổi tiếng về văn xuôi với các truyện ngắn và truyện vừa.

Tác phẩm đầu tiên của ông là bài thơ *Bên mộ Nadson* - tên nhà thơ Nga (Semën Yakovlevich Nadson). Năm 1897, xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên *Nơi cuối trời* và các truyện ngắn khác, viết về sự suy tàn của tầng lớp quý tộc và cảnh sống cơ cực của người nông dân Nga, được giới phê bình khen ngợi.

Năm 1909, Bunin được bầu làm viện sĩ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Bunin là nhà văn Nga đầu tiên được nhận giải Nobel Văn học. Ông mất ở Pháp năm 1953.

Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc truyện ngắn này của ông do dịch giả Thiên Việt dịch và gửi riêng cho tạp chí Sông Lam.

Khi tới Matxcova tôi lén lút trọ trong một khách sạn vô danh nằm tại con ngõ nhỏ của phố Arbat và một mỗi sống như một ẩn sĩ - chờ đợi tin từ cuộc hẹn này sang cuộc hẹn khác với nàng. Nàng đến gặp tôi trong thời gian này vền vền có 3 lần, lần nào cũng đi gấp gáp, với câu nói cửa miệng:

- Em chỉ tới được một phút thôi...

Nàng xanh xao bởi một sự xanh xao tuyệt đẹp của những người phụ nữ đang đầu đầu trong tình yêu, giọng của nàng bị khản, và cứ như là nàng quên bỏ quên ở đâu đó cái ô, vôi vàng nàng chiếc khăn voan và ôm lấy tôi, làm sao xuyên tôi bởi vẻ buồn rầu và hân hoan.

- Em có cảm giác - nàng nói - anh ta đang nghi ngờ điều gì, thậm chí anh ấy đã biết được chuyện gì - có thể đã đọc được bức thư nào đó của anh cho nên đã cất cái chìa khóa của ngăn kéo bàn em... Em nghĩ rằng anh ta dám làm tất cả trong cái tính tự ái cay nghiệt của anh ấy. Có lần anh chồng em nói thẳng: "Tôi không lùi bước trước điều gì để bảo vệ danh dự cá nhân, danh dự của những người chồng và của người sĩ quan". Hiện tại, anh ta không hiểu sao theo dõi em từng bước theo đúng nghĩa đen, để kế hoạch của chúng ta không bị hỏng, em phải cảnh giác cao độ. Anh ấy đồng ý cho em đi vì em tỏ ý là sẽ chết nếu không tận mắt nhìn thấy miền phương Nam ngọt ngào, biển xanh nên lạy Chúa, anh hãy gấp gáp lên!

Kế hoạch của chúng tôi thật táo bạo: đi cùng một toa tàu tới bờ biển Cap-ca-dơ và sống ở đó vào tuần lễ trên một miền hoang sơ nào đó. Tôi biết bờ biển này đã lâu, từng có thời gian sống ở đó bên cạnh Xô tri - thời trẻ, cô độc - suốt cả đời nhớ mỗi những ngày thu giữa đám cây bách màu đen, bên những đợt sóng xám lạnh buốt...

Và nàng xanh xao lúc tôi nói "Bây giờ anh sẽ cũng em tận hưởng những đầm lầy trên núi, vùng biển nhiệt đới...". Trong thực tế chúng tôi không thể tin kế hoạch sẽ thành công đến phút chót - Điều đó là một hạnh phúc quá ư lớn lao cho chúng tôi trong cõi đời này.

Trên Mat-xơ-va mưa rơi triền miên, lạnh buốt tựa như mùa hè đã trôi qua không bao giờ trở lại, tất cả chìm trong bản thủ, ẩm đậm, phở xá lóng lánh ẩm và đen thẫm vì những cái ô xòe ra của dân qua lại và những chóp xe dựng đứng run rẩy của đám xe xà ích đang phi nước đại. Chiều đã xâm xẩm, nhớp nháp, khi tôi đi ra ga trong lòng tê tái vì lo âu và lạnh lẽo. Tôi đi dọc sân ga, đồng thời kéo sụp mũ xuống tận mắt, giấu mặt trong cổ áo pantô.

Trong kupe nhỏ hạng nhất mà tôi đã đặt từ trước, tiếng mưa đổ ầm ầm trên nóc. Tôi ngay lập tức tháo rèm cửa sổ xuống và khóa cửa lại sau khi người phục vụ vừa cúi bàn tay ẩm ướt vào chiếc tạp dề trắng, mang trà vào rồi đi ra ngoài.

Sau đó tôi hơi hé tí chút rèm cửa và lạnh cóng người, nhìn chằm chằm vào đám đông hỗn độn, đi tới đi lui với đồng hồ đặc dọc theo các toa tàu trong ánh sáng



Minh họa: HỮU TUẤN

tôi thăm của những ngọn đèn ga. Chúng tôi thỏa thuận với nhau rằng tôi sẽ đến ga sao cho sớm hơn, còn nàng có thể chậm hơn để tôi có thể không chạm trán với nàng và anh chồng trên sân ga. Giờ đã đến lúc họ phải đến. Tôi nhìn toàn sân và căng thẳng hơn - không có họ. Tiếng còi thứ hai vang lên. Tôi hoảng hốt: nàng đến muộn hay phút chót người chồng không cho đi?. Nhưng ngay tức sau đó dáng cao to của tay chồng xuất hiện một cách kinh ngạc, mũ sĩ quan, áo khoác ngắn và găng tay da, sải bước đỡ khuỷu tay nàng. Tôi rời khỏi cửa sổ, ngả người vào góc đi vắng. Bên cạnh là toa tàu loại hai - tôi nhận thấy anh ta đi vào toa cùng vợ, dáng điệu rõ là người chủ, quay lại nhìn xem người hầu đã mang va li tới chưa - tháo găng tay, bỏ mũ kepi xuống, hôn nàng, hôn cây thánh giá trên ngực...

Tiếng chuông thứ ba làm choáng váng tôi, toa tàu nghểnh ngãng sững sờ bắt đầu chạy... Tàu rời ga, lắc lư, dừng đưa sau đó trở nên đều đều khi mở hết tốc lực.... Người kiểm soát vé đưa nàng đến chỗ tôi và xách đồ của nàng theo, tôi lạnh lùng nhón tờ giấy 10 rúp nhét vào cho hắn...

Khi đi vào, nàng thậm chí không hôn tôi, chỉ mỉm cười rầu rĩ, ngồi xuống đi vắng và tháo bỏ cái nón ra khỏi mái tóc.

-Em chưa kịp ăn thứ gì buổi trưa - nàng nói - Em đã nghĩ rằng mình không diễn được vở kịch khủng khiếp này tới phút chót - Em khát chết mất. Anh yêu cho

em xin chai nước không - nàng nói, lần đầu tiên nàng xưng hô như vậy - Em cho rằng anh ấy sẽ đi theo sau em. Em cho anh địa chỉ, gelenik và gagrur

Vậy anh ta sẽ tới đó sau 3-4 ngày nữa... nhưng mặc xác anh ta, thà chết sung sướng còn hơn sống đau khổ...

Buổi sáng khi tôi đi ra hanh lang, ở đó đã sáng rực, sức nức thơm mùi xà phòng, mùi nước hoa từ phòng vệ sinh và bốc mùi của một tòa tàu sang trọng. Sau những ô cửa sổ nóng nực và mờ mờ bụi đã xuất hiện thảo nguyên bằng phẳng, mong đợi, nhìn rõ những con đường rộng rãi, lăm bụi, những chiếc xe gỗ, đàn bò thấp thoáng, những điểm canh đường sắt với từng đám hoa hương dương và phù dung đỏ thắm trong các mảnh vườn con....

Tiếp tục là những đồng bằng mênh mông không giới hạn với những ngôi mộ cổ và nghĩa trang, mặt trời khô khốc không chịu nổi. Bầu trời sau đám mây, đồng dạng phối cảnh với mây bằng những tia sáng, phía xa lác hiện lên vệt mờ mờ của những mòm núi đầu tiên trên đường chân trời.

Từ Gelengik và Gagrur nàng gửi cho chồng bưu thiếp viết rằng chưa biết xuống ở đâu. Sau đó chúng tôi đi dọc theo bờ biển xuống phương Nam.

Chúng tôi tìm được một chỗ hoang sơ, có những cánh rừng cây tiêu huyền nguyên sinh những bụi cây nở hoa rực rỡ, gỗ hồng sắc, bụi mộc lan, những cây lựu, giữa chúng cao vút lên là những cây cọ hình rẽ quạt, đám cây bạch đàn thắm

Tôi dậy sớm trong lúc nàng còn đang thiêm thiếp và đi bách bộ dọc qua những quả đồi trong cánh rừng đại ngàn trước khi quay trở về để cùng uống trà vào 7 giờ. Mặt trời đã bắt đầu gay gắt, nắng tinh khiết và hân hoan. Trong rừng mây thơm ngát, tan ra, tản đi và có phát màu thiên thanh, sau những ngọn rừng tím đằm xà là mảng trắng xóa của đỉnh núi tuyết hắt ánh chói rực. Trở về, tôi đi xuyên qua cái chợ làng quê nóng rẫy và thoảng mùi thơm từ cây cỏ: ở đó đám đông đang buôn bán náo nhiệt, tiếng ồn ào của lừa ngựa, sớm sớm những người dân thiểu số của miền núi đã tới đây, họ có dáng đi uyển chuyển trong những bộ quần áo đen dài sát tới đất, đầu đội mũ đỏ, trên đầu có quấn một miếng vải màu đen trang trí, ánh mắt sắc lẹm... Lát sau chúng tôi cùng nhau đi ra bờ biển, ở đó, hoàn toàn vắng vẻ, chúng tôi tắm và nằm dưới ánh sáng mặt trời cho tới bữa ăn. Ăn xong, bữa ăn gồm có cá chiên giòn, vang trắng, hồ đào và các loại hoa quả - vào lúc hoàng hôn trong lều mờ mờ, có những dải ánh sáng tươi tắn nóng bỏng xuyên qua khung cửa sổ chẳng ngang.

Khi cái nóng đã giảm hết, chúng tôi mở toang hết cửa lều, giữa những cây trắc bách điệp mọc lên từ sườn dốc phía dưới, từ đây nhìn rõ một phần của biển có màu tím biêng biếc, hiền hòa, cảm giác không ở đâu có sự thanh tĩnh này, vẻ đẹp đường này.

Đêm xuống, phía xa ngoài biển chồng chất những đám mây kỳ dị: chúng sáng óng ánh kỳ diệu đến nỗi đôi khi nàng nằm xuống đi vắng, úp mặt vào chiếc khăn sa và thổn thức: Tiếc rằng ta chỉ còn ở đây có hai, ba tuần nữa là phải về Mat xơ va.

Đêm ẩm áp và tối như bưng, trong màn đêm đen kịt trôi lơ lửng, nhấp nháy những con ruồi lửa được chiếu bởi vệt sáng, lũ nhái bén kêu vang vang như chuông thủy tinh. Khi mắt đã quen với bóng đêm ta nhận thấy tí trên cao những chấm sao và đỉnh núi, lộ ra những đám cây cối phía trên của làng bản mà không nhận ra được vào ban ngày. Suốt đêm nghe từ đâu đó tiếng gõ trống trầm đục và một giọng hò rầu rĩ hạnh phúc đến tuyệt vọng dường như là của một bài ca bất tận.

Không xa chỗ chúng tôi, trên bờ của một khe xói, xuất hiện con suối trong suốt nhỏ nhắn nhảy nhót trôi theo lòng đá từ trên rừng xuống biển. Kỳ diệu sao những ánh nhấp nháy của nó vỡ vụn ra, sôi lên vào đúng một thời điểm bí ẩn nào đó, khi từ rừng và núi trắng muốt nhô ra nhìn xuống chăm chăm, tựa như khung cảnh một thời hoang sơ xưa. Đôi khi có mây đen đáng sợ từ núi kéo đến, bão tố hung dữ lồng lộn, trong đêm đen rừng rợn âm ỹ của rừng, những vực thẳm xanh biếc huyền ảo mở ra và tiếng âm vang quen thuộc vỡ vụn trên nền trời cao. Lúc ấy, những con đại bàng non kêu chíp chíp trong tổ và ngủ thiếp đi, đâu đó tiếng rống của một con báo, lũ chó sói sủa ăng ăng...

Có đêm nguyên một đàn chó sói tới khung cửa sổ có ánh sáng của chúng tôi, chúng thường xuyên tụ tập trong những đêm như vậy, tới chỗ có người ở - chúng tôi mở cửa sổ và ngắm nhìn chúng từ trên cao, đàn chó đứng lóng lánh dưới mưa rào và kêu ăng ăng xin ăn...

Nàng đã khóc òa sung sướng, ngắm nhìn chúng

Anh ta đi tìm nàng ở Genlengik, ở Gagrur, ở Xô chi. Ngày tiếp theo anh ta đến tắm ở Xô chi, buổi sáng ra biển, sau đó cạo râu, thay ga sạch sẽ, khoác áo sĩ quan màu trắng tuyết, ăn sáng trong khách sạn, uống hết một chai sâm panh, nhâm nhi cà phê với một lát đường, rồi chậm rãi hút tàn một điếu xì gà. Quay trở lại phòng mình, anh ta nằm trên đi văng, và tự bắn hai phát đạn vào thái dương mình.

ÔNG LÊ DOÃN HỢP - NGUYÊN BÍ THƯ TỈNH ỦY NGHỆ AN:

“NGHỆ AN cần cởi bỏ những nút thắt để trở thành tỉnh khá như lời dặn của Bác Hồ”

■ Nhân dịp kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020) ông Lê Doãn Hợp - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Chủ tịch Hội đồng hương Nghệ An tại Hà Nội đã dành cho Tạp chí Sông Lam có cuộc trao đổi về những tình cảm của Bác Hồ với quê nhà và câu chuyện làm thế nào để Nghệ An mau trở thành một tỉnh khá như lời dặn của Người. Ông Lê Doãn Hợp chia sẻ:



Bác Hồ luôn dặn: làm bất cứ điều gì cũng phải làm vẻ vang cho quê hương

Những ngày tháng Năm này, quê hương lại bồi hồi nhớ Bác, đặc biệt là 2 lần Bác về thăm quê. Bác về Nghệ An 2 lần với 2 ý nghĩa rất rành rọt. Bác về lần thứ nhất năm 1957, là Bác về thăm quê. Nhưng năm 1961 Bác về làm việc với tư cách Chủ tịch nước. Cả 2 lần về quê nhà, Bác đều để lại biết bao nhiêu kỷ niệm. Bác nói: *"Quê hương nghĩa trọng tình cao/ Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình"*. Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An - ông Võ Thúc Đồng khi còn sống đã kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện của 2 lần Bác về thăm quê, thấy đường làng ngõ phố sạch đẹp, các bức tường được quét vôi trắng tinh, Bác hỏi: "Hình như các chú mới làm?". Ông Đồng trả lời: "Bác về chúng cháu chỉnh trang thêm để đón Bác". Bác bảo: "Có lẽ Bác về nhiều thì các chú sẽ làm được nhiều việc tốt cho dân, Bác chỉ mong dù Bác không về các chú cũng làm tốt như khi Bác về".

Bác về thăm quê thời gian ngắn nhưng gặp đủ các tầng lớp nhân dân. Bác trò chuyện thân tình, không một lần nào cầm giấy đọc. Bây giờ, một số cán bộ hay cầm giấy đọc. Tôi nghĩ: "Mitting, lễ hội thì phải đọc, nhưng khi làm việc với dân mong cấp trên nói, để dân dễ biết quan điểm của cấp trên. Còn đọc thì dân không biết của ai. Nếu cán bộ làm việc mà đọc nhiều thì rất có thể là miệng cấp trên nhưng lời của cấp dưới". Việc này cần phải học Bác Hồ.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Bác đã viết thư gửi Nghệ An. Đặc biệt, bức thư cuối cùng Bác gửi Đảng bộ tỉnh nhà ngày 21/7/1969, trước khi Người vĩnh biệt chúng ta 42 ngày, được xem là di chúc Bác dành riêng cho quê hương. Người căn dặn: "Tích cực thực hiện dân chủ với nhân dân hơn nữa; Khôi phục và phát triển kinh tế; Hết sức chăm lo đời sống nhân dân". Cuối thư, Người mong muốn: "Nghệ An là một tỉnh rộng lớn, có tài nguyên phong phú, có nhân dân cần cù lao động và rất cách mạng. Rất mong đồng bào và đồng chí tỉnh nhà ra sức phấn đấu làm cho Nghệ An mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất ở miền Bắc".

Mỗi lần lãnh đạo tỉnh nhà ra Hà Nội đến thăm Bác, Bác đón tiếp và dặn dò chu đáo, trò chuyện như người thân trong nhà. Ông Hồ Viết Thắng chia sẻ: "Gặp Bác lần nào là có bài học lần đó". Bác hỏi ông Hồ Viết Thắng: "Khi báo cáo tình hình cải cách ruộng đất cho trung ương, chú có xào xáo gì thêm không?" Ông Hồ Viết Thắng trả lời: "Thưa Bác, cháu trung thực tổng hợp tình hình các địa phương rồi báo cáo chứ không thêm bớt gì cả". Bác im lặng một lúc, rồi nói: "Bác cũng tin là như vậy, nhưng chú thấy không, quan liêu không những hỏng việc mà còn đổ máu". Bác nói nhẹ nhàng mà sâu lắng. Với người quê nhà, bao giờ Bác cũng nói với tinh thần gần gũi, chỉ bảo chứ không phải chỉ thị, mệnh lệnh. Tôi hỏi nhiều cụ già ở Nghệ An có may mắn được gặp Bác, họ kể Bác bao giờ cũng dặn: Làm bất kì điều gì cũng làm vẻ vang cho quê hương chứ không phải lấy cái vẻ vang của quê hương mà bôi trát vào cho mình. Phải lấy thành tích của mình làm cho quê hương rạng danh hơn.

Có một may mắn nữa là rất nhiều người Nghệ An được Bác huấn luyện, đào tạo như các thế hệ tiền bối: Phan Đăng Lưu, Lê Hồng Phong, Lê Thiết Hùng, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Khai, Hồ Tùng Mậu... đều là những học trò

xuất sắc, có những đóng góp lớn cho cách mạng. Có thời điểm Bộ Chính trị có 11 người thì Nghệ An có tới 4 người, nhưng không ai nói Bác cục bộ vì Bác chọn những người có đức đủ tài, có lợi cho dân cho nước.

Nghệ An cần một cuộc cách mạng về tư duy

Theo ông, trong giai đoạn hiện nay, làm thế nào để “Nghệ An mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất” như lời dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh?

Nghệ An phát triển khá nhưng so tiềm năng thì vẫn còn khiêm tốn. Trong giai đoạn hiện nay, Nghệ An nên tập trung vào 3 nội dung chính: Một là cơ cấu cán bộ lãnh đạo hợp lý; Hai là chuyển đổi nhận thức nhanh; Ba là tổ chức hành động quyết liệt hơn.

Nghệ An vẫn còn nhiều thế mạnh bị lãng quên. Nhìn kỹ miền núi Nghệ An sẽ thấy rất rõ dân đông, trẻ khỏe, đất nhiều nhưng nghèo lâu. Có nhiều loại nghèo. Nghèo do thiếu tiền, thì cần hỗ trợ vốn; Nghèo do dân trí thì bồi dưỡng kiến thức khuyến nông; Nghèo do ốm đau bệnh tật thì phải có chính sách tài trợ; Nghèo do lười nhác thì phải giáo dục. Không thể đưa tất cả mọi cái nghèo vào một ô chung.

Nghệ An cần một cuộc cách mạng về tư duy. Trong đó, có 3 tư duy mở đường rất quan trọng. Một là: Thay đổi tư duy tự so mình với chính mình, lấy ngày hôm nay so với ngày hôm qua, thấy khá lên một chút, nhích lên một tý là tự vui, tự hào, tự sướng để thay thế bằng tư duy mới là dũng cảm so mình với các địa phương, so với cả nước, so với thế giới xem mình đang ở đâu và mình phải làm gì để trở thành một tỉnh khá như mong muốn của Bác Hồ. Nếu so sánh, phải lấy bình quân đầu người để tính. Lấy số liệu tuyệt đối thì Nghệ An rất dễ ru ngủ vì là tỉnh lớn nên số tuyệt đối sẽ cao, nhưng chia bình quân đầu người thì vẫn thấp.

Hai là, phải chuyển đổi tư duy từ dễ quản lý sang dễ làm giàu. Bởi vì, nếu muốn dễ quản thì sẽ khó phát triển. Phải làm cho kinh tế bứt phá nhanh hơn nhất là kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, kinh tế doanh nghiệp. Phải nhất quán, cái gì nhà nước không cấm thì mở toang cửa cho nhân dân tự quyết, tự chủ, tự làm. Phát sinh doanh thu thì nộp thuế cho nhà nước, làm sai thì xử nghiêm theo pháp luật hiện hành. Tránh thực trạng xin và cho chờ đợi nản lòng, nhụt chí thêm chi phí, mất thời cơ phát triển.

Ba là: Chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa mà trọng tâm là công dân toàn cầu, nhân lực toàn cầu, thị trường toàn cầu. Phải tự tin vươn lên làm giàu cho bản thân, cho quê hương, cho quốc gia trên bình diện toàn cầu.

Tôi nghĩ nếu người Nghệ An trong tình đoàn kết, biết gắn kết với các bộ ngành Trung ương, biết khai thác chất xám vốn liếng, kinh nghiệm của con em Nghệ An ngoài tỉnh thì Nghệ An đi lên bền vững muôn đời. Nếu Nghệ An chưa giàu là vì Nghệ An chưa khai thác hết chất xám của người Nghệ An ngoài tỉnh, hoặc người Nghệ An ngoài tỉnh chưa hết mình với quê hương.

Tôi cho rằng, Nghệ An cũng như cả nước phải tập trung làm tốt 3 lĩnh vực đang là nút thắt của nền kinh tế, đó là thể chế, khoa học công nghệ và giáo dục đào

tạo. Đổi mới thể chế theo hướng cải tạo môi trường cho phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Ví như ao nước tù sẽ sinh ra con cá màu đen, chúng ta quyết tâm bắt hết cá màu đen thay thế bằng cá màu trắng thì sau vài 3 tháng cá màu trắng lại chuyển thành cá màu đen. Vấn đề chính là khử màu lọc nước thì ngay cá màu đen cũng sẽ trắng dần ra.

Nghệ An phải đi đầu trong ứng dụng các thành quả của khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống và quản lý; Coi đây là thành quả vĩ đại của nhân loại ban tặng. Bởi con người chỉ tự giác đến mức hoàn hảo khi hội đủ 3 điều kiện: luật pháp đồng bộ, đạo đức công vụ được nâng cấp và công cụ kỹ thuật hỗ trợ để giám sát và quản lý chính xác, minh bạch, kịp thời. Không cần kêu gọi nhiều, cứ ứng dụng các thành quả của khoa học công nghệ vào quản lý sẽ giúp con người tự giác làm việc hiệu quả cao nhất, loại bỏ tiêu cực nhanh nhất.

Bên cạnh đó, Nghệ An cần đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngày xưa học để có bằng, để xin việc, bây giờ học để có kiến thức để tự tạo ra việc làm. Ngày xưa học để làm quan, bây giờ học để làm giàu chân chính thì sẽ làm quan tốt hơn. Ngày xưa học vâng lời, bây giờ học phản biện. Ngày xưa học để trang điểm cho sơ yếu lý lịch thật “sang”, bây giờ học để tự cải tạo và tôn vinh chính mình.

Khi bố trí từng cán bộ không nên đặt ra tiêu chuẩn toàn diện, nhưng một tập thể lãnh đạo thì dứt khoát phải đủ kiến thức đồng bộ để trở thành một tập thể toàn diện đủ kiến thức bao lót cho nhau hoàn thành nhiệm vụ tiến bộ và trưởng thành.

Tôi nhận thấy hiện nay có hai đối tượng cán bộ bị “lãng quên”. Đó là doanh nhân thành đạt từ các doanh nghiệp tư nhân và Việt kiều, “Nghệ kiều” yêu nước. Nếu Nghệ An khai thác được các tiềm năng này thì quê Bác sẽ phát triển kinh tế rất nhanh.

Phát huy mặt ưu điểm để hạn chế mặt nhược điểm

Ông nghĩ gì về truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng của Nghệ An và làm thế nào để phát huy truyền thống đó trong một xã hội đang đua tranh làm giàu, phát triển kinh tế?

Nghệ An có truyền thống hiếu học, người Nghệ An ở bất cứ nơi đâu cũng ham học và học giỏi. Đó là một truyền thống rất quý báu. Thời đại kinh tế tri thức bây giờ, nếu không học, sẽ không thể phát triển bền vững. Nghệ An có bề dày văn hóa, điển hình là dân ca ví giặm được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Nghệ An có truyền thống Xô Viết anh hùng, là vùng đất nhiều danh nhân tiêu biểu trên tất cả các lĩnh vực và xuyên mọi thời đại. Nghệ An còn là tỉnh có nhiều “Nghệ kiều”. Tỉnh nhà phát triển nhanh cũng nhờ một phần vào người Nghệ An ra đi đã bắt đầu trở về. Người Nghệ An có đặc điểm: nghèo thì đi, giàu mới về. Giàu về để làm rạng danh quê hương, đất nước, về để giúp quê hương giàu mạnh nhanh hơn.

Trong thời đại ngày nay, làm sao phát huy được những truyền thống văn hóa của Nghệ An? Theo tôi, Nghệ An cũng như cả nước, cần tập trung vào ba trụ cột văn hóa cơ bản: văn hóa gia đình (nền tảng xã hội), văn hóa doanh nghiệp (nền tảng kinh tế) và văn hóa công sở và đạo đức công vụ (nền tảng chính trị). Tôi nghĩ, văn

hóa và đạo đức phải được chăm lo từ: con người, gia đình, dòng họ, quê hương. Trong đó văn hóa gia đình là gốc. Bởi gia đình là đơn vị kinh tế cơ sở, gia đình là đơn vị an ninh cơ sở, gia đình là đơn vị văn hóa cơ sở. Mọi sự tốt đẹp hoặc đau buồn của quốc gia, dân tộc, thậm chí là của nhân loại đều luôn bắt đầu từ gia đình. Bác Hồ đã dạy: Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Gia đình không yên thì xã hội không vui.

Đầu năm 2007, khi còn làm Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin tôi sang thăm và làm việc tại Nhật Bản. Khi hội đàm với Bộ trưởng đồng nhiệm của Nhật Bản, tôi đặt vấn đề: Ngài có thể khái quát bằng mấy chữ nói lên đặc trưng văn hóa của người Nhật Bản là gì? Ngài Bộ trưởng Nhật Bản trao đổi: Văn hóa rộng lớn lắm mà khái quát thành mấy chữ là rất khó, nhưng tôi tạm chọn mấy chữ trả lời ngài trước, sau này có dịp gặp lại nhau tôi sẽ bổ sung thêm. Có thể khái quát đến mức ngắn nhất văn hóa của người Nhật là “không làm phiền người khác”. Tôi nhận ra ngay, đây chính là văn hóa Hồ Chí Minh. Bác Hồ của chúng ta không bao giờ làm phiền cấp dưới...

Tự hào về truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng của Nghệ An, nhưng ông có nhận thấy trong truyền thống đó, dường như vẫn có những mặt kìm hãm, cản trở sự phát triển?

Quê hương cách mạng bao giờ cũng là tấm huân chương hai mặt, bởi vì nơi có công thường hay kể công, chờ đợi và đòi hưởng thụ. Tôi nhận thấy, người Nghệ An có một số đặc điểm như dũng cảm có lúc liều lĩnh, tiết kiệm đến mức hà tiện. Khắt khe đến mức thô bạo, thẳng thắn đến mức gàn. Khi còn là đại biểu Quốc hội, đi tiếp xúc cử tri ở Nghệ An và Hưng Yên tôi nhận thấy người quê mình nói bộp chộp hơn, nói cái gì cũng “khẳng định”, như quan tòa. Bác Hồ từng dặn cán bộ Nghệ An: “Các chú phải bớt cái gàn đi”.

Một đặc điểm nữa là người Nghệ An đoàn kết nhưng đừng cục bộ, quan tâm nhưng đừng can thiệp, yêu quý nhưng không áp đặt...

Tự trung lại, tính cách của người Nghệ An là trung thực. Những tính cách cương trực, thẳng thắn giàu tố chất xây dựng như các ông Lê Văn Cương, Trương Đình Tuyển, Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Quốc Thước... là một ví dụ. Người Nghệ An làm gì cũng quyết liệt, làm đến cùng nhưng rất nghĩa tình, thủy chung.

Tôi có cảm nhận trong chiến tranh Nghệ An xuất hiện rất nhiều lãnh đạo có đức tài, vì có nhiều tố chất phù hợp như kiên cường dũng cảm, xả thân quyết liệt, nhưng thời bình, trong làm kinh tế phải có phương pháp tốt hơn. Có lần tôi nói vui: Người Miền Nam nói khó nghe nhưng dễ hiểu. Người Miền Trung nói vừa khó nghe vừa khó hiểu. Người Miền Bắc nói dễ nghe nhưng khó hiểu. Vì vậy cái thẳng thắn có lúc thẳng băng của Nghệ An cũng nên gói ghém bằng những ngôn từ mềm dẻo hơn, dễ thuyết phục hơn. Giống như ngày xưa cho trẻ uống kháng sinh rất đắng phải bóp miệng, cạy răng bắt trẻ uống bằng được. Bây giờ thuốc kháng sinh được bọc đường dễ uống, ngấm sâu, khỏi bệnh rất nhanh.

Xin trân trọng cảm ơn ông!

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện)

Mỹ thuật



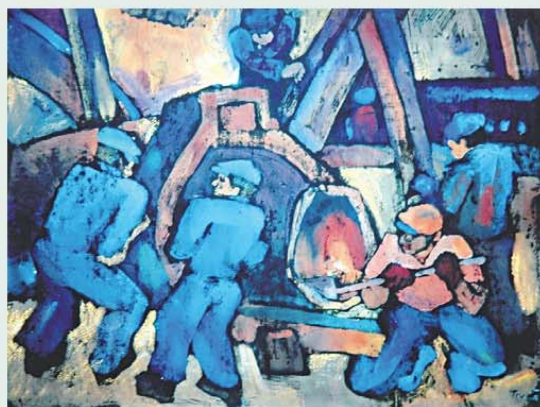
Trục chiến (khắc ván màu) - ĐÌNH TRUYỀN



Sen (acrylic) - HỒ THIẾT TRINH



Đất mẹ (sơn dầu) - BÀ SIẾU

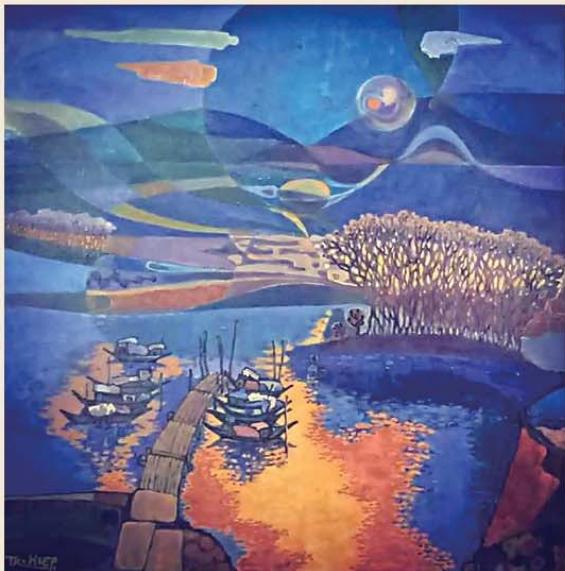


Thợ trẻ (khắc ván màu) - ĐÌNH TRUYỀN

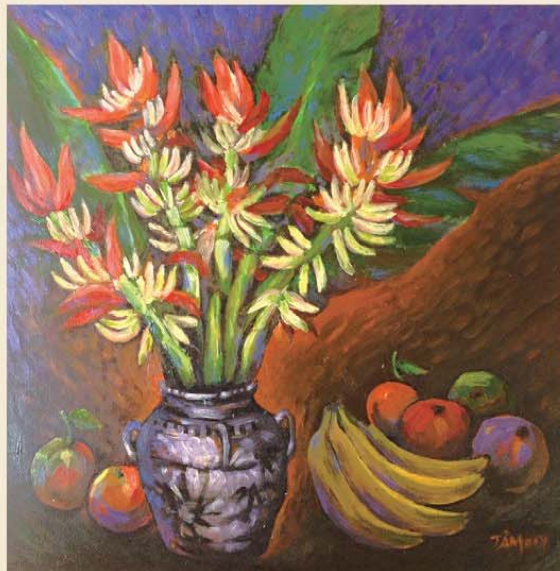


Biển hát trong đêm (sơn dầu) - HỒ HUY HÙNG

Mỹ thuật



Núi Hồng sông Lam (acrylic) - TRỌNG HIỆP



Tĩnh vật (sơn dầu) - TẠ TÂM



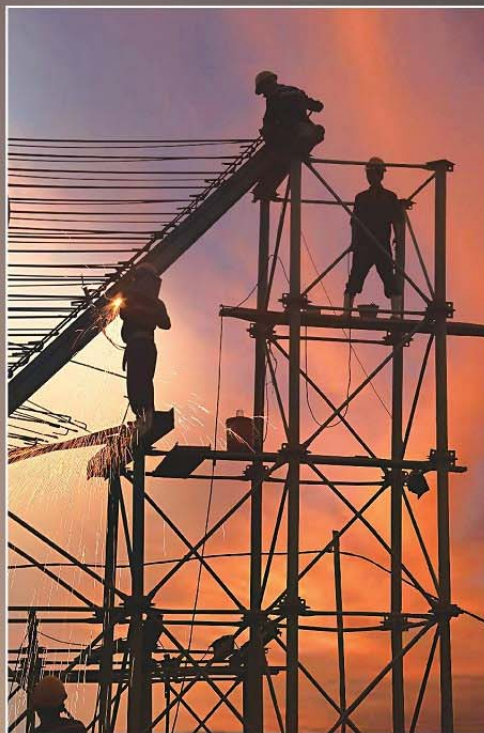
Quê (sơn dầu) - TRẦN VINH



Phố chiều (sơn dầu) - PHAN HUY



Thiếu nữ Thái - THANH HẢI



Bản nhạc trên cao - CHU TRỌNG TUẤN



Thuyền về - NGUYỄN TRUNG KIẾN



Hoàng hôn - HỒ CHIẾN

Sen QUÊ BÁC



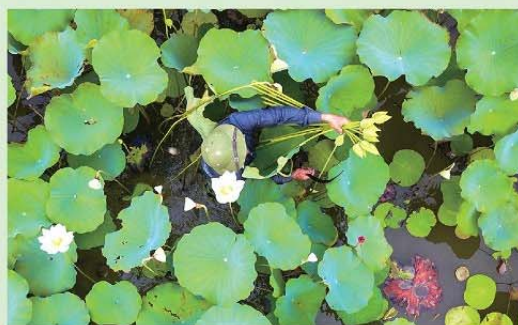
📷 TRUNG HÀ



📷 LÊ THẮNG



📷 HẢI VƯƠNG



📷 TRUNG HÀ



📷 LÊ THẮNG